# Chương 13: Dự án Đề xuất Khôi phục Sớm Rùa biển


13 Chương 13: Dự án Đề xuất Khôi phục Sớm Rùa biển ..... 1

13.1 Dự án Khôi phục Sớm Rùa Biển : Mô tả dự án ..... 2

13.1.1 Giới thiệu ..... 2

13.1.2 Tóm tắt Dự án ..... 3

13.1.3 Cơ sở và Mô tả Hợp phần Dự án ..... 4

13.1.4 Tiêu chí đánh giá ..... 19

13.1.5 Tiêu chí Thực hiện và Giám sát ..... 20

13.1.6 Quản lý/ Bảo trì Dự án ..... 20

13.1.7 Đền bù ..... 21

13.1.8 Chi phí Ước tính ..... 22

13.2 Dự án Khôi phục Sớm Rùa biển: Đánh giá Môi trường ..... 22

13.2.1 Giới thiệu, Cơ sở, Mục đích và Sự cần thiết ..... 23

13.2.2 Phạm vi Đánh giá Môi trường (EA) ..... 27

13.2.3 Phương án của dự án ..... 28

13.2.4 Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ ..... 30

13.2.5 Ảnh hưởng đến Môi trường của việc Phát hiện và cải thiện tổ rùa Kemp's ridley và những Hậu quả về Môi trường ..... 33

13.2.6 Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển và Phát triển Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển ..... 54

13.2.7 Môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả môi trường do Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển và Phát triển Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển ..... 57

13.2.8 Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico và Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas ..... 64

13.2.9 Môi trường bị ảnh hưởng và hậu quả môi trường của Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Vịnh Mexico và Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas ..... 69

13.2.10 Tổng tắt chung và các bước tiếp theo của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển ..... 75

13.2.11 Tác động tích lũy của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển ..... 77

13.3 Tài liệu Tham khảo ..... 80

## 13.1 Dự án Khôi phục Sớm Rùa Biển : Mô tả dự án

Chương này giới thiệu và tóm tắt dự án Khôi phục sớm loài rùa biển; bản mô tả chung bốn hợp phần dự án bao gồm những thông tin cơ sở liên quan; một bản thảo luận về tính nhất quán của dự án rùa biển với các tiêu chí đánh giá dự án; mô tả các tiêu chí dự trù về việc thực hiện, giám sát và duy trì tất cả cáchợp phần của dự án ; mô tả các loại và số lượng đền bù từ BP sẽ nhận được để tài trợ cho dự án rùa biển ; tổng chi phí ước tính của dự án rùa biển ; và đánh giá môi trường của dự án.

### 13.1.1 Giới thiệu

Dự án Khôi phục Sớm loài Rùa biển bao gồm bốn hợp phần dự án bổ sung : ( 1 ) Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ ; ( 2 ) Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ (STSSN) và Phát triển Chương trình ứng phó khẩn cấp ; ( 3 ) Giảm đánh bắt nhầm do đánh bắttôm bằng lưới rê ở vùng vịnh Mexico; và ( 4 ) Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas, trong đó sẽ hỗ trợ việc khôi phục các loài rùa biển . Kết hợp lạicác hợp phần này tạo nên phương pháp  tiếp cận đa diện để khôi phục rùa biển,giải quyết các mối đe dọa đối với rùa biển khi làm tổ trên bãi biển và trong môi trường biển.

Hợp phần Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ sẽ cung cấp thêm nhân viên, chương trình huấn luyện; các hoạt động giáo dục, trang thiết bị, vật tư, và phương tiện cần thiết trong khoảng thời gian 10 năm cho dự án Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ ở cả hai bang Texas và Mexico. Dự án cũng sẽ cung cấp bổ sung hai cabin cho nhân viên và hai bãi quây làm tổ tại cuối khu vực phía nam của Bờ biển Quốc gia Đảo Padre (PAIS). Hợp phần Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ (SSTN) và phát triển chương trình ứng phó khẩn cấp sẽ tăng cường mạng lưới STSSN đang quá tải hiện nay trong vòng 10 năm tại Texas và trên khắp vùng Vịnh cũng như xây dựng một chương trình ứng phó khẩn cấp chính thức trong vùng Vịnh Mexico để tăng khả năng sống sót của rùa biển khi gặp choáng lạnh và bị mắc cạn. Hợp phần Giảm đánh bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở vùng vịnh Mexico sẽ giúp tăng cường hai chương trình NOAA hiện có, giảm đánh bắt nhầm rùa biển khi đánh bắt tôm trên Vịnh Mexico. Hai chương trình là các Đội giám sát thiết bị đánh bắt (GMT) và Chương trình Quan sát viên Nghề Đánh bắt Tôm bằng Lưới rê khu vực Đông Nam (Chương trình Quan sát viên). Các chương trình GMT hiện có sẽ được mở rộng thêm nhân viên bổ sung để cung cấp công suất lớn hơn cho việc giáo dục và tiếp cận cộng đồng đánh bắt tôm để cải thiện việc tuân thủ với các quy định của liên bang về Thiết bị lọc rùalọc Rùa (TED). Chương trình Giám sát hiện có sẽ được mở rộng thêm 300 ngày quan sát hàng năm, kéo dài trong 10 năm. Hợp phần Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas sẽ tăng cường các hoạt động thực thiTPWD đối với việc vô tình đánh bắt phải rùa biển khi chúng hoạt động chủ yếu ở các vùng biển bang Texas (khoảng 367 dặm đường bờ biển ra đến 9 hải lý) thuộc vùng Vịnh Mexico trong thời hạn 10 năm. Việc tăng cường các hoạt động thi hành luật lệ này sẽ tập trung tuân thủ các quy định của TED trong mùa đánh bắt tôm tại vịnh Mexico (chủ yếu là từ tháng Hai đến giữa tháng Năm).

**Hình 13-1. Khu vực địa lý của Dự án đề xuất Khôi phục Sớm Rùa Biển Giai đoạn IV**

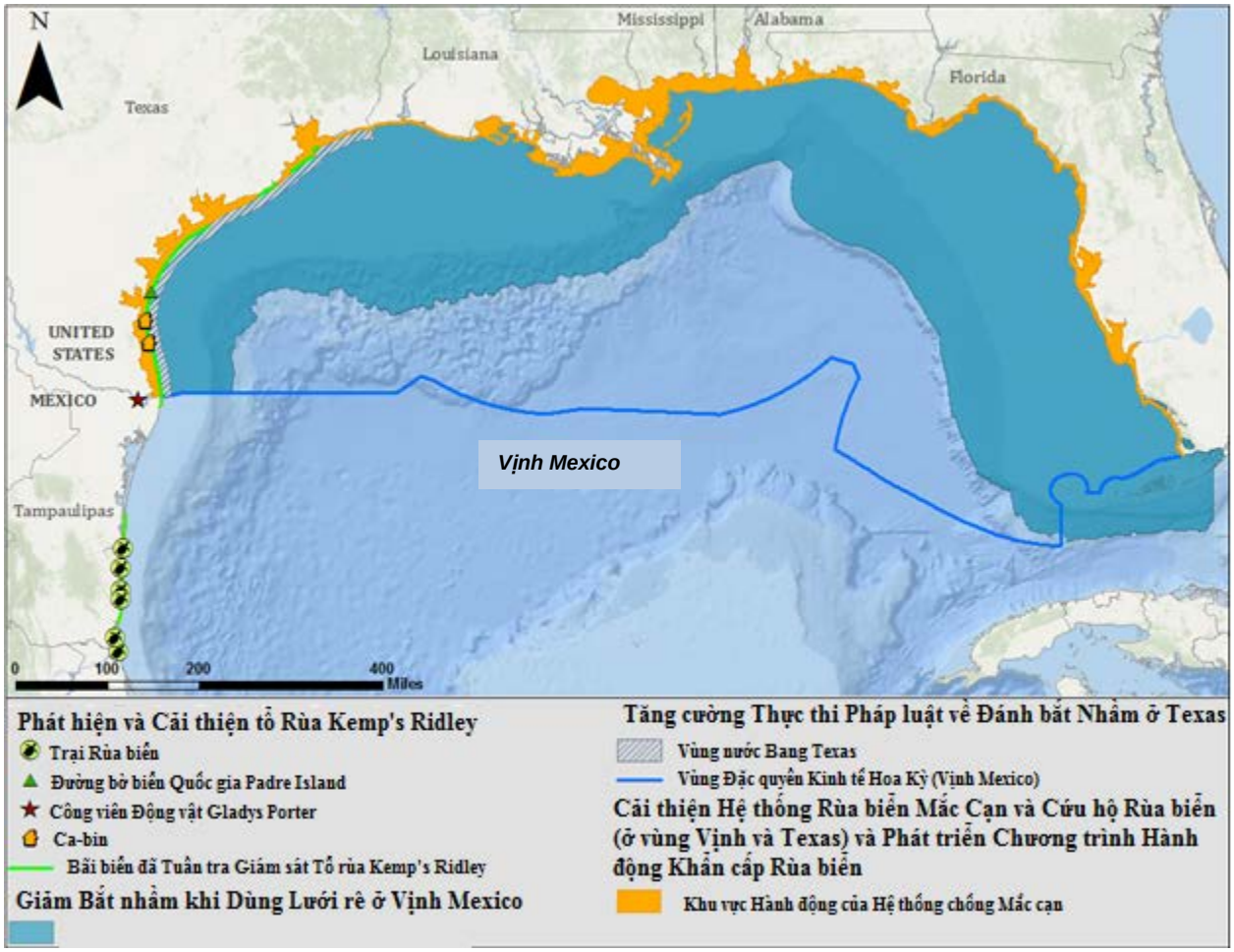


### 13.1.2 Tóm tắt Dự án

Các Ủy viên đề xuất Dự án Khôi phục Sớm Rùa biển Giai đoạn IV, bao gồm bốn hợp phần sau đây[1]:

1. Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ;
2. Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ (STSSN) và Phát triển Chương trình Ứng phó khẩn cấp Rùa biển
3. Giảm Bắt nhầm do Đánh bắt tôm bằng Lưới rê ở Vùng Vịnh Mexico; và
4. Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas

Hình 13-1 đưa ra bản đồ các khu vực địa lý nơi các hợp phần dự án đề xuất về rùa biển sẽ diễn ra. Dự án này phù hợp với mục tiêu đền bù cho công chúng các thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên do sự cố Tràn dầu.

Mục 13.1 bao gồm mô tả chung về tính phù hợp của dự án rùa biển với các tiêu chí đánh giá dự án; các tiêu chí thực hiện, giám sát và duy trì theo kế hoạch của tất cả các hợp phần của dự án; loại và lượng

[1]Hợp phần dự án có thể được đặt tên khác đi ở các văn bản trước.

đền bù BP cho việc tài trợ dự án rùa biển; và tổng chi phí ước tính của dự án rùa biển. Chỉ thiết lập phụ lục Cơ sở và Mô tả dự án bằng hợp phần dự án riêng rẽ.

Mục 13.2 bao gồm Đánh giá Môi trường (EA) cho dự án đề xuất. Dự án được phân tích và mô tả như một Đánh giá Môi trường (EA) bao gồm ba mục, dựa trên sự giống nhau giữa bốn hợp phần dự án, có thể phân tích bốn hợp phần này trong ba mục. Mỗi mục trong ba mục này bao gồm các thảo luận cụ thể về môi trường bị ảnh hưởng và phân tích hậu quả đối với môi trường liên quan đến dự án đề xuất. Sau ba mục này, sẽ tóm tắt các tác động tổng thể của dự án đề xuất. Các dự án đề xuất nằm trong Giải pháp Chương trình ưu tiên được các Ủy viên xác định trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

### 13.1.3 Cơ sở và Mô tả Hợp phần Dự án

#### *13.1.3.1 Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ*

Hợp phần Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ sẽ cung cấp kinh phí hỗ trợ bảo tồn rùa biển Kemp's Ridley đang diễn ra. Kế hoạch hợp tác song phương nhằm khôi phục Rùa biển Kemp's Ridley (Lepidochelys kempii) (NMFS và USFWS, và Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên Thiên nhiên và Môi trường, Mexico [SEMARNAT] 2011) vạch ra một chiến lược phục hồi bao gồm phát hiện và bảo vệ tổ rùa biển. Mục tiêu chính của hợp phần dự án này là để giảm số lương rùa con mới nở bị chết thông qua sự hỗ trợ liên tục cho các hoạt động phát hiện và bảo vệ tổ rùa biển ở Texas và Mexico; như một phần trong các nỗ lực nhằm khôi phục loài rùa Kemp's Ridley. Tiền tài trợ cho hợp phần dự án đề xuất này sẽ sẽ hỗ trợ công tác bổ sung nhân viên, chương trình đào tạo, thiết bị, vật tư, phương tiện trong thời hạn 10 năm ở cả hai bang Texas và Mexico. Hợp phần dự án cũng sẽ cung cấp cho việc xây dựng hai cabin và hai bãi quây làm tổ tại đầu phía nam của Bờ biển Quốc gia Padre Island (PAIS).

Kemp's Ridley là loài rùa nhỏ nhất trong bảy loài rùa biển và là loài duy nhất làm tổ chủ yếu vào ban ngày (Hình 13-2); nó cũng là một trong những loài rùa biển dễ bị tổn thương nhất trên thế giới. Loài rùa biển Kemp's Ridley đã được liệt vào danh sách các loài rùa có nguy cơ tuyệt chủng vào ngày 02 Tháng 12 năm 1970 (USFWS 1970), và được bảo vệ của liên bang theo ESA và pháp luật kể từ thời điểm này. Rùa Kemp's Ridley cư trú trên khắp Vịnh Mexico và dọc theo bờ biển Đại Tây Dương, từ Florida đến New England. Rùa Kemp's Ridley hầu hết làm tổ trên bãi biển Vịnh Mexico giữa Playa de Tepehuajes và Barra del Tordo/Playa Dos ở bang Tamaulipas, Mexico. Mặc dù phần lớn Rùa Kemp's Ridley làm tổ ở Mexico (USFWS 1970), nhưng cũng xuất hiện một số số tổ rùa dọc theo bờ biển vịnh Texas. Tổ của Rùa biển Kemp's Ridley đã được ghi nhận trên bờ biển Texas kể từ năm 1948 (Shaver và Caillouet 1998 và Shaver 2005). Năm 1978, một chương trình hợp tác song phương giữa hai quốc gia Mexico và Hoa Kỳ đã được phát triển để phục hồi loài rùa và bắt đầu với chiến lược bảo vệ tổ và cá thể làm tổ.

**Hình 13- 2.Rùa biển Kemp's Ridley làm tổ tại PAIS. Nguồn ảnh: Sở Công viên quốc gia**

Công tác phát hiện tổ loài rùa Kemp's Ridley ở Texas được thực hiện bởi DOI và hợp tác giữa các cơ quan liên bang và tiểu bang, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), và các trường đại học. Ngoài ra, Hoa Kỳ ủng hộ các nỗ lực phát hiện và bảo vệ tổ rùa biển đang diễn ra tại Mexico thông qua Sở thú Gladys Porter.

#### *13.1.3.1.1* Hoạt động của bang Texas

Những nỗ lực xác định vị trí, ghi lại tư liệu, nghiên cứu, và bảo vệ việc làm tổ của Rùa Kemp's Ridley và tổ của chúng tại bang Texas bắt đầu từ PAIS vào năm 1986 và tiếp tục tới ngày nay, tuy nhiên công tác tuần tra Rùa làm tổ của không được tiến hành toàn diện cho đến năm 1998 (Shaver 2005). Qua hợp tác với nhiều đối tác, NPS đã tiến hành một chương trình mở rộng nhằm phát hiện, ghi lại tư liệu, và bảo vệ Rùa Temp's Ridley làm tổ và tổ của chúng tại bang Texas. Ngày nay, việc tuần tra phát hiện tổ rùa diễn từ bán đảo Bolivar ở phía bắc Bờ Biển vùng Vịnh Texas đến Bãi biển Boca Chica ở biên giới Texas/Mexico. Loài rùa Kemp's ridley chủ yếu làm tổ vào ban ngày ở Texas và việc tuần tra thường được tiến hành hàng ngày từ tháng Tư đến giữa tháng Bảy (Hình 13 3).

**Hình 13-3. Các cuộc tuần tra được tiến hành trên bờ biển Texas**

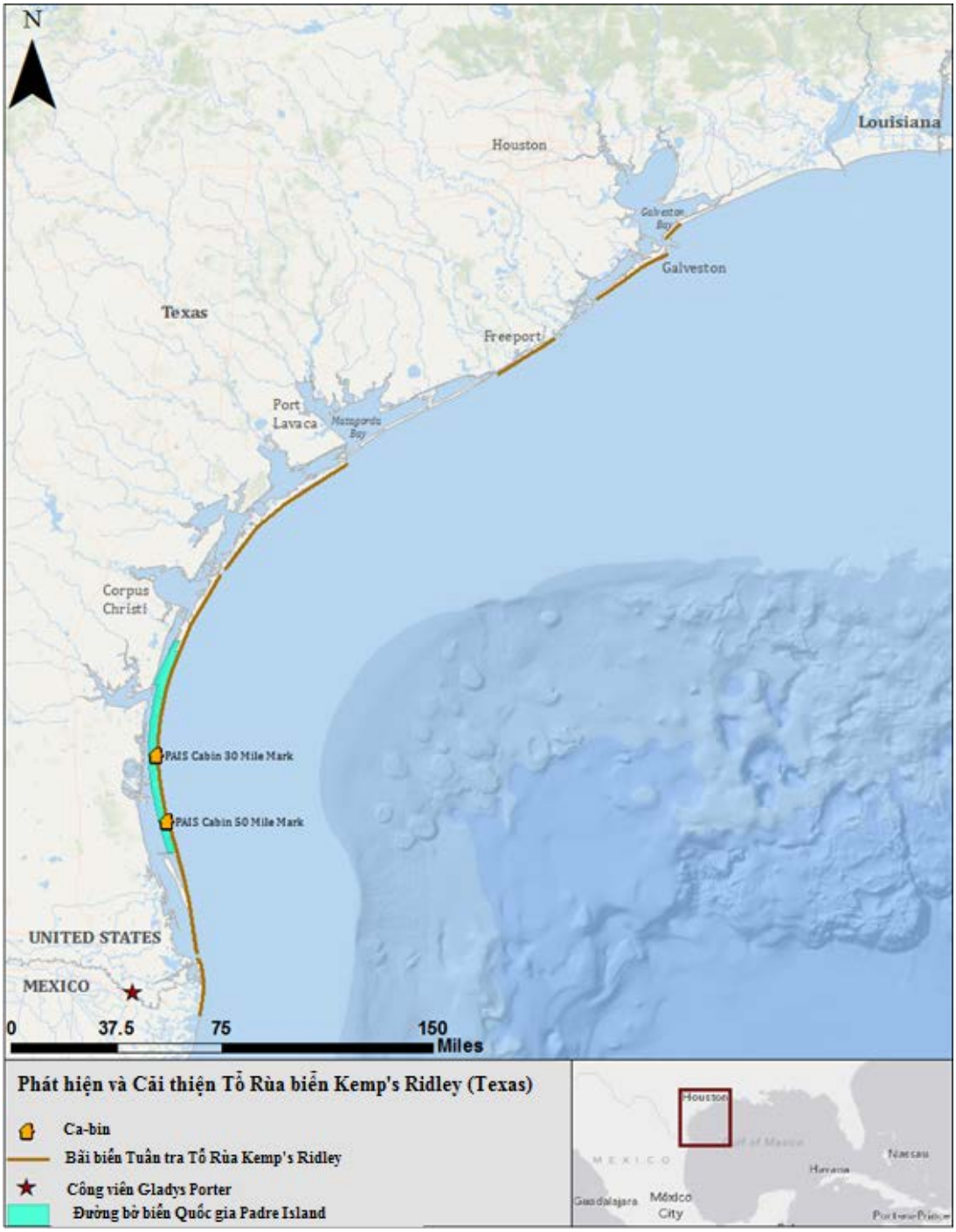


Trứng của Rùa Kemp’s ridley được tìm thấy trong quá trình tuần tra từ Bắc đảo Padre về phía bắc trên bờ biển Texas được đào lên và đưa đến các cơ sở ươm tạo tại PAIS để chăm sóc bảo vệ. Trứng ở một số tổ tìm thấy ở vùng cực nam của PAIS được bố trí vào một khu vực lớn quây kín gọi là bãi quây. Những quả trứng trong bãi quây được theo dõi và bảo vệ tránh bị ăn thịt cho đến khi trứng nở. Tương tự như vậy, trứng ở tổ được tìm thấy trên đảo South Padre và bãi biển Boca Chica được đặt trong bãi quây trên

đảo South Padre. Rùa con mới nở từ những tổ được bảo vệ ở Texas sẽ được thả về Vịnh Mexico tại PAIS và Đảo Nam Padre (Hình 13- 4).

**Hình 13 4.Thả Rùa con Kemp's ridley mới nở tại Đảo Nam Padre, Texas. Nguồn ảnh: Sở Công viên và Động vật hoang dã Texas**

Tổ tìm thấy dọc theo bờ biển phía bắc Texas PAIS được đưa đến các cơ sở ươm tạo và bãi quây tại PAIS để bảo vệ tránh các mối đe dọa từ con người và tự nhiên. Tuy nhiên, những trường hợp này thường chiếm ít hơn 20% tổng số tổ rùa phát hiện tại Texas mỗi năm. Rùa non mới nở được thả về biển trên Bờ biển Quốc gia trong một nỗ lực để tái thiết khu vực làm tổ thứ cấp tại các khu đất được bảo vệ bởi liên bang tại PAIS, là một phần của toàn bộ chiến lược phục hồi loài rùa Kemp's Ridley. Một vài tổ không được tìm thấy trong quá trình tuần tra bờ biển Texas, đượcấp nở tự nhiên trong cát tại địa điểm làm tổ (tại chỗ). Vì các tổ này không được bảo vệ, chúng thường có tỷ lệ sống sót thấp hơn so với tổ được bảo vệ. Cũng ghi nhận trên bờ biển Texas tổ của bốn loài rùa biển khác tìm thấy ở vịnh Mexico . Việc tuần tra ở Texas nói chung không bao gồm tuần tra việc làm tổ của các loài rùa khác này. Tuy nhiên, nếu phát hiện những tổ này trong quá trình tuần tra, thì sẽ chuyển các tổ đó tới cơ sở ươm tạo/bãi quây ở PAIS hoặc bãi quây trên Đảo Nam Padre.

Việc phát hiện tổ rùa, di chuyển trứng rùa và thả rùa con về biển được thực hiện bằng các thiết bị chuyên sâu tại những khu vực xa xôi và khắc nghiệt trên bờ biển Texas. Phần này của hợp phần dự án khôi phục đề xuất sẽ duy trì, cải thiện và/hoặc tăng cường việc phát hiện tổ rùa hiện có, thu gom, vận chuyển, bảo vệ và chăm sóc trứng đang ấp và rùa con Kemp's ridley mới nở tại Texas. Tài trợ của dự án

sẽ cho phép các hoạt động được thực hiện toàn diện và hiệu quả hơn, giúp giảm tỷ lệ tử vong rùa biển mới nở. Các hợp phần dự án đề xuất, thực hiện bởi các Ủy viên bang Texas[2] và DOI, sẽ cung cấp kinh phí cho Sở công viên quốc gia (NPS), Sở Công viên và Động vật hoang dã Texas (TPWD), Sở Thủy sản và Động vật hoang dã (USFWS), và các đối tác Phi chính phủ (NGOs) và các trường đại học để hỗ trợ công tác tuần tra phát hiện và bảo vệ tổ rùa trong thời hạn 10 năm tiếp theo. Các nguồn tài trợ sẽ hỗ trợ chi phí nhân sự, vật tư, xây dựng cơ sở, trang thiết bị, nhiên liệu, mua và bảo trì phương tiện đi lại như là một phần của chương trình phát hiện tổ rùa hiện nay.

NPS chịu trách nhiệm phát hiện và bảo vệ rùa làm tổ và tổ của chúng trên đảo North Padre, bao gồm cả PAIS. Tuyến đường tuần tra trên PAIS bao gồm gần 80 dặm bãi biển không có cơ sở hạ tầng về phía nam 60 dặm. Điều kiện đi lại khó khăn và thông tin liên lạc bị hạn chế trong vòng 60 dặm nên yêu cầu phải sử dụng xe bốn bánh và nhân viên phải tự túc trong khu vực hoang dã ven biển . Điều kiện thời tiết và thủy triều thay đổi nhanh chóng cũng có thể gây ra rủi ro an toàn cho nhân viên và các trang thiết bị. Hợp phần dự án đề xuất Phát hiện và thúc đẩy Rùa Biển Kemp's Ridley làm tổ được DOI tài trợ nhằm xây dựng hai cabin ở cực nam xa xôi của PAIS . Để giảm thiểu rủi ro trong việc vận chuyển trứng trên đoạn đường xa gồ ghề, cần xây dựng bãi quây làm tổ gần các trại này.

Đề xuất xây dựng cabin sẽ cải thiện công tác phát hiện và bảo vệ tổ trên các bãi biển PAIS, qua đó giảm thời gian ứng phó, nâng cao sức chứa của các bãi quây và rút ngắn khoảng cách di chuyển từ tổ rùa tới bãi quây, với mục tiêu làm tăng tỉ lệ sống của rùa con mới nở. Các cabin được xây dựng sẽ thay thế hai cabin cũ đã mất năm 1999 do bão Bret. Việc xây dựng hai cabin mới này giúp sắp xếp phân chia các nhân viên công viên tốt hơn khi bắt đầu và kết thúc tuần tra hàng ngày, tạo thêm nhiều thời gian cho việc tuần tra giám sát. Việc xây dựng các cabin cũng giúp giảm thiểu hoặc giảm bớt rủi ro về an toàn lao động cho nhân viên khi làm việc tại các khu vực xa xôi trên bờ biển. Trong tình huống khẩn cấp và thời tiết khắc nghiệt,  các nhân viên có thể ẩn náu hoặc trú ẩn tại khoang cabin mới này . Hợp phần dự án này cũng bao gồm bãi quây trứng của rùa biển gần các cabin được đề xuất. Đặt các bãi quây này gần cabin giúp cho việc giám sát qua đêm được thuận tiện và đảm bảo an toàn cho các quả trứng. Vị trí trung tâm các bãi quây so với các tuyến đường tuần tra (30 và 50 dặm đánh dấu gần Bờ biển Quốc gia) sẽ giúp tối ưu hóa công tác chuyển trứng vào bãi quây ngay sau khi được lấy lên từ tổ. Hành động này sẽ làm giảm thời gian vận chuyển trứng, từ đó giúp giảm đi nguy cơ chấn thương phôi trứng. Một khi rùa con nở, chúng sẽ được thả ở các bãi quây gần biển hơn so với tổ mà chúng đã được tìm thấy và có thể thả rùa con dọc bãi biển Vịnh Mexico.

#### *13.1.3.1.2 Hoạt động của Mexico*

Trên 90% số lượng tổ rùa Kemp's ridley nằm dọc 78 dặm bãi biển  từ Playa de Tepehuajes đến Barra del Tordo/Playa Dos, bang Tamaulipas, Mexico (Hình 13 5, Sở thú Gladys Porter 2013). Nếu có bất kỳ thảm họa, do con người hay tự nhiên, xảy ra tại trung tâm sinh sản này, việc khôi phục có thể bị lùi lại nhiều năm. Từ năm 1981, Sở thú Gladys Porter đã dùng phần vốn của Hoa Kỳ , hợp tác chung giữa Mỹ/Mexico để bảo vệ và tăng cường sản sinh rùa biển Kemp's ridley tại bãi biển quê hương của chúng nằm ở bang Tamaulipas, Mexico.

[2] Các Ủy viên Texas bao gồm Ủy ban về Chất lượng môi trường Texas, Tổng cục địa chính Texas, và Cục Công viên và Động vật Hoang dã Texas (TPWD).

**Hình 13 5. Vị trí của bãi biển nơi rùa biển Kemp's ridley làm tổ tại Mexico**

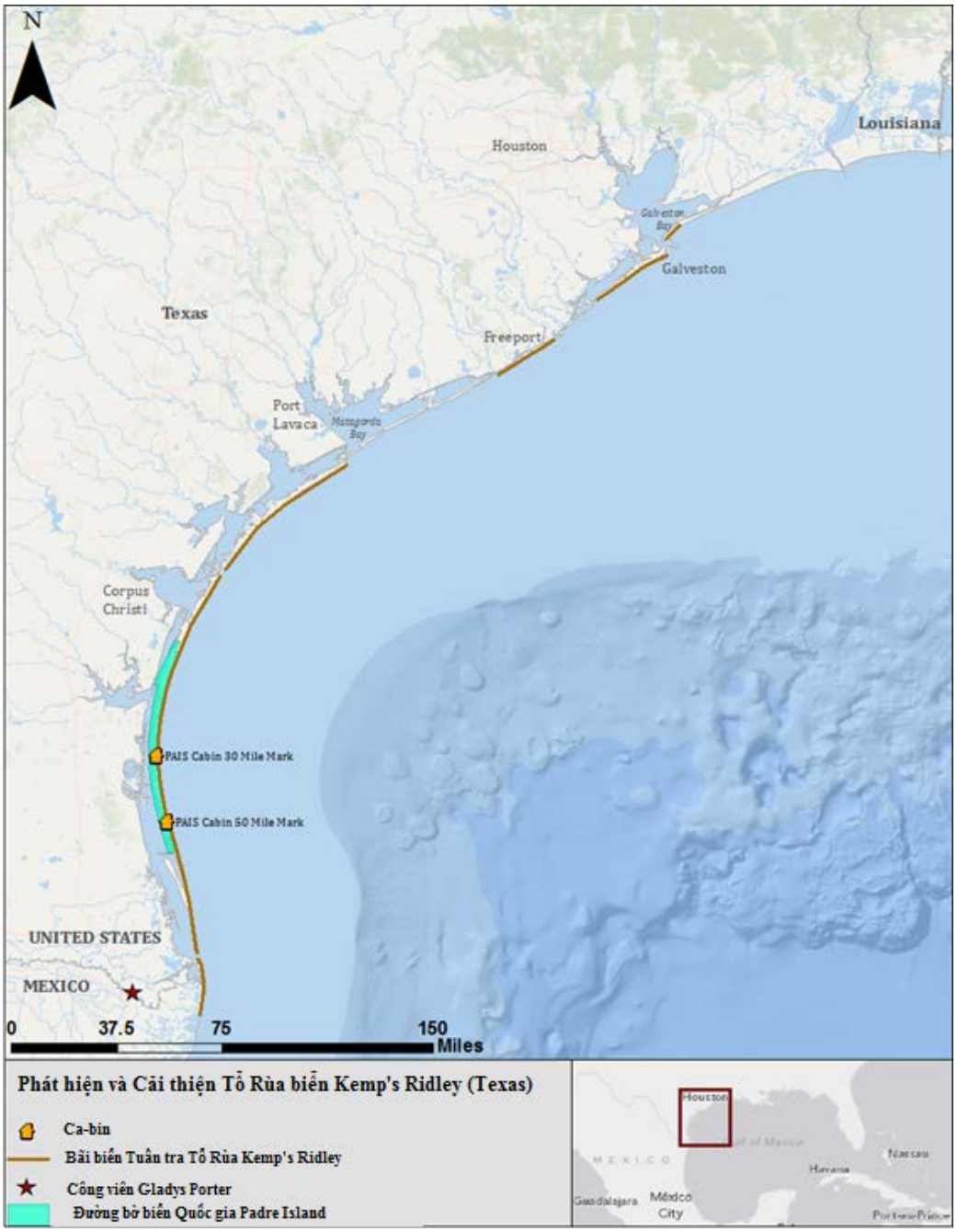


Từ năm 1966 đến năm 1987, những nỗ lực bảo tồn tập trung vào khu vực Rancho Nuevo với trại đặt tại Barra Coma. Năm 1978, Mỹ đã phối hợp với Mexico thực hiện các hoạt động bảo vệ tổ rùa tại Rancho Nuevo. Chương trình hợp tác song phương giữa hai quốc gia được mở rộng vào năm 1988 ở khu vực phía nam Barra Del Tordo với một trại tại Playa Dos. Trại thứ ba được thiết lập ở phía bắc một năm sau đó. Trại này đã được di dời nhiều lần và từ năm 1996 được đặt gần bãi biển Playa de Tepehuajes. Cũng trong năm đó, phối hợp cùng các cơ quan đối tác ở Mexico thiết lập ba trại mới , một trại trong gần thị

trấn La Pesca và hai trại gần các thành phố Ciudad Madero và Altamira ở các bãi biển của Playa Miramar Playa và Tesoro, tương ứng.

Những nỗ lực vào mùa rùa làm tổ ở Mexico thường bắt đầu vào tháng Ba với việc chuẩn bị trại và xây dựng bãi quây bảo vệ. Việc tuần tra ở Mexico bắt đầu một cách nghiêm túc vào tháng Tư và tikéo dài đến cuối tháng Tám, đôi khi kéo dài đến giữa tháng Chín. Tính trung bình, thực hiện ba lượt tuần tra mỗi ngày từ tháng Ba đến tháng Tám. Tính toán số lượng tuần tra, hoạt động trong mùa rùa làm tổ với quy mô lớn, đồng bộ và hàng loạt (gọi là, arribadas), hoạt động thả rùa con mới nở, và các hoạt động khác, ước tính tuần tra khoảng 134.000 dặm được trong mùa làm tổ sáu tháng, khoảng 108.000 giờ làm việcCông tác ghi nhận nhiều dữ liệu liên quan và chuyển ổ trứng đến bãi quây bảo vệ. Sau thời gian ấp trứng, kiểm đếm rùa non mới nở từ các tổ được bảo vệ sẽ và thả rùa con ra Vịnh Mexico.

Quỹ tài trợ cho hợp phần dự án Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ sẽ được sử dụng để duy trì, cải thiện và/hoặc tăng cường việc phát hiện tổ rùa, di dời trứng, và bảo vệ tổ rùa dài hạn tại Mexico. Các Ủy viên bang Texas sẽ cung cấp kinh phí cho Sở thú Gladys Porter trong khoảng thời gian 10 năm để hỗ trợ việc tuần tra, bảo vệ tổ rùa, và giáo dục ý thức của người dân địa phương. Những hoạt động này là một phần trong những nỗ lực dài hạn của Kế hoạch Khôi phục (NMFS và USFWS, và SEMARNAT 2011). Về hoạt động của Mexico trong hợp phần dự án này, một phái đoàn song phương bao gồm nhân viên công tác tại hiện trường, cả nhân viên từ Sở thú Porter Gladys và từ Mexico, sẽ làm việc dưới sự giám sát của các nhà sinh học rùa biển được đào tạo để tiến hành tuần tra trên bãi biển tìm kiếm, theo dõi rùa biển, và tổ của chúng.

Chuyển trứng vào bãi quây hiện đang là cách làm hiệu quả nhất để bảo vệ tổ rùa khỏi các loài ăn thịt trong khu vực này. Vào cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980 khi mới khởi sự chương trình song phương, số lượng tổ còn thấp thấp và có nhiều loài săn mồi đe dọa tổ rùa tại chỗ. Xác suất làm tổ thành công là cực kỳ thấp, do đó cần sử dụng các kỹ thuật di dời và quây bảo vệ. Nhờ những nỗ lực này, tối đa hóa được số lượng rùa con mới nở được trả về môi trường tự nhiên vùng Vịnh. Phần lớn kinh phí của hợp phần dự án này là nhằm tăng cường mức độ bảo vệ tổ rùa tại chỗ , thông qua việc tăng cường phòng chống các loài săn mồi và tăng nỗ lực tuần tra. Sau thời gian ấp trứng, tùy thuộc vào nhiệt độ có thể dao động từ 45 đến 60 ngày, từ các tổ bảo vệ rùa non mới nở, số rùa này sẽ được kiểm đếm và thả lại vào Vịnh Mexico.

#### *13.1.3.2 Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ và phát triển Chương trình Ứng phó khẩn cấp Rùa biển*

Hợp phần dự án này bao gồm 1) Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia (NOAA) Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ (STSSN) trên Vịnh Mexico trong thời hạn 10 năm, 2) Ủy viên bang Texas tăng cường STSSN tại bang Texas trong thời hạn 10 năm, và 3) NOAA thành lập một Chương trình ứng phó khẩn cấp chính thức cho Rùa biển trong vùng Vịnh Mexico. Hợp phần dự án này có mục tiêu cải thiện khả năng phản ứng để khôi phục rùa biển chết và bị thương. Ba yếu tố của hợp phần dự án này được mô tả dưới đây và phạm vi địa lý của dự án cũng được minh họa trong Hình 13- 6.

*Hình 13-6. Phạm vi địa lý của Mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ (vùng Vịnh và Texas) và Phát triển Chương trình ứng phó khẩn cấp rùa biển*

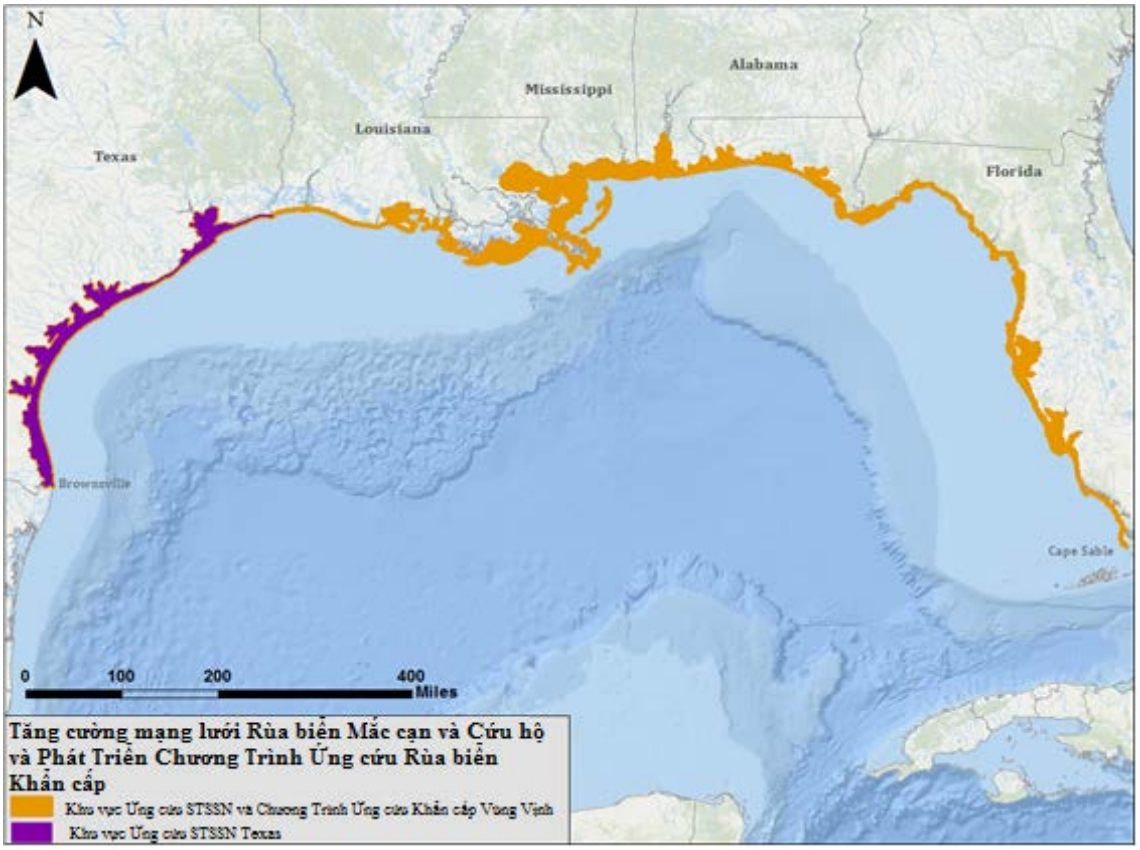


### *13.1.3.2.1 Tăng cường Mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ*

Hợp phần STSSN này đã chính thức được thiết lập vào năm 1980 để thu thập thông tin và ghi lại tài liệu về rùa biển mắc cạn dọc Vịnh Mexico - Mỹ và bờ biển Đại Tây Dương. Việc mắc cạn được định nghĩa là khi loài vật này dạt vào bờ hoặc đang trôi nổi, dù còn sống hay đã chết, và nếu còn sống, thường trong tình trạng suy yếu. STSSN bao gồm các thành viên liên bang, tiểu bang và cá nhân, được điều phối bởi NOAA. Mỗi tiểu bang có một điều phối viên STSSN, người sẽ điều phối việc ứng cứu mắc cạn trong tiểu bang đó. Cơ quan chỉ đạo điều phối viên của mỗi tiểu bang là NPS đối với STSSN Texas, Cục thủy sản và động vật hoang dã Louisiana cho STSSN Louisiana, NOAA cho STSSN Mississippi, USFWS cho STSSN Alabama, Ủy ban bảo tồn thủy sản và động vật hoang dã Florida cho STSSN Florida.

Rùa biển mắc cạn được ghi chép trong biên bản mắc cạn STSSN chuẩn hóa. Tùy thuộc vào giống loài, kích thước, vị trí và thể trạng, rùa biển mắc cạn đã chết được khám nghiệm , chôn trên bờ biển hoặc chuyển đến tủ trữ đông để sau đó khám nghiệm hoặc lấy mẫu. Rùa mắc cạn còn sống bị choáng lạnh hay cần ứng cứu khẩn cấp được vận chuyển đến các cơ sở phục hồi hoặc Đơn vị chăm nuôi rùa biển cơ động (MASH) .

***Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ trên khắp vùng vịnh của NOAA***

NOAA sẽ tiến hành nâng cấp cơ sở hạ tầng STSSN vùng vịnh Mexico trên tất cả năm tiểu bang để tăng cường khả năng ứng phó, phối hợp nâng cao, xử lý - báo cáo dữ liệu, và phổ biến dữ liệu một cách hợp lý cho sử dụng các chương trình quản lý bảo tồn. Thành viên tham gia nâng cấp STSSN trên vùng Vịnh bao gồm NOAA và các điều phối viên STSSN tiểu bang của năm tiểu bang vùng Vịnh. Việc nâng cấp sẽ xây dựng đội ngũ STSSN trên khắp vùng Vịnh để cải thiện khả năng ứng phó nhằm ứng cứu rùa biển chết hoặc bị thương,đồng thời xử lý và phổ biến dữ liệu giúp cải thiện việc quản lý bảo tồn. Dự án sẽ bao gồm tài trợ kinh phí cho các địa điểm thuộc năm tiểu bang, và ba địa điểm NOAA thuê mới sẽ tập trung vào việc phối hợp STSSN trên vùng Vịnh. Mục đích của cải thiện STSSN là đưa ra phản ứng nhanh hơn trong các trường hợp mắc cạn bất thường, cho phép xác định và giải quyết mau chóng hơn các nguyên nhân gây tử vong và thực hiện mọi giải pháp khi còn có thể. Ví dụ, nếu việc mắc cạn bất thường hoặc gia tăng mức độ phát hiện tại một khu vực cụ thể, và khám nghiệm cho thấy nguyên nhân có thể làrùa buộc phải lặn xuống hoặc tương tác ngư nghiệp, thì thông tin sẽ được gửi tới GMT và các cơ quan hành pháp liên bang và tiểu bang (Chẳng hạn như Thực thi pháp luật TPWD) để định hướng cụ thể hơn những nơi nào cần tập trung các nỗ lực tiếp cận, đào tạo và tăng cường.

***Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ và những Nỗ lực khôi phục tại Texas***

DOI và các Uỷ viên Texas sẽ tăng cường STSSN tại Texas bằng cách cung cấp kinh phí cho các thành viên STSSN, các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học và đơn vị phục hồi chức năng nhằm mở rộng hiệu quả của mạng lưới này. Rùa biển bị mắc cạn tại Texas thường được tìm thấy trong các cuộc tìm kiếm và do người dân phát hiện. Vì phần lớn bờ biển Texas đều nằm ở xa, việc đi lại khó khăn và thường cần xe ô tô hoặc thuyền để vận chuyển rùa bị mắc cạn, nên thời gian xử lý rùa biển mắc cạn sẽ kéo dài. Hợp phần được đề xuất này sẽ thay thế nguồn tài trợ đã mất và nâng cao hiệu suất của STSSN nhằm tìm kiếm và hồi phục  rùa bị thương và choáng lạnh, với mục tiêu tăng số lượng rùa biển còn sống được trở lại vùng Vịnh, xem hình 13-7. Kinh phí sẽ được cấp kèm theo nhân lực, trang thiết bị, phương tiện và vật tư. Những thành viên tham gia việc tăng cường STSSN và khôi phục được đề xuất tại Texas bao gồm NOAA, DOI và TPWD cùng các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học và các nhà khôi phục. NPS hoạt động như một điều phối viên của bang Texas trong STSSN, với trách nhiệm trên khắp tiểu bang cũng như tại địa phương về vấn đề rùa biển mắc cạn tại bờ biển Texas. Các thành viên NPS từ PAIS sẽ tiến hành đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho những người tham gia STSSN tại Texas và duy trì các ghi chép rùa biển mắc cạn tại Texas.

**Hình 13-7. Rùa biển xanh đang trên đường thả về biển tại Lower Laguna Madre, Texas, sau khi được cứu sống và phục hồi do choáng lạnh. Nguồn ảnh: Sở công viên và động vật hoang dã Texas**

#### *13.1.3.2.2 Phát triển chương trình ứng phó khẩn cấp rùa biển*

Hợp phần dự án này sẽ cung cấp kinh phí cho NOAA để phát triển và thực hiện một chương trình ứng phó khẩn cấp rùa biển toàn diện trên Vịnh Mexico nhằm nâng cao hiệu quả STSSN ứng cứu khẩn cấp với mục tiêu tăng số lượng rùa biển sống sót. Vẫn còn nhiều hạn chế trong việc sẵn sàng ứng cứu các trường hợp khẩn cấp của STSSN, do đó có nguy cơ làm chết và/hoặc bị thương một số lượng lớn rùa biển. Hợp phần dự án này có trọng tâm chính là xây dựng một kế hoạch chính thức và cơ sở hạ tầng cần thiết (như vật tư, thiết bị) và một chương trình huấn luyện bài bản cho phép phản ứng tức thì với trường hợp choáng lạnh dẫn đến tử vong hoặc bị thương cho một số lượng lớn rùa biển. Những trường hợp này đòi hỏi việc tìm kiếm và cứu hộ, phân loại, chữa trị, tạm giữ và cuối cùng là thả rùa, xem Hình 13-7. Tiếp theo, chương trình cũng tăng cường khả năng ứng phó các trường hợp khẩn cấp khác như thời tiết nguy hiểm, dầu tràn hay các tảo độc hại. Chương trình tăng cường khả năng ứng phó bằng cách giảm thời gian xử lý và tăng diện tích tìm kiếm trong các trường hợp khẩn cấp. Trang bị năm hệ thống MASH và xe kéo sẽ . Mỗi hệ thống  chứa mười hai thùng lọc 500-galong , bộ lọc UV, lều bạt và các thiết bị lắp đặt. Hợp phần này cũng cần tới các hợp đồng hỗ trợ tàu biển trong các sự cố khẩn cấp.

### *13.1.3.3 Giảm bắt nhầm khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trên Vịnh Mexico*

Hợp phần dự án giảm đánh bắt nhầm khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trên Vịnh Mexico sẽ do NOAA thực hiện và sẽ tăng cường hai chương trình NOAA hiện tại, chương trình Đội giám sát thiết bị (GMT) và Chương trình Quan sát viên, được mô tả dưới đây (Hình 13-8).

**Hình 13 8. Phạm vi địa lý của hợp phần dự án Giảm đánh bắt tôm bằng lưới rê trên vịnh Mexico**

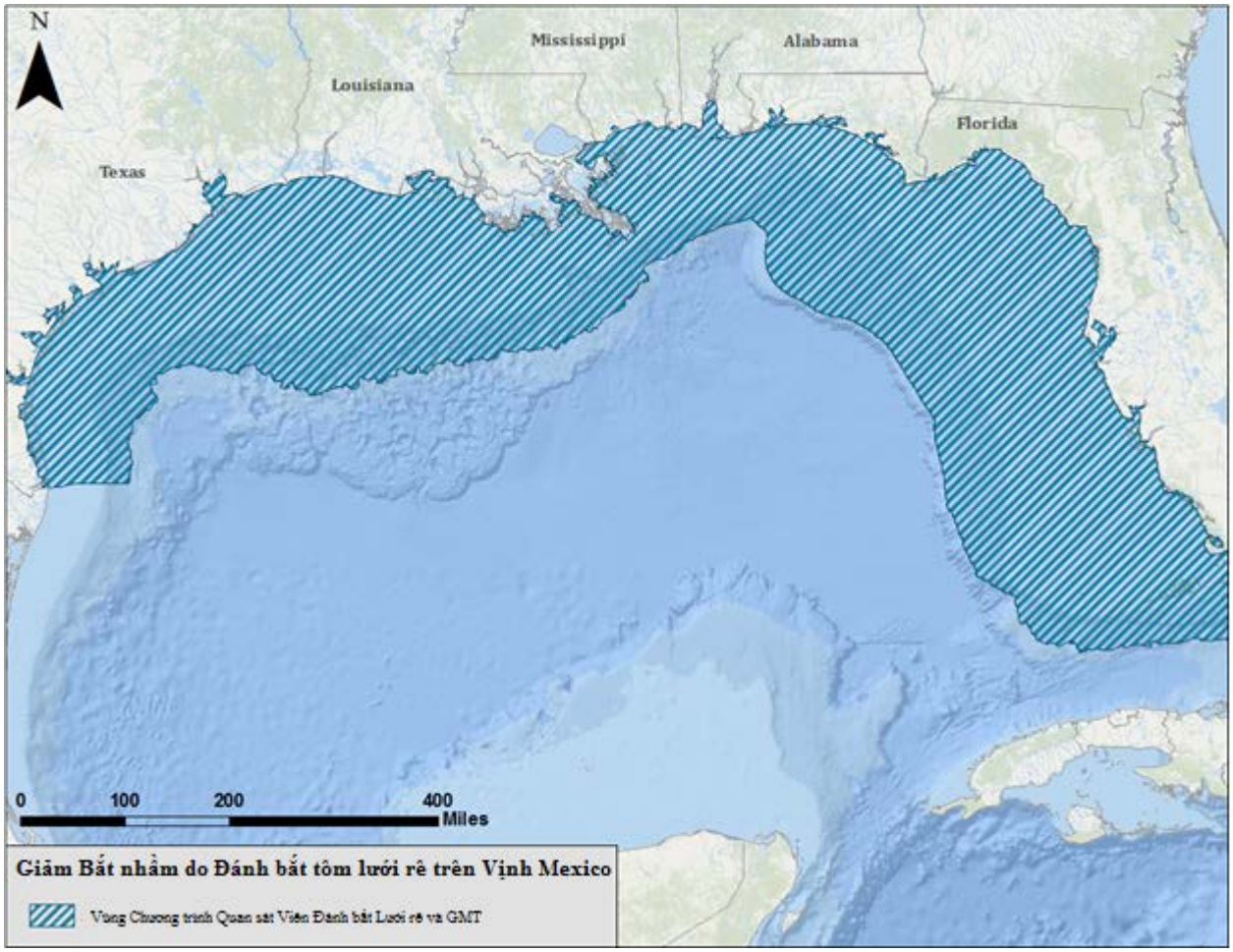


#### *13.1.3.3.1 Tăng cường Đội giám sát thiết bị đánh bắt vịnh Mexico*

Hợp phần dự án này sẽ mở rộng chương trình GMT của NOAA trong vùng Vịnh Mexico. Mục tiêu chính của chương trình GMT mở rộng đề xuất này là nâng cao hiệu quả hướng dẫn và tiếp cận cộng đồng đánh bắt tôm nhằm cải thiện việc tuân thủ các quy định về TED hiện tại của liên bang. Chương trình GMT mở rộng mang lại lợi ích trực tiếp cho rùa biển thông qua giảm nguy cơ tử vong do bị bắt khi sử dụng nhiều hơn các thiết bị TEDs được sản xuất, lắp ráp và bảo dưỡng đúng cách.

TED là một loại lưới được lắp vào phần đuôi lưới kéo, với một lối thoát ở trên hoặc dưới cùng có nắp (Hình 13-9). Rùa biển và các động vật khác như cá mập, gặp phải TED khi bơi qua lưới kéo và có thể

thoát khỏi bằng lối thoát đó. Các loài vật nhỏ, như tôm, đi qua các thanh của TED sẽ bị giữ lại ở đuôi lưới kéo. Nếu được lắp đặt đúng cách, TEDs có hiệu quả lên đến 97% trong việc giải thoát rùa biển khỏi lưới kéo.

**Hình 13 9. Hình vẽ mô tả vị trí lắp đặt của TED trong lưới kéo. Nguồn NOAA-NMFS, Trung tâm Khoa học thủy sản Đông Nam**

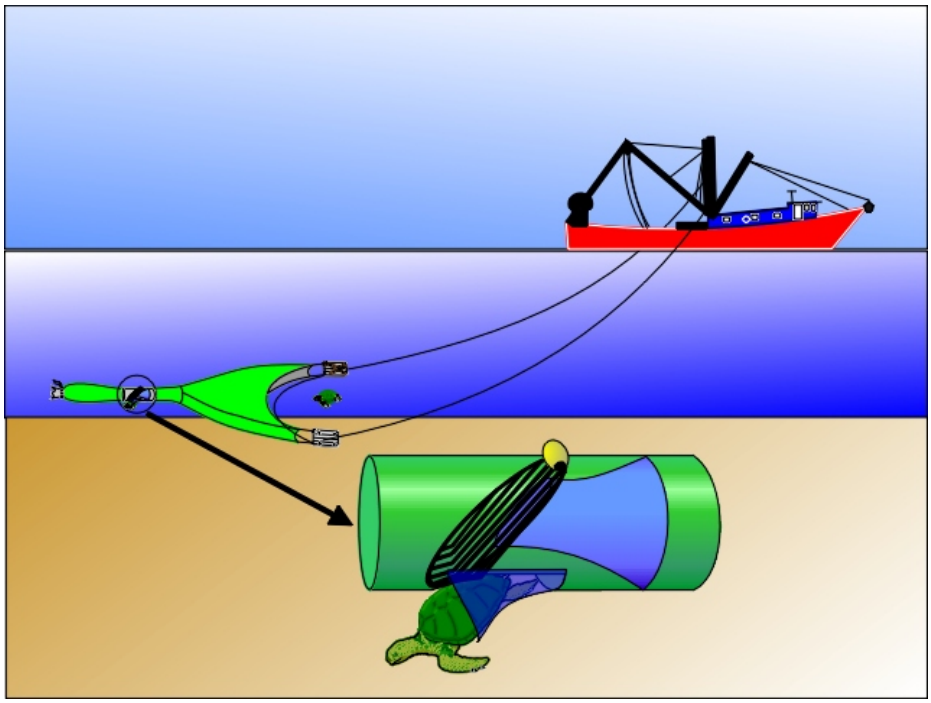

Chương trình GMT của NOAA diễn ra ở ngoài khu vực Trung tâm Khoa học thủy sản Đông Nam, Pascagoula Lab và hiện gồm một đội cơ động hai thành viên. Hợp phần dự án này sẽ bổ sung hai đội mới (2 thành viên mỗi đội), nâng tổng lên ba đội. Hai đội mới sẽ được triển khai trên vùng Vịnh Mexico. GTM sẽ cải thiện việc tuân thủ TED bằng cách làm việc chặt chẽ với các nhà sản xuất TED và các cửa hàng bán lưới nhằm hỗ trợ và đảm bảo công cụ TED được sản xuất và lắp đặt phù hợp với các tiêu chuẩn đề ra. GTM sẽ làm việc với ngành công nghiệp hải sản để củng cố kiến thức và hiểu biết của họ về cách sản xuất, sử dụng và bảo dưỡng TED hiệu quả. Điều này đạt được thông qua các cuộc hội thảo và kiểm tra TED trên bến cảng và trên biển.

GTM cũng sẽ làm việc chặt chẽ với Chương trình Quan sát viên và STSSN để xác định cụ thể các khu vực có nguy cơ đánh bắt nhầm trong vùng Vịnh. Thông qua làm việc với các cơ quan nhà nước, chương trình Quan sát viên và STSSN, GTM sẽ nhắm vào một số khu vực chưa có đủ đại diện trong vùng Vịnh và các khu vực được xác định có nguy cơ xảy ra việc bắt nhầm rùa biển. Hợp phần dự án này được thiết kế để tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước và liên bang, ngành công nghiệp hải sản và các hiệp hội nghề cá (Nhà nước và tiểu bang). Những hoạt động được đề xuất sẽ hỗ trợ bổ sung  và cung cấp các nguồn lực cần thiết trong việc tăng cường tuân thủ các quy định về TED.

#### *13.1.3.3.2 Tăng cường Chương trình Quan sát Đánh bắt tôm bằng Lưới rê vùng Đông Nam*

Hợp phần dự án này sẽ mở rộng khả năng của Chương trình Quan sát viên của NOAA cử quan sát viên được đào tạo trên các tàu đánh bắt tôm ở Vịnh Mexico để theo dõi việc đánh bắt nhầm rùa biển. Chương trình Quan sát viên được vận hành dưới sự chỉ đạo của Nghề Cá biển Quốc gia (NMFS) NOAA, Trung tâm Khoa học Nghề cá Đông Nam, Phòng thí nghiệm Galveston. Mục tiêu chính của việc mở rộng Chương trình Quan sát viên là nâng cao năng lực thu thập dữ liệu về việc đánh bắt nhầm rùa biển khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trong vùng Vịnh. Tài trợ cho hợp phần dự án này để bổ sung 300 ngày nhân lực quan sát trên biển hàng năm trong thời hạn 10 năm. Phần tài trợ bổ sung này sẽ tập trung vào những thời gian và khu vực ưu tiên cho quá trình giám sát việc đánh bắt nhầm rùa biển, cho phép nắm được tốt hơn đặc điểm và đánh giá về đánh bắt nhầm. Thông tin về tương tác giữa loài rùa biển với các hoạt động đánh bắt sẽ giúp xác định mục tiêu, tinh chỉnh, và cải thiện việc quản lý bảo tồn và phục hồi tiềm năng của các loài rùa biển ở vùng Vịnh.

Chương trình Quan sát viên của NOAA hiện đang quan sát khoảng 2% đội tàu đánh bắt tôm thương mại ở Vịnh Mexico và Đông Nam Đại Tây Dương Hoa Kì (xấp xỉ 1.500 ngày nhân lực biển hàng năm), với chi phí hàng năm khoảng 2 triệu USD (NMFS 2013, NMFS 2012). Thông tin bổ sung đạt được thông qua việc mở rộng này được Đội giám sát thiết bị đánh bắt (GMT) và mạng lưới cảnh báo về rùa biển mắc cạn và mạng lưới cứu hộ (STSSN) sử dụng để nâng cao việc quản lý bảo tồn và khôi phục các loài rùa biển ở Vịnh Mexico. Mục đích của mở rộng chương trình Quan sát viên cơ bản là giảm số lượng rùa Kemp's ridley, rùa quản đồng, và rùa biển xanh bị chết do đánh bắt nhầm trong quá trình đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Vịnh Mexico. NOAA xem xét vị trí của các quan sát viên để đảm bảo rằng việc quan sát được diễn ra vào những thời điểm và/hoặc địa điểm chính xác, là nơi có nhiều khả năng các loài rùa biển xuất hiện và có nguy cơ bị đánh bắt nhầm cao nhất.

**Hình 13 10. Rùa biển đầu to thoát khỏi một TED. Nguồn ảnh: NOAA-NMFS, Trung tâm Khoa học Thủy sản Đông Nam**

#### *13.1.3.4 Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas*

Kinh phí cho Hợp phần Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas sẽ được sử dụng để tăng cường các hoạt động thực thi TPWD đối với các hoạt động nghề cá vô tình đánh bắt nhầm rùa biển khi chúng hoạt động chủ yếu ở các vùng biển bang Texas (xấp xỉ 367 dặm bờ biển và 9 dặm hải lý ra ngoài biển) và khu đặc quyền kinh tế (EEZ) ngoài khơi Texas trong vùng Vịnh Mexico với thời hạn 10 năm (Hình 13-11). Các hoạt động thực thi được tăng cường tập trung vào việc tuân thủ các quy định của TED trong mùa tôm của vùng Vịnh (chủ yếu là từ tháng Hai đến giữa tháng Năm) ngay trước khi Vịnh đóng cửa để đánh bắt tôm vào tháng Năm. Tuần tra sẽ được lên mục tiêu trong khoảng thời gian này bởi vì đây là thời điểm bắt đầu của mùa làm tổ và là thời gian bận rộn của hoạt động đánh bắt tôm. Những nỗ lực trước đó nhằm tăng cường các hoạt động thực thi trong khoảng thời gian này đã có tác động tích cực đến tỉ lệ tuân thủ, giảm số lượng rùa bị mắc phải lưới quan sát được trong suốt khoảng thời gian này. Mục tiêu chính của hợp phần dự án là giảm tỷ lệ rùa biển bị chết nhờ sự tuân thủ các quy định của TED, kết quả của việc tăng cường các hoạt động thực thi.

Hợp phần dự án sẽ bao gồm một loạt các cuộc tuần tra tập trung vào việc thi hành các quy định về TED ở Vịnh Mexico trải dọc toàn bộ bờ biển Texas đảm bảo các tàu đánh bắt tôm thương mại tuân thủ các quy định (Hình 13-12). Tuần tra mục tiêu chủ yếu sẽ diễn ra trong khoảng thời gian trong năm ghi nhận lượng rùa biển bị mắc lưới là cao nhất. Tần suất cuộc tuần tra này sẽ cao hơn tần suất tuần tra hiện nay ở các vùng biển bang Texas của Vịnh Mexico.

**Hình 13-11.Phạm vi địa lý thực hiện Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas**

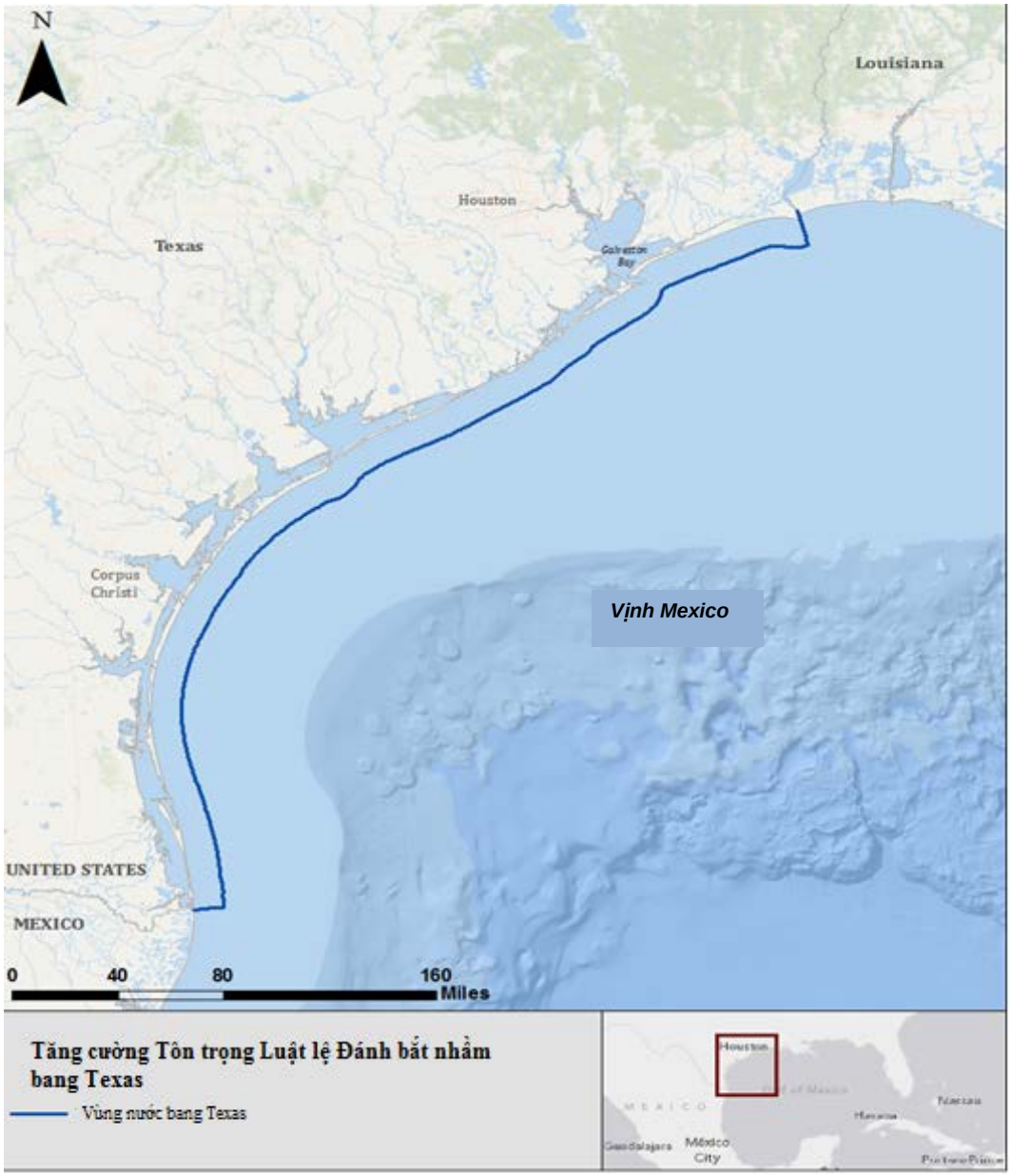


Các tàu dùng cho loại hình hoạt động thực thi tại vùng biển khơi là tàu tuần tra tầm trung với đoàn thủy thủ gồm 3 tuần tra viên giám sát (Game Wardens) và tàu tuần tra tầm xa với đoàn thủy thủ gồm 4 tuần tra viên giám sát (Game Wardens). Có mười ba tàu tuần tra tầm trung và hai tàu tuần tra tầm xa dọc bờ biển. TPWD hi vọng sẽ bố trí khoảng 200 giờ chạy đối với tàu tuần tra tầm trung và 80 giờ chạy đối với tàu tuần tra tầm xa nhằm tăng cường thực thi TEDs. Số giờ chạy có thể được chuyển đổi giữa các loại tàu tùy theo điều kiện thời tiết hoặc yêu cầu tuần tra.

**Hình 13-12. Tuần tra viên TPWD thực thi pháp luật tham gia một khóa học về kiểm tra việc tuân thủ TED - Nguồn ảnh: Sở công viên và động vật hoang dã Texas**

### 13.1.4 Tiêu chí đánh giá

Dự án đề xuất Khôi phục sớm Rùa biển đáp ứng các tiêu chí đánh giá thiết lập bởi OPA và Hiệp định khung. Dự án sẽ khôi phục và bảo vệ rùa biển, giúp bù đắp những tác động bất lợi với nguồn tài nguyên này do Sự cố Tràn dầu gây ra. Dự án đề xuất có liên quan tới sự cố tràn dầu *Deepwater Horizon* (Sự cố Tràn dầu) (xem 15 CFR § 990,54 (a) (2) và phù hợp với mục 6a-6e của Hiệp định kKhung). Rùa biển tiếp xúc với dầu trong nước và trong môi trường *Sargassum*, thông qua tiêu hóa, tiếp xúc trực tiếp, và hít phải dầu dễ bay hơi và các hợp chất phát tán liên quan. Ngoài ra, các hoạt động ứng phó, như thu thập và đốt dầu trên biển, vớt dầu trên biển, triển khai phao ngăn dầu, xây dựng bờ ngăn dầu loang, tăng cường chiếu sáng và hoạt động vào ban đêm trên và gần bãi biển làm tổ, các hoạt động dọn dẹp bãi biển và sự đi lại của tàu thuyền có thể trực tiếp gây thương tổn cho rùa biển hoặc chặn đường rùa biển vào các bãi biển làm tổ và thay đổi hoạt động sinh sản của chúng.

Dự án này có tính khả thi về mặt kỹ thuật; dự án sử dụng các kỹ thuật hiệu quả, và có thể thực hiện với thời gian chuẩn bị tối thiểu. Bởi những lí do này, dự án có khả năng thành công cao (xem 15 CFR § 990,54 (a) (3) và Phần 6e của Hiệp định khung). Ước tính chi phí được dựa trên chi phí vận hành chương trình đã biết, chứng minh rằng dự án có thể được thực hiện với chi phí hợp lý (xem 15 CFR § 990,54 (a)

(1) và Phần 6e của Hiệp định khung). Do đó, dự án đề xuất được coi là có tính khả thi và hiệu quả về chi phí (xem15 CFR § 990, 54 (a) (1) và (3)).

Các tổn thương liên quan sẽ được phòng tránh và giảm thiểu trong quá trình thực hiện dự án (xây dựng, hoạt động và bảo trì) (15 CFR § 990,54 (a) (4)). Một đánh giá môi trường kỹ lưỡng, bao gồm xem xét theo quy định về môi trường đang áp dụng, được mô tả trong Mục 13.2.4, 13.2.5 và 13.2.6. Các đánh giá môi trường chỉ ra rằng tác động bất lợi từ dự án này chủ yếu là nhỏ, mang tính địa phương, và thường trong thời gian ngắn.

### 13.1.5 Tiêu chí Thực hiện và Giám sát

Dự án đề xuất Khôi phục sớm Rùa Biển được xây dựng dựa trên một số chương trình hiện có và có cơ sở vững chắc để bảo vệ và phục hồi các loài rùa biển, được điều hành bởi các cơ quan liên bang và tiểu bang. Nếu dự án đề xuất được thực hiện, các kế hoạch giám sát cụ thể sẽ được thực hiện, khi được tăng cường, sẽ hoàn thành mục tiêu khôi phục của dự án và đạt tới mục tiêu đã đặt ra. Việc giám sát sẽ được thiết kế để đánh giá hiệu quả của các hợp phần dự án, hướng đến giảm tỷ lệ tử vong của rùa biển, cải tiến về khả năng đáp ứng và giúp phục hồi rùa bị thương trên biển, tăng khả năng phát hiện và bảo vệ tổ rùa, và cải thiện việc tuân thủ các quy định TED hiện hành . Việc giám sát các mục tiêu này bao gồm việc theo dõi số lượng khảo sát được hoàn thành, số lượng các lần kiểm tra được hoàn tất, các chương trình tập huấn được cung cấp, và những cải tiến để đáp ứng trong các tình huống khẩn cấp. Một kế hoạch giám sát đầy đủ cho dự án đề xuất được đề cập trong Phụ lục B[3].

### 13.1.6 Quản lý/ Bảo trì Dự án

Dự án đề xuất Khôi phục Sớm Rùa biển được xây dựng dựa trên một số chương trình hiện có và có cơ sở vững chắc, được điều hành bởi các cơ quan liên bang và tiểu bang. NOAA, DOI và các Ủy viên bang Texas sẽ phát triển các hợp đồng và thỏa thuận với các tổ chức sẽ thực hiện từng phần của dự án, và các Uỷ viên sẽ thiết lập quy trình quản lý chương trình để giúp đánh giá và đảm bảo những bên tham gia chương trình tuân thủ theo hợp đồng/thỏa thuận.

Dự án sẽ sử dụng và mở rộng nguồn lực và các chương trình hiện có (giám sát của NOAA đối với STSSN, giám sát của DOI đối với chương trình làm tổ), điều này sẽ giúp các nhà quản lý dự án Khôi phục Sớm Rùa Biển có khả năng giám sát các hoạt động của chương trình.

Phương tiện và thiết bị sẽ được mua và duy trì để phục vụ trong suốt thời gian dự án (10 năm). Ngoài ra, cabin cho nhân viên và bãi quây cho rùa biển sẽ được xây dựng và sử dụng. Để biết chi tiết về hạng mục được mua và nơi đặt thiết bị, xem Phần 13.2.4 - 13.2.8 cũng như các kế hoạch giám sát (mục 13.1.5 và Phụ lục B).

[3]BP và các Ủy viên đồng ý làm việc cùng nhau để phát triển kế hoạch giám sát dự án này. Kế hoạch giám sát được bao gồm trong Phụ lục B có thể thay đổi dựa theo kết quả của các cuộc thảo luận sau này với BP.

### 13.1.7 Đền bù

Dự án Khôi phục sớm rùa biển là phương pháp tiếp cận khôi phục rùa biển đa diện, nhằm vào một số lượng lớn các loài và giai đoạn sống, để bắt đầu việc khôi phục sau những thương tổn do sự cố tràn dầu gây ra trên vùng Vịnh. Tất cả các loài rùa biển đều được liệt kê trong danh sách bị đe dọa hoặc có nguy cơ theo Đạo luật các Loài có Nguy cơ Tuyệt chủng. Rùa biển phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ trong suốt quãng đời của chúng. Nhiều yếu tố đã được xem xét khi tiến hành Đền bù tại dự án khôi phục này. Đền bù theo dự án này phụ thuộc vào việc thực hiện đồng thời cả bốn hợp phần đã được đề xuất trong chương này.

Với mục đích đàm phán về việc Đền bù với BP theo Hiệp định khung, các Uỷ viên đã sử dụng Phân tích tương đương tài nguyên để ước tính Đền bù rùa biển. Đền bù rùa biển (thể hiện ở số tương đương của rùa sinh sản trưởng thành) được ước tính thông qua việc tính toán tỷ lệ tử vong giảm đi hay tỷ lệ sống sót tăng lên của loài này theo giai đoạn sống trong các hợp phần khôi phục đề xuất, điều được dự kiến sẽ diễn ra trong suốt thời gian thực hiện dự án so với giả định không hành động. Dự án được đề xuất dự kiến sẽ: giảm tỷ lệ chết của rùa mới nở thông qua việc tiếp tục hỗ trợ các hoạt động phát hiện và bảo vệ rùa làm tổ tại Texas và Mexico; tăng khả năng rùa con và trưởng thành được xác định, phân loại, phục hồi và thả về thành công nhờ việc củng cố STSSN, phát triển và thực hiện chương trình ứng phó khẩn cấp trên vịnh Mexico; và giảm thiểu tử vong ở rùa biển trưởng thành và bị đánh bắt nhầm thông qua việc tuân thủ tốt hơn quy định TED của liên bang nhờ các hoạt động tăng cường hướng dẫn, tiếp cận và Thi hành. Nếu dự án khôi phục này được tiến hành và cấp kinh phí, các Uỷ viên và BP đã chấp thuận rằng BP sẽ được tính các Đền bù sau:

- Đối với rùa biển Kemp’s ridley, Đền bù NRD là 1309 tương đương sinh sản trưởng thành tại Vịnh Mexico. Đền bù này chỉ áp dụng với những tổn thương của rùa Kemp’s ridley trên Vịnh Mexico (trên cạn và dưới nước) theo đánh giá tổng thể về thương tổn sau sự cố tràn dầu của các Ủy viên.

- Đối với rùa biển xanh, Đền bù NRD tương đương sinh sản 215 cá thể trưởng thành tại Vịnh Mexico (trên cạn và dưới nước). Đền bù này chỉ áp dụng với những tổn thương với rùa biển xanh trên Vịnh Mexico theo đánh giá tổng thể về thương tổn sau sự cố tràn dầu của các Ủy viên.

- Đối với rùa biển đầu to, Đền bù NRD 40 tương đương cá thể sinh sản trưởng thành tại Vịnh Mexico. Đền bù này chỉ áp dụng với những tổn thương của rùa quản đồng trên Vịnh Mexico (trên cạn và dưới nước) theo đánh giá tổng thể về thương tổn sau sự cố tràn dầu của các Ủy viên.

Đơn vị "tương đương cá thể sinh sản trưởng thành" sử dụng tỷ lệ quy đổi số lượng tương đương số cá thể sinh sản trưởng thành theo đơn vị một năm cơ sở chung để so sánh. Đền bù rùa Kemp’s ridley, rùa xanh, rùa quản đồng quy đổi được ước tính vì các loài này sẽ được hưởng lợi ích đặc biệt từ các hoạt động khôi phục được đề xuất. Nhiều yếu tố như lịch sử sinh sống, dự án và yếu tố ngẫu nhiên của địa phương sẽ được sử dụng để tính toán Đền bù rùa biển, bao gồm mật độ làm tổ, số trứng mỗi tổ, ảnh hưởng của các cơn bão với thành công của việc ấp ứng, phạm vi không gian dự kiến được sử dụng để

làm tổ, tỷ lệ sống sót theo tuổi và thời gian của dự án. Nếu dự án Phục hồi sớm rùa biển được lựa chọn thực hiện, những Đền bù này trong tương lai sẽ được đưa vào đánh giá của các Ủy Viên về tổng thiệt hại với các loài rùa biển do sự cố tràn dầu.

### 13.1.8 Chi phí Ước tính

Tổng chi phí ước tính để thực hiện dự án này là 45.000.000 USD. Ước tính này dựa trên những thông tin mới nhất về chi phí mà các Ủy viên có được tại thời điểm tiến hành đàm phán dự án. Chi phí ước tính bao hàm các quy định về nhân sự, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, các hoạt động giáo dục, bảo trì thiết bị, kỹ thuật và thiết kế, xây dựng cơ sở, giám sát và phòng bị. Bảng sau đây trình bày các ước tính cụ thể theo hợp phần.

**Table 13-1. Chi phí Ước tính của Dự án Khôi phục Sớm Rùa biển**

| | |
|---|---|
| **Các hợp phần dự án khôi phục sớm rùa biển** | **Tổng cộng** |
| **Phát hiện và Cải thiện Tổ rùa Kemp's Ridley** | **11.6 triệu USD** |
| *Các hoạt động của bang Texas* | *6.74 triệu USD* |
| *Các hoạt động của Mexico* | *4.88 triệu USD* |
| **Tăng cường mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ (STSSN) và Phát triển chương trình ứng phó khẩn cấp** | **19.7 triệu USD** |
| *Tăng cường mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ trên vùng vịnh và Phát triển chương trình ứng phó khẩn cấp rùa biển của NOAA* | 13.14 triệu USD |
| *Tăng cường mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ và Những nỗ lực khôi phục tại Texas* | 6.54 triệu USD |
| **Giảm bắt nhầm khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trên vịnh Mexico** | **11.9 triệu USD** |
| *Tăng cường Đội giám sát thiết bị vịnh Mexico* | 7.75 triệu USD |
| *Tăng cường chương trình người quan sát đánh bắt tôm bằng lưới rê phía Đông nam* | 4.15 triệu USD |
| **Tiến hành đánh bắt thủy sản tăng cường tại Texas** | **1.8 triệu USD** |
| **TỔNG dự án khôi phục sớm rùa biển** | **45 triệu USD** |

* Cơ sở Dự án, Dự phòng, Giám sát và Theo dõi của các Ủy viên. Số liệu mang tính ước tính, vì chúng bao gồm các phần chi phí dự án chung được ước tính và sử dụng cho nhiều hợp phần khác nhau (ví dụ, chi phí giám sát của Ủy viên)

## 13.2 Dự án Khôi phục Sớm Rùa biển: Đánh giá Môi trường

Dự án khôi phục sớm rùa biển bao gồm một loạt các hoạt động nhằm phục hồi và bảo vệ rùa biển trên Vịnh Mexico. Dự án khôi phục sớm rùa biển gồm bốn hợp phần: (1) Phát hiện và thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ; (2) Tăng cường mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ và Phát triển một chương trình ứng phó khẩn cấp; (3) Giảm bắt nhầm khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trên vịnh Mexico; và (4) Tiến hành đánh bắt thủy sản tăng cường tại Texas. Các hợp phần dự án được đề xuất này sẽ phát triển dựa trên các

chương trình hiện đã được thiết lập đầy đủ, điều hành bởi các cơ quan liên bang và tiểu bang vùng Vịnh Mexico, và sẽ hoạt động nhằm gia tăng tỷ lệ sống sót của của các cá thể mới nở rùa Kemp's ridley và giảm tỷ lệ tử vong của các loài Kemp's ridley, rùa quản đồng và rùa xanh.

### 13.2.1 Giới thiệu, Cơ sở, Mục đích và Sự cần thiết

#### *13.2.1.1 Giới thiệu*

Dự án này được đề xuất như một phần của chương trình Khôi phục sớm giai đoạn IV. Đánh giá môi trường (EA) này được trích ra từ Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III năm 2014, đưa ra các phân tích chương trình môi trường rộng lớn theo loại hình dự án của Bản chính thức Giai đoạn III và các giai đoạn tương lai của Khôi phục sớm. EA này được tiến hành chuẩn bị từ Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III theo quy định của Sở Nội vụ (43 CFR 46.140, về sử dụng các tài liệu đã được chuẩn bị) điều "b" và "c" (Mục 1.6.2, Cơ sở chuẩn bị). Việc chuẩn bị này cũng phù hợp với Lệnh Hành chính NOAA 216-6, "Quy trình đánh giá môi trường trong việc thực thi Đạo luật chính sách môi trường quốc gia" (Mục 5.09c). Dự án này phù hợp về loại hình dự án, "Khôi phục và bảo vệ rùa biển", nằm trong Phương án ưu tiên "Góp phần khôi phục các tài nguyên sinh sống và cư trú vùng ven biển và đại dương ". Thông qua việc chuẩn bị, EA này còn cung cấp thêm các chi tiết cần thiết cho một phân tích NEPA cấp dự án trong việc xem xét những tác động tiềm năng được dự đoán tại từng khu vực cụ thể sau khi tiến hành các hoạt động đề xuất và phương án không hành động. Xem Chương 1.3 để biết thêm thông tin về Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III và việc chuẩn bị cho các dự án Giai đoạn IV được đề xuất.

Dự án này phù hợp với Phương án Ưu tiên trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III như đã mô tả và lựa chọn trong Biên bản Quyết định 2014 (79 FR 64831-64832; ngày 31 tháng 10 năm 2014) và các Uỷ viên nhận thấy các điều kiện và tác động môi trường được mô tả trong tài liệu NEPA rộng hơn này (với cập nhật chi tiết trong chương 2 của tài liệu này) vẫn còn hiệu lực. Cụ thể, EA trong dự án rùa biển đã đề xuất được chuẩn bị theo các phân tích trong những phần sau đây của PEIS:

- Chương 5: Kế hoạch Chương trình Khôi phục sớm đề xuất: Phát triển và đánh giá các Giải pháp : Mô tả Giải pháp số 2 (Mục 5.5.3 Góp phần khôi phục các tài nguyên sinh sống và cư trú vùng ven biển và đại dương) và số 4 (Mục 5.3.7 Giải pháp: Góp phần khôi phục các tài nguyên sinh sống và cư trú vùng ven biển và đại dương và các cơ hội giải trí), phần 5.3.3.9 Khôi phục và bảo vệ rùa biển.

- Chương 6: Hậu quả đối với Môi trường, mục 6.3.9, Loại hình dự án 9: Khôi phục và bảo vệ rùa biển, và 6.4, Giải pháp 2 (và 4): Việc sử dụng của con người và kinh tế xã hội.

- Chương 6.8: Tác động tích lũy Tiềm năng

EA này kết hợp các phân tích được trình bày trong các phần của Bản chính thức PEIS giai đoạn III. EA này cũng kết hợp tham chiếu tất cả các phần giới thiệu, quy trình, nền tảng và các thông tin cũng như thảo luận về Môi trường bị tác động liên quan tới việc Khôi phục sớm được đưa ra trong PEIS (Từ chương 1 đến chương 6).

Dự án đề xuất Phục hồi sớm rùa biển được phân tích và mô tả trong các phần tiếp theo như Đánh giá môi trường gồm có ba phần, dựa trên sự tương đương giữa bốn thành phần trong dự án. Hơn nữa, phần phụ trong các hợp phần là, trong nhiều trường hợp, tương các tác động tiềm năng lên tài nguyên vật lý, sinh học và kinh tế xã hội. Những điểm tương đồng này để phân tích bốn hợp phần dự án đề xuất trong ba phần. Mỗi phần bao gồm các cuộc thảo luận chi tiết về nguồn tài nguyên có khả năng tham gia vào các dự án đề xuất. Ba phần của EA dự án đề xuất là::

1) Phát hiện và Cải thiện rùa Kemp's Ridley làm tổ (Mục 13.2.4)

2) Tăng cường mạng lưới rùa biển mắc cạn và cứu hộ và Phát triển một chương trình ứng phó khẩn cấp rùa biển (Mục 13.2.6).

3) Giảm bắt nhầm khi đánh bắt tôm bằng lưới rê trên vịnh Mexico và Thực thi Pháp luật về Đánh bắt Nhầm tại Texas (Mục 13.2.8).

#### *13.2.1.2 Cơ sở*

Vịnh Mexico là khu vực cư trú quan trọng cho các giai đoạn sống của bốn loài rùa biển mai cứng và rùa da. Rùa biển làm tổ và ấp trứng trên những bãi cát và những con non mới nở sẽ tự tìm đường ra biển, tìm nơi cư trú tại các khu vực *Sargassum* trong các vùng biển khơi (chẳng hạn như thềm lục địa). Rùa con thường cư trú ở các vùng ven biển còn rùa trưởng thành thường được tìm thấy trên các thềm lục địa, bao gồm cả các khu cư trú gần bờ và trên bờ. Sự phân bố của rùa da trên Vịnh Mexico ít được biết đến hơn nhưng chúng chủ yếu tập trung ở ngoài khơi, thức ăn của chúng là các sinh vật thân mềm, bao gồm sứa và phù du. Chúng cũng có thể kiếm ăn gần bờ tùy thuộc vào sự phân bố của con mồi. Sự hiện diện của các loài rùa biển ở nhiều khu vực khác nhau trên Vịnh Mexico giúp gia tăng chu kỳ dinh dưỡng, cân bằng mạng lưới thức ăn và rất quan trọng trong việc duy trì sức khỏe, chức năng và khả năng phục hồi của toàn bộ hệ sinh thái vùng Vịnh.

Mối đe dọa chính với mật độ rùa biển bao gồm việc đánh bắt nhầm bằng ngư cụ, sự sụt giảm và xuống cấp môi trường sống trên biển và cửa sông (ví dụ, san hô cạn và cỏ biển), sự phá hủy và suy thoái của các vùng biển làm tổ (bao gồm chiếu sáng nhân tạo), sự giảm sút và suy thoái của các khu vực tìm kiếm thức ăn và các tổ rùa bị động vật săn mồi ăn thịt (NOAA 2011b).

Do hậu quả của sự cố tràn dầu, rùa biển tiếp xúc với dầu trong các vùng biển khơi, các vùng Sargassum hay trên các bãi biển làm tổ, do nuốt phải dầu, tiếp xúc trực tiếp với dầu và/hoặc hít phải dầu bay hơi cũng như các hợp chất phân tán khác. Ngoài ra, các hoạt động ứng phó như thu gom và đốt dầu trên biển, hoạt động vớt dầu, triển khai hàng rào, xây dựng các gờ chắn, tăng cường chiếu sáng và hoạt động vào ban đêm gần và trên các bãi biển làm tổ, hoạt động dọn dẹp bãi biển và việc đi lại của tàu thuyền có thể đã ảnh hưởng trực tiếp hoặc hạn chế rùa biển di chuyển tới khu vực làm tổ và thay đổi tập quán sinh sản của chúng.
Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens 1996 đòi hỏi sự hợp tác giữa Cơ quan Nghề cá NOAA, cộng đồng ngư dân và các cơ quan liên bang cũng như tiểu bang trong việc bảo vệ, duy trì và thúc đẩy Môi trường Sống thiết yếu dành cho cá (EFH). EFH được định nghĩa là những vùng nước hoặc thềm biển cần thiết cho việc sinh sản, nuôi dưỡng, kiếm ăn hoặc trưởng thành của cá. Việc xác định và duy trì EFH nhằm vào mục tiêu giảm thiểu các tác động nguy hại đến môi trường sống do các hoạt động đánh bắt và không đánh bắt. Chương trình Tài nguyên sống vùng Cửa biển của NOAA đã phát triển một cơ sở

dữ liệu về phân bố, sự dồi dào, và đặc điểm vòng đời của các loài cá và nhuyễn thể quan trọng về mặt sinh thái và kinh tế tại vùng cửa sông của quốc gia. NOAA đã xác định EFH tại hơn 30 cửa sông phía bắc vịnh Mexico cho một số loài cá có vây và động vật có vỏ. Mô tả chi tiết về EFH tại Vịnh Mexico được trình bày trong Phụ lục A-2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

USFWS và NMFS sẽ liệt kê các loài đang bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng khi chúng thỏa mãn các tiêu chí được quy định theo Đạo luật các loài có nguy cơ tuyệt chủng (ESA) năm 1973, bản sửa đổi (16 U.S.C §1531 et seq.). Phần 7 (a)(2) của ESA yêu cầu tất cả các cơ quan liên bang phải đảm bảo rằng bất kỳ hành động nào do họ được ủy quyền, tài trợ hoặc thực hiện đều không có khả năng gây nguy hiểm cho sự tồn tại của bất kỳ loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng nào hay không được dẫn đến sự phá hủy hoặc thay đổi bất lợi môi trường sống thiết yếu của các loài này. Khi hành động của một cơ quan liên bang có nguy cơ ảnh hưởng đến một loài đang được bảo vệ hoặc môi trường sống thiết yếu của loài đó, cơ quan này phải tham khảo ý kiến của NMFS hoặc USFWS, tùy thuộc vào loài được bảo vệ có nguy cơ bị ảnh hưởng đó. Với các hợp phần dự án được đề xuất, tiến hành các tham vấn Mục 7 ESA và các khuyến nghị thích hợp sẽ được đưa vào dự án đề xuất. Thảo luận về các loài rùa biển nằm trong danh sách sẽ được đưa ra dưới đây và dự kiến sẽ bao hàm tất cả bốn hợp phần của dự án cũng như các đánh giá môi trường.

#### *13.2.1.2.1 Các loài Rùa biển*

Như đã mô tả trong phần 3.3.2.6 Bản chính thức ERP PEIS Giai đoạn III, có năm loài rùa biển được tìm thấy trong Vịnh Mexico, tất cả đều nằm trong danh sách ESA. Cả năm loài này đều di cư qua phạm vi địa lý rộng lớn, bao gồm toàn bộ vùng vịnh Mexico. Tất cả đều có khả năng xuất hiện trong phạm vi của Dự án Khôi phục sớm rùa biển được đề xuất. Để tránh lập lại thông tin, Bảng 13-2 dưới đây sẽ tóm tắt tình trạng của năm loài rùa biển này với các thông tin bổ sung được đưa ra. Thảo luận chi tiết hơn về năm loài rùa biển này cũng được trình bày trong Phụ lục A.5 của Bản chính thức ERP PEIS Giai đoạn III.

**Bảng 13-2. Các loài rùa biển đang bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng tại Vịnh Mexico**

| TÊN THƯỜNG GỌI | TÌNH TRẠNG LIÊN BANG | SỬ DỤNG VỊNH MEXICO |
|---|---|---|
| Rùa quản đồng | 9 khu vực phân bố riêng biệt (DPSS) – trong đó 4 thuộc danh sách bị đe dọa (Khu vực Tây Bắc Đại Tây Dương, Nam Đại Tây Dương, Tây Nam Ấn Độ Dương và Đông Nam Ấn Độ-Thái Bình Dương) và 5 thuộc danh sách có nguy cơ tuyệt chủng (khu vực Đông Bắc Đại Tây Dương, Địa Trung Hải, Bắc Thái Bình Dương, Nam Thái Bình Dương, và Bắc Ấn Độ Dương). | Khu vực Tây Bắc Đại Tây Dương sử dụng vùng biển ngoài khơi và thềm lục địa (bao gồm cả môi trường cạn trên bờ) của Vịnh Mexico từ Mexico tới Florida; Việc làm tổ diễn ra trên các bờ vịnh, chủ yếu ở Florida và Alabama và một phần ở Mississippi, Louisiana và Texas. Môi trường sống thiết yếu được xác định bao gồm những khu vực nhất định trong Vịnh Mexico. |

| TÊN THƯỜNG GỌI | TÌNH TRẠNG LIÊN BANG | SỬ DỤNG VỊNH MEXICO |
|---|---|---|
| Rùa xanh | Quần thể sinh sản tại Florida và bờ biển Thái Bình Dương thuộc vịnh Mexico được liệt kê vào danh sách có nguy cơ tuyệt chủng; tất cả các quần thể khác thuộc danh sách bị đe dọa. Việc lên danh sách rùa Xanh hiện đang được đề xuất sửa đổi: mười hai khu vực phân bố riêng biệt đã được đề xuất (3 có nguy cơ tuyệt chủng và 8 bị đe dọa). | Vùng biển ngoài khơi và thềm lục địa (bao gồm cả môi trường cạn trên bờ) của Vịnh Mexico từ Mexico tới Florida; Rùa làm tổ chủ yếu ở Florida, và một phần nhỏ ở Texas. |
| Đồi mồi | Có nguy cơ tuyệt chủng | Vùng biển ngoài khơi và thềm lục địa (bao gồm cả môi trường gần bờ) của Vịnh Mexico từ Mexico tới Florida; một phần nhỏ làm tổ ở Florida. |
| Rùa Kemp's ridley | Có nguy cơ tuyệt chủng | Vùng biển ngoài khơi và thềm lục địa (bao gồm cả môi trường cạn trên bờ) của Vịnh Mexico từ Mexico tới Florida; Rùa làm tổ chủ yếu ở Mexico, và một phần ở Texas. |
| Rùa da | Có nguy cơ tuyệt chủng | Vùng biển ngoài khơi và thềm lục địa của Vịnh Mexico từ Mexico tới Florida; một phần nhỏ rùa làm tổ ở Florida và Texas. |

**Rùa quản đồng (Caretta caretta):** Rùa quản đồng làm tổ ngay trên bãi biển, chúng thường chọn những nơi có nhiều ánh nắng, hơi hẹp, dốc và cát hạt thô. Ngay sau khi nở, con non bắt đầu một giai đoạn hoạt động không ngừng và di chuyển đến những khu vực có mực nước biển thấp. Chúng sử dụng môi trường Sargassum là nơi kiếm ăn và trú ẩn. Vào khoảng 7-12 tuổi, Rùa quản đồng sẽ di cư đến các vùng nước ven biển và gần bờ trên thềm lục địa, nơi chúng sẽ trưởng thành. Rùa trưởng thành thường được tìm thấy trên thềm lục địa bao gồm cả các vùng nước nông gần bờ và các vùng nước sâu hơn. Rùa quản đồng chủ yếu ăn các động vật thân mềm, giáp xác, bọt biển và các sinh vật biển khác. Khu vực làm tổ tập trung ở Mỹ là từ Bắc Carolina tới Tây nam Florida. Rùa quản đồng trưởng thành được biết sẽ thực hiện những chuyến di cư dài giữa khu vực kiếm ăn và khu vực làm tổ của chúng. Trong những năm không đẻ trứng, con cái trưởng thành từ những bãi biển của Mỹ sẽ phân bố ra các vùng biển ngoài khơi phía Đông nước Mỹ và khắp Vịnh Mexico, Bahamas, Greater Antilles và Yucatán

(http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/loggerhead.htm).

**Rùa Xanh (Chelonia mydas):** Trong vùng Vịnh Mexico, rùa Xanh làm tổ chủ yếu ở Mexico và dọc theo bờ biển phía tây nam Florida bắt đầu vào cuối tháng Năm và kéo dài tới tháng Chín. Con non mới nở sẽ di cư ra biển và tìm đến các khu vực nước bề mặt có mực nước biển thấp, nơi chúng sẽ sống trong một vài năm, chúng kiếm ăn gần mặt nước với nhiều loại thực vật và động vật nổi. Khi rùa trưởng thành đạt tới một độ tuổi/kích thước nhất định, chúng sẽ rời khỏi môi trường sống trên biển và di chuyển đến các bãi kiếm ăn gần bờ. Khi đã di cư tới khu vực sống ở đáy gần bờ, rùa xanh gần như là động vật chuyên ăn cỏ, chúng ăn cỏ biển và các loại tảo (http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/green.htm).

**Đồi mồi (Eretmochelys imbricata):** Trong Vịnh Mexico, đồi mồi làm tổ dọc theo bờ biển vùng Vịnh. Đồi mồi tận dụng nhiều môi trường sống như ngoài khơi, trên vịnh và các cửa sông trong suốt các giai đoạn

sống khác nhau của chúng, tuy nhiên đồi mồi chủ yếu thường nương tựa vào các rạn san hô. Trong lục địa Mỹ, việc làm tổ được giới hạn đến bờ biển phía đông nam Florida và Florida Keys, dù vậy việc làm tổ cũng rất hiếm diễn ra ở những khu vực này. Thức ăn chủ yếu của loài này là bọt biển và các nhuyễn thể khác (http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/hawksbill.htm).

**Rùa Kemp's Ridley (Lepidochelys kempii):** Rùa Kemp's ridley con và trưởng thành chủ yếu sinh sống tại các vùng nước nông, thường có đáy bùn hoặc cát, nơi chúng có thể tìm các loại thức ăn ưa thích, điển hình là cua. Mùa làm tổ của loài này diễn ra từ tháng Tư đến tháng Bảy và tập trung tại bang Tamaulipas, Mexico. Mặc dù phần lớn việc làm tổ của rùa Kemp's ridley diễn ra ở Mexico (USFWS 1970), một số cá thể vẫn chọn làm tổ dọc bờ vịnh Texas. Rùa Kemp's ridley cái thường chiếm giữ nhiều khu vực khác nhau trong vùng Vịnh Mexico. Hàng năm một số con đực, nhưng không phải là tất cả, sẽ di cư giữa khu vực kiếm ăn và sinh sản để giao phối với những con cái mà chúng có cơ hội gặp gỡ. Ngay sau khi con non nở, chúng bắt đầu một giai đoạn hoạt động không ngừng và di chuyển đến những khu vực nước bề mặt có nước biển thấp, nơi chúng sẽ sống trong một vài năm, chúng kiếm ăn gần mặt nước với nhiều loại thực vật và động vật nổi. Khi rùa thành niên đạt tới một độ tuổi/kích thước nhất định, chúng rời khỏi môi trường sống trên biển và di chuyển đến các bãi kiếm ăn gần bờ trên thềm lục địa. Thức ăn chủ yếu của chúng là cua bể, nhưng cũng có thể bao gồm cá, sứa và một số loại thân mềm (http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/kempsridley.htm).

**Rùa da (Dermochelys coriacea**): Rùa da là loài sống ngoài khơi xa nhất trong các loài rùa biển, dành thời gian chủ yếu ở các vùng nước sâu nhưng loài này cũng thường xuyên xuất hiện trên thềm lục địa và thường đến gần bờ tùy thuộc vào sự phân bố của con mồi. Loài này hầu như chỉ ăn sứa và phù du. Việc làm tổ của rùa da thường diễn ra từ tháng Tư đến tháng Mười Một tập trung chủ yếu ở phía Đông Nam Florida. Tổ của chúng nằm rải rác dọc bờ biển Vịnh Mexico của Mỹ. (http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/leatherback.htm).

#### *13.2.1.3 Mục đích và yêu cầu*

Hành động đề xuất nằm trong phạm vi mục đích và yêu cầu của chương trình khôi phục sớm được mô tả trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III vì sẽ đẩy nhanh quá trình khôi phục nguồn tài nguyên thiên nhiên bị hư hại do sự cố tràn dầu. Mục đích của dự án đề xuất là để bắt đầu phục hồi và bảo vệ rùa biển bị thương do sự cố tràn dầu. Dự án này là cách tiếp cận đa diện với quá trình khôi phục, có thể giải quyết tổng thể các nhu cầu đã xác định của nhiều loài rùa trong nhiều giai đoạn sống khác nhau, phù hợp với kế hoạch phục hồi dài hạn và các mục tiêu dự kiến trong việc phục hồi các loài rùa biển ở Vịnh Mexico. Dự án này cần thiết để giúp tăng cường và tạo điều kiện phục hồi các loài rùa biển ở Vịnh Mexico bằng cách tăng số lượng rùa con mới nở và giảm tỷ lệ tử vong của rùa con và rùa trưởng thành thông qua việc giảm đánh bắt nhầm và tăng cường ứng phó với rùa biển bị mắc cạn. Nếu không có loạt hành động này, các chương trình hiện có sẽ tiếp tục với nguồn tài trợ và khả năng hạn chế để duy trì các mục tiêu dài hạn đối với các loài được bảo vệ.

### 13.2.2 Phạm vi Đánh giá Môi trường (EA)

Dự án này được đề xuất như một phần của Kế hoạch Khôi phục Sớm Giai đoạn IV. Các phân tích môi trường mở rộng đối với các hành động này được thảo luận trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III,

theo đó Đánh giá môi trường này (EA) được chia thành từng cấp. Thông tin và phân tích trong tài liệu này bổ sung các phân tích theo quy trình kèm theo những thông tin cụ thể tại hiện trường. Đánh giá môi trường này (EA) cung cấp phân tích NEPA các tác động tiềm tàng đối với những vấn đề cụ thể tại hiện trường và dự báo các vấn đề đáng quan tâm từ việc thực hiện các hành động đề xuất và phương án không hành động.

Theo NEPA, cơ quan liên bang phải xem xét các tác động lên môi trường do các hành động của họ gây ra, bao gồm, trong số những tác nhân khác, tác động đến nguồn lực xã hội, văn hóa và kinh tế, cũng như các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các mục sau đây mô tả các nguồn tài nguyên bị ảnh hưởng và các hậu quả đối với môi trường của dự án.

Để xác định xem liệu một hành động có khả năng gây tác động đáng kể hay không, phải xem xét **phạm vi và cường độ** của hành động. **Phạm vi** đề cập đến khu vực ảnh hưởng (địa phương, tiểu bang, vv) và khoảng thời gian ảnh hưởng (ví dụ, đó là tác động ngắn hạn hay dài hạn). **Cường độ** đề cập đến mức độ nghiêm trọng của tác động và có thể bao gồm thời điểm của hành động (ví dụ, tác động mạnh hơn xảy ra trong khoảng thời gian quan trọng như thời điểm có lượng di trú cao hoặc thời gian động vật hoang dã sinh sản/nuôi con, vv). Cường độ cũng được xét đến trong trường hợp việc tác động có lợi hay có hại.

Theo mục đích của tài liệu này, các tác động được xếp loại nhỏ, trung bình hay lớn, và tạm thời hay lâu dài. Cách xác định theo những đặc điểm này phù hợp với cách xác định sử dụng trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, và có thể được tìm thấy trong Phụ lục D. Như đã thảo luận ở trên, các dự án đề xuất đã được chia thành ba mục trong EA dựa trên các hoạt động tương tự ở các hợp phần dự án và mức độ liên quan tiềm năng tới nguồn tài nguyên vật lý, sinh học và kinh tế xã hội (tức là Hợp phần Giảm đánh bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở vùng vịnh Mexico và Hợp phần Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texasđều bao gồm các hoạt động tương tự chủ yếu diễn ra trên, hoạt động trên mặt đất ở mức tối thiểu và không liên quan đến việc xây dựng bất kỳ công trình mới nào).

### 13.2.3 Phương án của dự án

Cả OPA và NEPA đều yêu cầu xem xét phương án Không hành động. Đối với mục này, có hai phương án, Không hành động và Các hành động Đề xuất của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển

#### *13.2.3.1 Không hành động*

Cả OPA và NEPA đều yêu cầu xem xét phương án Không hành động. Đối với Dự án đề xuất DERP Giai đoạn IV này, phương án Không hành động giả định rằng các Ủy viên sẽ không coi hành động nằm trong dự án Khôi phục Sớm rùa biển như là một phần của Khôi phục Sớm Giai đoạn IV.

Ở phương án Không hành động, các điều kiện hiện có của nguồn tài nguyên rùa biển trong môi trường chịu nhiều ảnh hưởng sẽ tiếp diễn. Lợi ích của việc khôi phục từ dự án này sẽ không thể đạt được tại thời điểm này.

Mục 1502,14 (d) của Quy chế CEQ yêu cầu phân tích phương án thay thế bổ sung để "bao gồm phương án không hành động". CEQ nêu rõ rằng trong một số trường hợp "không hành động" là "không thay đổi" so với hướng quản lý hoặc cường độ quản lý hiện hành. Do đó, phương án "không hành động" có thể

được hiểu là tiếp tục các hành động hiện hành cho đến khi hành động đó được thay đổi. So sánh tác động dự kiến của hành động đề xuất với những tác động dự kiến của các hành động hiện có. Trong trường hợp này, tất cả các hợp phần của dự án Khôi Phục sớm rùa biển hiện đang được tiến hành theo các chương trình và chính sách hiện hành, một số trong đó đã tồn tại trong nhiều năm. Vì vậy, phương án Không hành động là một sự tiếp nối của các chương trình và chính sách hiện hành, không bổ sung thêm kinh phí, nhân lực, cơ sở hạ tầng và cải tiến như của các hành động đề xuất. Tuy nhiên, kinh phí hỗ trợ cho mỗi chương trình rất khác nhau và mức độ nỗ lực có thể không còn liên tục qua các năm.

#### *13.2.3.2 Các hành động Đề xuất*

Thực hiện dự án Khôi phục sớm rùa biển thông qua một bộ các hành động đề xuất:

- Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ;
- Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ (STSSN) và phát triển Chương trình Ứng phó khẩn cấp Rùa biển
- Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở vùng vịnh Mexico; và
- Tăng cường Tôn trọng Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas

#### *13.2.3.3 Các Phương án khác được xem xét nhưng không được phân tích*

Quá trình lựa chọn dự án Khôi phục sớm của các Ủy viên được mô tả trong Mục 2.1 của Bản chính thức ERP/ PEIS Giai đoạn III. Như đã mô tả, các dự án tiềm năng phát triển từ ý kiến công chúng, nguồn đầu vào công cộng hiện có thông qua cơ sở dữ liệu có thể truy cập qua internet, đánh giá các kế hoạch và chương trình quản lý hiện hành của liên bang và tiểu bang, và chuyên môn và kinh nghiệm của Ủy viên. Từ danh sách các ý tưởng dự án, quá trình lựa chọn dự án Khôi phục Sớm ban đầu của Ủy viên đưa ra kết quả là một tập hợp các dự án đề xuất, phù hợp với Hiệp định khung, đã nộp cho BP để xem xét và cân nhắc. Một lĩnh vực Khôi phục Sớm bao gồm phục hồi rùa biển bị thương, và đặc biệt, tập trung vào giảm đánh bắt nhầm và tăng cường chương trình quan sát viên và giám sát tàu thủy, tăng cường mạng lưới cứu hộ rùa biển mắc cạn, và phát hiện tổ rùa Kemp's ridley được coi là phương pháp tiếp cận để phục hồi và bảo vệ rùa biển bị mất. Những nỗ lực phục hồi và khôi phục liên quan tới mỗi hợp phần dự án được đề xuất các hành động phục hồi trong kế hoạch khôi phục thiết lập cho rùa Kemp's ridley, rùa xanh, và rùa quản đồng. Các Uỷ viên sử dụng các kế hoạch khôi phục này và phát triển các hợp phần dự án khôi phục sớm đáp ứng các khuyến nghị của kế hoạch phục hồi và khả thi theo Hiệp định khung.

Trong quá trình phát triển dự án Khôi phục sớm giai đoạn IV, các Ủy viên đã xem xét các phương án thay thế cho dự án khôi phục sớm rùa biển, những phương án này phản ánh sự đa dạng trong phạm vi dự án và thời gian của mỗi hợp phần, cũng như cách bố trí khác nhau của các hợp phần. Khi xem xét hợp phần Tăng cường mạng lưới Rùa biển mắc cạn và cứu hộ và phát triển Chương trình Ứng phó khẩn cấp Rùa biển, các Ủy viên đã xem xét phương án bỏ phần Ứng cứu khẩn cấp. Sau cùng, các Uỷ viên đã đưa vào Chương trình ứng phó khẩn cấp vì chương trình này là phần bổ sung hiệu quả cho dự án khôi phục sớm, tạo ra những lợi ích lớn nhất cho nguồn tài nguyên khi kết hợp với các hoạt động nâng cao STSSN. Khi xem xét thời hạn của hợp phần dự án này, cũng như các hợp phần Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ; Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở vùng vịnh Mexico; Tăng cường Tôn trọng

Luật lệ Đánh bắt Nhầm bang Texas, các Uỷ viên ban đầu xem xét phương án xác định thời hạn dự án là 5 hoặc 6 năm tùy thuộc vào thành phần dự án, thay vì 10 năm. Phương án về thời hạn ngắn này được chứng minh là không khả thi trong bối cảnh Hiệp định khung.

Mặc dù các Uỷ viên ban đầu đã xem xét phương án khác, phương án cuối cùng được xác định bao gồm việc thêm vào Chương trình ứng phó khẩn cấp và đặt thời hạn dự án 10 năm được coi là phương án phù hợp nhất. Do đó, phương án đề xuất là phương án tạo ra lợi ích lớn nhất cho việc phục hồi rùa biển so với tất cả các tùy chọn khác được xem xét trước đó.

### 13.2.4 Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ

Vị trí, quy mô, hoạt động và việc bảo trì, cũng như môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả về môi trường của hợp phần Tăng cường Phát hiện và Thúc đẩy Rùa biển Kemp's làm tổ được thảo luận trong các phần dưới đây.

Tư vấn và phối hợp theo Đạo luật các loài có nguy cơ tuyệt chủng, Đạo luật Thỏa ước Chim di trú, Đạo luật Bảo vệ Đại bàng Đầu trọc và Đại bàng Vàng, Đạo luật Bảo tồn lịch sử quốc gia, và Đạo luật Quản lý Vùng ven biển sẽ được dùng để hoàn tất hợp phần dự án này.

Tài trợ cho hợp phần dự ánđề xuất này sẽ sự hỗ trợ cần thiết để bổ sung nhân viên, chương trình đào tạo, thiết bị, vật tư, phương tiện trong thời gian 10 năm ở Texas và Mexico. Các hợp phần dự án cũng sẽ cung cấp bổ sung hai cabin cho nhân viên và hai bãi quây làm tổ trên đầu phía nam của PAIS. Mục tiêu chính của hợp phần dự án này là giảm tỉ lệ rùa con mới nở tử vong bằng cách hỗ trợ liên tục hoạt động phát hiện và bảo vệ tổ rùa tại Texas và Mexico như một phần trong nỗ lực khôi phục rùa Kemp's ridley.

#### *13.2.4.1 Địa điểm của Hợp phần dự án*

Các hoạt động tăng cường phát hiện tổ rùa hợp phần dự án này có thể được thực hiện bất cứ nơi nào dọc theo bãi biển của Texas và dọc theo bờ biển của Tamaulipas, Mexico, nơi rùa Kemp's ridley làm tổ. Cabin và bãi quây sẽ nằm ở cuối phía nam của PAIS. Hai cabin mới sẽ được đặt trên bãi biển gần mốc 30 dặm và mốc 50 dặm (Xem Phần 13.1.3.11, Hình 13-3).

#### *13.2.4.2 Phạm vi của hợp phần dự án*

Hợp phần dự án này sẽ cung cấp kinh phí để hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn rùa biển Kemp's ridley đ. Kế hoạch Khôi phục rùa Kemp's ridley đề ra chiến lược khôi phục bao gồm phát hiện và bảo vệ tổ rùa (SEMARNAT 2011). Mục tiêu chính của hợp phần dự án này là giảm tỉ lệ tử vong ở rùa con mới nở bằng cách hỗ trợ liên tục cho hoạt động phát hiện và bảo vệ tổ ở Texas và Mexico như là một phần trong nỗ lực phục hồi rùa Kemp's ridley. Phần này của hợp phần dự án khôi phục đề xuất sẽ duy trì, cải tiến và/hoặc tăng cường nỗ lực phát hiện tổ rùa , di chuyển trứng, và bảo vệ tổ rùa ở Texas và Mexico. Tài trợ cho hợp phần dự án đề xuất này sẽ cung cấp các hỗ trợ cần thiết để bổ sung nhân viên, chương trình đào tạo, thiết bị, vật tư, phương tiện trong thời gian 10 năm ở Texas và Mexico. Hợp phần dự án cũng sẽ xây dựng thêm hai cabin cho nhân viên và hai bãi quây làm tổ ở khu cực nam của PAIS. Xem Phần 13.1.3.1 để biết thêm chi tiết về hợp phần dự án Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ

### *13.2.4.3 Xây dựng và lắp đặt*

Hạng mục xây dựng duy nhất của hợp phần dự án này là xây dựng hai cabin cho nhân viên và lắp đặt các bãi quây làm tổ kết hợp trên PAIS.

Các cabin tuần tra rùa biển mới sẽ có kết cấu khung gỗ, đặt trên cọc cao, mỗi cabin khoảng 2500 feet vuông. Kích thước thô củacabin mới rộng 50 feet  và dài 40 feet  , với một tầng cao 10 feet, tổng mặt bằng của công trình là 50 feet x 50 feet. Nội thất của công trình bao gồm các phòng ngủ dành cho 23 người, hai phòng tắm, nhà bếp, văn phòng và khu sinh hoạt chung, khu vực nhà kho, và không gian điều hành cơ bản để hỗ trợ chương trình. Các cabin ở vị trí hẻo lánh xa xôi sẽ được trang bị pin quang điện năng lượng mặt trời cung cấp lượng điện nhỏ để chiếu sáng và thông tin liên lạc. Khí hóa lỏng sẽ cấp năng lượng cho bếp lò và tủ lạnh. Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các cabin sẽ bao gồm các thiết bị báo cháy, với lối thoát hiểm trong công trình. Các cabin sẽ không được trang bị hệ thống kiểm soát khí hậu hiện đại, nghĩa là sẽ không có hệ thống sưởi, thông gió, hoặc hệ thống điều hòa. Bởi vì các cabin được sử dụng cho mục đích chuyên biệt và không áp dụng cho cộng đồng, công trình sẽ không tuân theo Đạo luật cho người khuyết tật Hoa Kì.

Đường bờ biển Quốc gia cho phép lái xe trên bãi biển; Do đó, đường vào các cabin mới để tuần tra rùa biển sẽ đi qua bờ biển Vịnh Mexico. Một khu vực gần địa điểm đề xuất xây dựng cabin mới tuần tra rùa biển sẽ được chọn để dựng công trường xây dựng, kho chứa vật liệu, và lưu trữ thiết bị. Những khu vực này có khả năng sẽ nằm dọc theo bãi biển Vịnh Mexico, nơi đã bị xáo trộn bởi việc lái xe trên bãi biển và dòng chảy thủy triều. Các khu vực dựng công trường được chọn không cản trở giao thông trên bãi biển cũng không gây ra va chạm rủi ro cho an toàn của khách tham quan, nhà thầu và các phương tiện đi lại của nhân viên công viên. Một khu nhà ở tạm thời (nhà lưu động) sẽ được đặt tại các khu vực dự án trong quá trình xây dựng. Điều này sẽ cho phép toàn bộ thời gian tám đến mười giờ làm việc được dùng vào việc xây dựng các cabin, không mất thời gian đi lại đến các khu vực dự án. Sau khi hoàn thành các cabin, các nhà lưu động sẽ được gỡ bỏ khỏi các khu vực dự án. Hiện nay, các khu vực nơi đặt địa điểm của các nhà ở tạm thời đặt sẽ mở cửa cho khách tham quan cắm trại. Các loài hoa thân thảo và các loài cỏ hiện có trong vùng dự án sẽ được duy trì hết mức có thể. Tất cả các khu vực bị tác động bởi việc xây dựng cabin mới để tuần tra rùa biển sẽ được trồng lại thực vật và được bao bọc lại theo phong cách của cảnh quan tự nhiên. Thảm thực vật bản địa, địa hình, hoặc các đặc điểm tự nhiên khác sẽ được sử dụng một cách thích hợp. Các khu vực bị tác động bởi việc xây dựngcơ sở ươm tạo mở rộng sẽ được san bằng và trồng mới các loại cỏ bản địa.

Một khu vực gần cabin sẽ được chọn để chứa một bãi quây làm tổ cho trứng rùa biển, các trứng này sẽ được thu thập để ấp, nở, và thả đi. Có các bãi quây làm tổ trong khu vực dự kiến sẽ làm giảm thời gian vận chuyển trứng rùa thu thập được ở phần phía nam của công viên; do đó làm giảm nguy cơ gây tổn thương hoặc thiệt hại cho trứng. Các bãi quây làm tổ sẽ được rào chắn và khóa lại.

Xem phần Mở rộng Cơ sở Hỗ trợ Khoa học và Khôi phục Rùa biển, Xây dựng Cabin Tuần tra và Mở rộng các Phòng thí nghiệm Ấp trứng, Đánh giá môi trường năm 2011 từ Sở Công viên Quốc gia ( gọi tắt là NPS EA) trong Phụ lục F để biết thêm thông tin. Như tiêu đề cho thấy, NPS EA cũng phân tích những tác động

từ việc xây dựng bổ sung Phòng thí nghiệm Ấp trứng, vốn không phải là một phần của Dự án đề xuất Khôi phục sớm rùa biển Giai đoạn IV NRDA

#### *13.2.4.4 Vận hành và Bảo trì*

Hợp phần dự án đề xuất Phát hiện và Thúc đẩy rùa Kemp's Ridley làm tổ được xây dựng dựa trên các chương trình có cơ sở vững chắc hiện có, được điều hành bởi các cơ quan liên bang và tiểu bang phối hợp với các trường đại học và các tổ chức NGO. Các nghị quyết hoạt động, chương trình đào tạo và cấp phép đã được thành lập hơn hai thập kỷ qua. Các hoạt động đề xuất phát hiện tổ rùa Kemp's ridleyđược điều hành hành dưới cùng một tập hợp các kế hoạch quản lý hiện có dành cho các chương trình này.Sẽ không có sự thay đổi nào về việc vận hành. Các cabin sẽ được duy trì như là một phần trong chính sách bảo dưỡng và bảo trì đối với NPS và được vận hành theo giao thức hoạt động như trước đây được phát triển bởi chương trình.

#### *13.2.4.5 Những Phân tích môi trường trước đây đối với việc xây dựng Cabin và Bãi quây làm tổ*

Việc xây dựng các cabin và bãi quây làm tổ trước đó đã được đánh giá theo Đạo luật Chính sách môi trường quốc gia (NEPA) của Sở công viên quốc gia (NPS). Quy định của Sở nội vụ(DOI)về việc thực hiện Đạo luật Chính sách môi trường quốc gia (NEPA) cho rằng văn phòng DOI có thể áp dụng một đánh giá môi trường (EA) lập bởi một cơ quan khác [xem 43 CFR § 46,320]. Để hoàn thành một phần phân tích NEPA cho hợp phần hành động đề xuất này, DOI đang áp dụng Đánh giá về môi trường từ Sở công viên quốc gia (NPS EA) mang tên "Mở rộng các thiết bị hỗ trợ Khoa học và khôi phục Rùa biển, Xây dựng Cabin tuần tra và mở rộng phòng thí nghiệm ấp trứng, năm 2011." (Xem Chương 4, Mục 4.13 cho thông tin liên quan đến việc áp dụng các văn bản NEPA).

NPS EA đã được lập, tuân thủ theo NEPA, để đưa ra khung ra quyết định với 1) phân tích phạm vi hợp lý các phương án thay thế để đáp ứng các mục tiêu của đề xuất này, 2) đánh giá các vấn đề và tác động tiềm ẩn lên nguồn tài nguyên và giá trị của PAIS, và 3) xác định biện pháp giảm thiểu giảm bớt mức độ ảnh hưởng của những tác động này.

DOI đã độc lập đánh giá NPS EA và xác định rằng đánh giá môi trường này đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của phân tích NEPA theo quy định CEQ NEPA, và đánh giá đầy đủ tác động môi trường của việc xây dựng các cabin và bãi quây làm tổ. DOI dự định đáp ứng yêu cầu về mức độ tham gia công chúng như đã thảo luận trong Mục 4.13 thông qua thông tư của Bản thảo Giai đoạn IV ERP/PEIS về ý kiến của công chúng. Theo đó, DOI áp dụng các NPS EA. Toàn bộ NPS EA có thể được tìm thấy trong Phụ lục F.

#### *13.2.4.6 Phân tích Môi trường Bổ sung để Tăng cường và và Bổ sung NPS EA đã được thông qua*

Các quy định DOI quy định rằng, khi hành động đề xuất của một tổ chức khác với hành động đề xuất trong EA đã được thông qua, tổ chức có thể bổ sung thêm EA đã được thông qua để làm cho đề xuất phù hợp với hành động đề xuất của tổ chức (xem 43 CFR § 46,320). Phân tích dưới đây về hợp phần dự án tóm tắt các mục có liên quan tới NPS EA được thông qua, và tăng cường bổ sung các mục đó. Các phân tích dưới đây sẽ xem xét tất cả các hậu quả môi trường bổ sung không được phân tích trong NPS EA được thông qua, là kết quả từ các yếu tố khác của hành động đề xuất hiện có. Những yếu tố khác của

hành động đề xuất hiện có (những yếu tố chưa được phân tích trong NPS EA) được đề cập đến trong tài liệu này là "các hoạt động phát hiện tổ nâng cao," và bao gồm: tăng cường tuần tra biển hiện có, di chuyển trứng và ủ trứng trong điều kiện kiểm soát, và thả rùa con mới nở về Vịnh Mexico.

Như đã nêu ở trên mục "Xây dựng và Lắp đặt", việc mở rộng các cơ sở ươm tạo hiện có tại PAIS cũng được phân tích trong NPS EA được thông qua; Tuy nhiên, việc mở rộng các cơ sở đó không phải là một phần của hợp phần dự án được đề xuất này, và không được đưa vào phân tích dưới đây

Tóm lại, DOI thông qua NPS EA năm 2011 về việc xây dựng cabin và bãi quây làm tổ. DOI cũng cung cấp phân tích bổ sung cho việc bổ sung các hoạt động phát hiện tổ nâng cao trong hợp phần dự án đề xuất này.

### 13.2.5 Ảnh hưởng đến Môi trường của việc Phát hiện và cải thiện tổ rùa Kemp's ridley và những Hậu quả về Môi trường

Các mục sau đây mô tả các ảnh hưởng môi trường đối với mỗi khu vực tài nguyên hoặc vấn đề được phân tích. Các thảo luận về hậu quả về môi trường tóm tắt các phát hiện của NPS EA và phân tích các tác động tiềm ẩn từ các hoạt động phát hiện tổ tăng cường. Các tác động lên môi trường của riêng hoạt động phát hiện tổ và khi kết hợp với việc xây dựng các cabin và bãi quây được mô tả, sử dụng các định nghĩa theo mức độ từ nhỏ, vừa và lớn được tìm thấy trong mỗi mục của của các nguồn tài nguyên và các vấn đề phân tích trong NPS EA (Phụ lục F).

#### *13.2.5.1 Giới thiệu và Cơ sở*

Chương trình hiện có tại Texas và Mexico đã được xem xét và cho phép theo Mục 10 (a) (1) (A) của ESA thông qua Giấy phép Mục đích Khoa học, Tăng cường Nhân giống hay Sống sót. Giấy phép và thỏa thuận giữa Mỹ và Mexico đã diễn ra trong hơn 20 năm cho phép thực hiện các hoạt động phát hiện tổ. Các hoạt động phát hiện tổ ở Mexico tương tự như ở Texas và tạo nên những tác động tương tự đối với khu vực tài nguyên liên quan như mô tả dưới đây.

Mục này được phân cấp và kết hợp bằng cách tham khảo các phần liên quan của các chương 1, 2, 3 và 4 của /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III để lấy thông tin và cơ sở. Các phân tích chương trình trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III xem xét một loạt các nguồn tài nguyên như là một phần của môi trường sinh học, vật lý, và kinh tế xã hội. Để phù hợp với phân tích theo từng cấp, đánh giá của từng dự án tập trung vào các nguồn tài nguyên cụ thể và khả năng bị ảnh hưởng bởi hợp phần dự án đề xuất. Để tránh thông tin trùng lặp hay không cần thiết, các lĩnh vực tài nguyên được dự kiến không bị ảnh hưởng sẽ không được đánh giá thêm.

Trong trường hợp lĩnh vực tài nguyên hoặc vấn đề được phân tích đầy đủ trong /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III và không cần phân tích thêm, thảo luận từ /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III sẽ được tham chiếu và tóm tắt.

Mỗi yếu tố của hợp phần dự án đề xuất, "xây dựng cabin và bãi quây làm tổ" và "hoạt động phát hiện tổ nâng cao", được trình bày riêng rẽ, và kết hợp trong mỗi mục.

#### *13.2.5.2 Tài nguyên và các vấn đề được xem xét và không phân tích chi tiết*

Theo Quy định CEQ về việc Thực hiện NEPA (Mục 1502.1 và 1502.2), các cơ sở nên "tập trung vào các vấn đề môi trường quan trọng" và đối với các vấn đề không phải là vấn đề quan trọng nên có " thảo luận vừa đủ để cho thấy lý do tại sao không nên nghiên cứu nhiều hơn ." Sau điều tra sơ bộ, một số khu vực tài nguyên được xác định là hoặc không bị ảnh hưởng hay ít bị ảnh hưởng bởi các hành động đề xuất.

Những tài nguyên này không được thảo luận chi tiết hơn dưới đây. Chỉ những cùng tài nguyên có nguy cơ chịu tác động xấu sẽ được thảo luận chi tiết dưới đây.

Phân tích chương trình xem xét một loạt các nguồn tài nguyên như hợp phần của môi trường sinh học, vật lý, và kinh tế xã hội. Để phù hợp với phân tích theo từng cấp, đánh giá của từng dự án tập trung vào các nguồn tài nguyên cụ thể có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án đề xuất. Để tránh các thông tin trùng lặp hay không cần thiết, nguồn tài nguyên không được dự kiến sẽ bị ảnh hưởng sẽ không được đánh giá thêm nữa trong một dự án được đưa ra. Những lĩnh vực tài nguyên không có phân tích chi tiết được liệt kê dưới đây với một lý do ngắn gọn về việc không được đưa vào:

- Kinh tế xã hội – Dự án chi tiêu cho việc xây dựng có thể có lợi cho nền kinh tế địa phương, nhưng chỉ là tạm thời, và sự đóng góp cho nền kinh tế địa phương, nhìn chung, sẽ rất nhỏ. NPS EA tuyên bố "Thực hiện hành động đề xuất có thể mang đến tác động có lợi không đáng kể cho nền kinh tế cho vùng lân cận Corpus Christi, Texas, cũng như Nueces County nhờ sự gia tăng ở mức tối thiểu các cơ hội việc làm cho những người tuần tra rùa biển và các khoản thu cho các doanh nghiệp địa phương và chính phủ tạo ra từ các hoạt động và vật liệu xây dựng bổ sung. Bất kỳ sự gia tăng trong lực lượng lao động và doanh thu, dù vậy, là tạm thời và không đáng kể, chỉ kéo dài trong quá trình xây dựng". Bởi vì các tác động đến môi trường kinh tế xã hội không đáng kể như mô tả của NPS, chủ đề này đã bị loại bỏ trong NPS EA. Điều này là đúng ngay cả khi kết hợp với các hoạt động phát hiện tổ đã được cải thiện.

- Luật về Môi trường - NPS EA tuyên bố "Sắc lệnh 12898 *Hành động chung để giải quyết Luật môi trường trong cộng đồng thiểu số và thu nhập thấp* yêu cầu tất cả các cơ quan liên bang kết hợp công bằng môi trường để thực hiện sứ mệnh của mình bằng cách xác định và giải quyết những ảnh hưởng bất lợi có tỉ lệ cao tới sức khỏe con người hoặc môi trường mà chương trình và chính sách của họ gây ra đối với nhóm cộng đồng thiểu số và các nhóm dân cư có thu nhập thấp. Bởi vì các cabin tuần tra mới được tất cả các nhân viên của công viên bộ phận Khoa học và Khôi phục Rùa biển sử dụng, không phân biệt chủng tộc hay thu nhập, và vật liệu xây dựng không được mua dựa trên chủng tộc hoặc thu nhập của nhà cung cấp, hành động đề xuất sẽ không có những ảnh hưởng bất lợi không cân bằng tới sức khỏe hoặc môi trường của cộng đồng thiểu số hoặc người có thu nhập thấp. Bởi vì không có tác động không công bằng nào, chủ đề này không được phân tích thêm trong văn bản này". Điều này là đúng ngay cả khi kết hợp với các hoạt động phát hiện tổ tăng cường.

Chủ đề tác động (khu vực tài nguyên/vấn đề) được phân tích chi tiết trong NPS EA đã thông qua đối với việc xây dựng hai cabin và bãi quây làm tổ bao gồm: địa hình, địa chất và các loại đất; loài nằm trong

tình trạng đặc biệt; việc sử dụng và trải nghiệm của du khách; hoạt động của công viên và vùng đồng bằng ngập ven biển. Các chủ đề tác động khác đã bị loại bỏ khỏi phân tích chi tiết vì "chúng không bị ảnh hưởng gì cả, hoặc các ảnh hưởng ở mức độ nhỏ hoặc ít, và không gây ra bất kỳ tác động không thể chấp nhận nào" (NPS EA).

#### *13.2.5.3 Môi trường Vật lý*

Mục này bao gồm địa chất và các lớp nền, chất lượng không khí và xả thải khí nhà kính và tiếng ồn. Xem Chương 3 của /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III để biết thông tin chi tiết về môi trường vật lý của khu vực.

##### *13.2.5.3.1 Địa chất và chất nền*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

Việc xây dựng đề xuất hai cabin tuần tra rùa biển mới bên bờ biển Vịnh Mexico, đặt giữa những đụn cát của vịnh. Những đụn cát của Bờ biển Quốc gia có tính năng địa hình/địa chất quan trọng. Các hoạt động phát hiện tổ nâng cao có thể diễn ra ra bất cứ nơi nào dọc theo bãi biển, nơi rùa biển làm tổ ở Texas và bang Tamaulipas, Mexico.

***Các hậu quả về môi trường***

*Không hành động*

Theo phương án không hành động, sẽ không có tác động gia tăng nào đến địa chất và chất nền. Việc xây dựng cabin sẽ không diễn ra và các hoạt động phát hiện tổ sẽ vẫn giữ nguyên như tiến độ hiện nay, do đó không có tác động mới sẽ xảy ra.

*Các hành động đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây làm tổ
  NPS EA tuyên bố "Yêu cầu những thay đổi nhỏ về địa hình tạo ra bề mặt bằng phẳng để xây dựng cabin, điều này sẽ không hoặc ít ảnh hưởng đến địa hình của khu vực này. Việc xây dựng các cabin cũng yêu cầu phải đào bới, có thể thay thế và làm xáo trộn đất, chủ yếu ở phần móng của cabin mới. Đất cũng có thể bị xáo trộn và nén tạm thời tại các địa điểm đặt vật liệu xây dựng. Có những tính năng địa hình hoặc địa chất quan trọng trong vùng dự án, và các hành động đề xuất sẽ dẫn đến những ảnh hưởng không đáng kể, và những ảnh hưởng bất lợi tạm thời và vĩnh viễn đến địa hình, địa chất, và đất.

  Vị trí và việc xây dựng các cabin mới sẽ yêu cầu đường vào thông qua các đụn cát, có thể dẫn đến những ảnh hưởng nhỏ, trực tiếp, bất lợi. Bất cứ các đặc điểm bị tác động hoặc bị mất của cồn cát sẽ được thiết lập lại bằng cách tạo lại đường nét và thông qua quá trình tự nhiên.

- Các hoạt động phát hiện tổ tăng cường
  Mục 6.3.9.1 của /Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III tuyên bố "Việc di dời tổ có thể gây ra tác động nhỏ ngắn hạn tới các lớp đât nền nhưng các địa điểm bị đào bới có thể được lấp lại ngay

sau khi lấy được trứng rùa." Việc sử dụng các Xe địa hình tiện ích (UTVs ) trên bãi biển và trong khu vực cồn cát để chở nhân viên đi tuần tra có thể có tác động nhỏ ngắn hạn tới các cồn cát. Nhân viên được giáo dục và đào tạo để giảm thiểu thiệt hại cho cồn cát càng nhiều càng tốt bằng cách tránh các khu vực có thảm thực vật.

Tính chung, hai yếu tố này sẽ có ảnh hưởng nhỏ tạm thời và ảnh hưởng nhỏ lâu dài đến địa chất và chất nền. Thực hành Quản lý Tốt nhất (BMP) như tránh khu vực có thảm thực vật sẽ giảm thiểu tác động

#### *13.2.5.3.2 Thủy văn và tài nguyên nước*

Các vùng dự án đề xuất cabin tuần tra rùa biển nằm trải dài khắp bờ biển vịnh Mexico; nơi có nhiều đường giao thông tàu bè và các đồng bằng ven biển.

***Hậu quả đối với Môi trường***

*Không hành động*

Theo giải pháp Không hành động sẽ không có ảnh hưởng nào với thủy văn và các tài nguyên nước trong khu vực dự án. Việc xây dựng cabin sẽ không xảy ra và các hoạt động tìm kiếm tổ sẽ được thực hiện như hiện nay, không có tác động nào mới sẽ xảy ra.

*Hành động đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây

Dự án không được ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nước trong vùng lân cận khu vực dự án. Hai cabin tuần tra dấu chân rùa mới (khoảng 2.000 feet vuông mỗi cabin) sẽ làm tăng diện tích che phủ trong khu vực, điều này có thể dẫn đến tăng độ ăn mòn tiềm năng trong khu vực; dù vậy, công trình sẽ có nền đỡ bên dưới và nước chảy từ trên mái sẽ có thể chảy xuống dưới công trình và vì khu vực này thuộc vùng cận triều, những ảnh hưởng này được tin là ảnh hưởng nhỏ. Để giảm thiểu ảnh hưởng đến chất lượng nước do ăn mòn do các hoạt động xây dựng gây ra hơn nữa, những khu vực bị ảnh hưởng sẽ được trồng lại thực vật và xây lại đường viền xung quanh sau khi xây dựng xong. Các ca-bin không có kế hoạch xây dựng bồn thải tự hoại, rác thải sẽ được thu thập dựa vào toa-let khô. Tất cả rác thải sẽ được chở đi bằng xe rác và xử lý phù hợp luật và quy định của địa phương, tiểu bang hay liên bang

Dù dự án đề xuất sẽ được thực hiện ở vùng bờ biển và vùng cận triều, các ca-bin và bãi quây sẽ không nằm trên thảm thực vật đất ngập nước. Bất kỳ ảnh hưởng tiềm năng nào đến thảm thực vật đất ngập nước do các hoạt động liên quan đến xây dựng sẽ được tránh và giảm thiểu đến mức tốt nhất có thể thực hiện.

Hầu hết các PAIS và các vùng xây dựng ca-bin đều nằm trong khu vực bãi bồi ven biển 100-năm của Vịnh Mexico và Laguna Madre. Ngoại lệ duy nhất là khu vực cồn cát cao hơn trải dài khắp đường bờ biển Vịnh. Công viên đã cung cấp bản thảo tuyên bố bãi bồn ven biển về những nghiên cứu của nhiều cơ quan tiểu bang và liên bang theo yêu cầu trong Lệnh và Hướng dẫn Thủ

tục của Giám đốc NPS #77-2: Quản lý Bãi bồi Ven biển. Xem trang 48 của EA NPS (Phụ lục F) để biết thêm thông tin về các ảnh hưởng đến bãi bồi ven biển.

- Hoạt động phát hiện tổ tăng cường
  Việc sử dụng UTV trên bãi biển để chở nhân viên trong quá trình tuần tra có thể gây ra ảnh hưởng nhỏ ngắn hạn đến tài nguyên nước tùy vào khu vực đi qua.

Cộng cả hai yếu tố này lại cũng sẽ không gây ra nhiều hơn một ảnh hưởng nhỏ đến thủy văn và tài nguyên nước; vì vậy hợp phần dự án đề xuất sẽ không gây ra tác động tiêu cực đến thủy văn và tài nguyên nước.

#### *13.2.5.3.3 Chất lượng Không khí và Khí Thải Nhà kính*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

Đạo luật Không khí sạch (CAA) đã đưa ra Tiêu chuẩn Không khí Môi trường Xung quanh Quốc gia (NAAQS) để bảo vệ sức khỏe công cộng lành mạnh, bao gồm hệ sinh thái, khỏi ô nhiễm không khí. NAAQS thiết lập nồng độ giới hạn của sáu "chỉ tiêu gây ô nhiễm": ni-tơ đi-ô-xit, lưu huỳnh đi-ô-xit, vật chất dạng hạt ($PM_{10}$ & $PM_{2.5}$), cac-bon mô-nô-xit, tầng ô-zôn ($O_3$) và chì. Chất lượng không khí ở Vịnh Mexico có thể được thể hiện bằng cách so sánh nồng độ không khí của các chất ô nhiễm mỗi bang vùng Vịnh với NAAQS. Hợp phần dự án đề xuất bao gồm những bãi biển ở Texas và Mexico. TẤt cả các hạt ở Bờ biển Vùng Vịnh Texas đều đạt tiêu chuẩn NAAQS về ni-tơ đi-ô-xit, lưu huỳnh đi-ô-xit, vật chất dạng hạt, cac-bon mô-nô-xit, và chì. Dù vậy, khu vực Houston-Galveston-Brazoria bị đưa vào danh sách không đạt tiêu chuẩn về ô-zôn hiện hành trong EPA (xem EPA 2013).

***Ảnh hưởng đối với môi trường***

*Hành động Đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Mục 6.3.9.3 của Bản Chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III nêu rõ "Trong các hoạt động khôi phục, có thể có tác động tiêu cực từ ngắn hạn nhỏ đến vừa đối với chất lượng không khí từ khí thải ra từ thiết bị và phương tiện xây dựng." EA NPS kết luật rằng chất lượng không khí và ảnh hưởng GHG xếp loại nhỏ hoặc ít hơn nữa, và sẽ không dẫn đến bất kỳ tác động không thể chấp nhận nào. Lý do căn bản như sau: Xây dựng ca-bin tuần tra mới sẽ cần các phương tiện chuyên chở vật liệu xây dựng và nhân lực xây dựng đến công trường xây dựng. Những hoạt động này có thể dẫn đến tăng khí thải tạm thời khi các phương tiện xây dựng hoạt động. Dù vậy, khí thải từ các phương tiện cơ giới này sẽ nhanh chóng biến mất nhờ vào gió đông nam thường thổi từ tháng Ba đến tháng Chín và gió Bắc-Tây Bắc từ tháng Mười đến tháng Hai (PAIS 200b như đã trích dẫn trong NPS 2011). Để giảm khí thải, các thiết bị xây dựng không được phép để không trong thời gian dài. Khí thải phương tiện giaot hông cũng sẽ được giảm bằng cách cung cấp nhà ở tạm thời tại địa điểm xây dựng, giảm số chuyến đi từ và đi đến công trường xây dựng. Dựa trên lượng khí thải dự tính cho mỗi phương tiện từ Bảng 1 trong NPS EA, số lượng phương tiện hoạt động hàng năm trên công viên, và những cơn gió chính hàng ngày, tác động đến chất lượng không khí sẽ là không đáng kể và nằm trong tiêu chuẩn của tiêu bang và liên bang. Việc chọn chất lượng không

khí Bậc II cho Đường Bờ biển Quốc gia Padre Islands sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể bởi đề xuất này. Hơn nữa, vì chất lượng không khí Bậc II sẽ không bị ảnh hưởng, sẽ không có ảnh hưởng không thể chấp nhận nào; các hoạt động đề xuất phù hợp với mục §1.4.7.1 *Chính sách Quản lý* NPS 2006.

- Các hoạt động tìm kiếm tổ tăng cường
  Việc sử dụng UTV để chuyên chở nhân viên trên bãi biển trong các hoạt động tuần tra sẽ không gây ra lượng lớn khói bụi tạm thời hoặc làm tăng mức GHG địa phương đáng kể. Hợp phần dự án này chỉ có thể gây ảnh hưởng nhỏ đến chất lượng không khí và lượng thải GHG dọc theo đường bờ biển Texas và bang Tamaulipas, Mexico.

Tính chung, các phân tích định tính chỉ ra rằng hai yếu tố này sẽ không gây ra ảnh hưởng nhiều hơn mức ảnh hưởng nhỏ đến chất lượng không khí hoặc GHG; vì vậy hợp phần dự án đề xuất sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng không khí hoặc lượng khí thải GHG.Việc sử dụng các phương tiện và thiết bị chạy bằng xăng và dầu diesel, như xe tải, máy ủi…vv..., sẽ làm tăng mức khí thải GHG. Dù rất khó để đưa ra một ước tính chính xác về tổng lượng xăng dầu liên quan đến hoạt động của các phương tiện và thiết bị xây dựng, các giả định đưa ra trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III dự án Chương 8 đến 12 về khí thải do các hoạt động xây dựng có thể được dùng như một hướng dẫn hữu ích để ước tính lượng khí thải GHG cho hợp phần dự án Phát hiện và Cải thiện Tổ Rùa Kemp's Ridley. Các loại thiết bị tương tự và thời gian sử dụng trong các phân tích trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III không tiệm cận điểm tham chiếu 25,000 tấn khí thải $CO_2$ để cần phải thực hiện một phân tích định lượng.

#### *13.2.5.3.4 Tiếng ồn*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

Chương 3.2.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III nêu ra những nguồn chính gây tiếng ồn trên mặt đất ở môi trường bờ biển là các hoạt động giao thông và xây dựng. Những nguồn tiếng ồn không khí (nền) chính trong khu vực dự án là con người và những tiếng động tự nhiên như gió hay động vật hoang dã. Mức độ tiếng ồn trong vùng dự án thay đổi tùy theo mùa, và/hoặc theo thời gian trong ngày, theo số lượng và loại nguồn gây ra tiếng ồn, và khoảng cách đến nguồn gây ra tiếng ồn. Những người sử dụng vùng đất nhạy cảm với tiếng ồn bao gồm những du khách đến bãi biển. NPS EA nêu rằng vị trí đề xuất của hai ca-bin tuần tra mới và những hoạt động xây dựng sẽ diễn ra ở khu vực công viên mà hiện nay khách đến công viên và phương tiện của họ có thể tiếp cận. Nguồn tiếng động chính là tiếng sóng biển, ngoài ra những tiếng động khác trong khu vực thường đến từ các phương tiện di chuyển (du khách và nhân viên đi đến/rời khỏi Đường Bờ biển Quốc Gia), con người, thuyền, các hoạt động thăm dò và phát triển dầu khí phi liên bang, các thiết bị trông coi khu vực, các thiết bị điều hòa không khí của những toàn nhà, một vài động vật hoang dã như chim, và những cơn gió. Tiếng ồn gây ra từ những hoạt động dài hạn của các ca-bin tuần tra có thể bao gồm cả những người sử dụng ca-bin và xe cộ đến đây và đi từ đây.

***Hậu quả đối với Môi trường***

*Không hành động*

Theo giải pháp Không hành động sẽ không có tác động tăng thêm tiếng ồn trong khu vực dự án. Việc xây dựng cabin sẽ không xảy ra và các hoạt động tìm kiếm tổ sẽ được thực hiện như hiện nay, không có tác động nào mới sẽ xảy ra.

*Hành động đề xuất*

- Xây dựng ca-bin và bãi quây
  Ảnh hưởng tiếng ồn được xếp loại nhỏ hoặc ít hơn nữa, và sẽ không gây ra bất kỳ tác động không thể chấp nhận được nào, vì vậy không được phân tích chi tiết trong NPS EA. NPS EA nêu rõ "Trong quá trình xây dựng, những tiếng động do con người gây ra nhiều khả năng sẽ tăng lên với các hoạt động xây dựng, thiết bị, giao thông, và các nhóm thợ xây. Tất cả các tiếng động gây ra bởi hoạt động xây dựng đều mang tính tạm thời, và chỉ tồn tại trong thời gian hoạt động xây dựng gạy ra tiếng ồn, và chỉ gây ra ảnh hưởng nhỏ hoặc không đáng kể đến du khách và nhân viên. Hơn nữa, những tác động nhỏ hoặc không đáng kể này sẽ không dẫn đến tác động không thể chấp nhận nào; các hoạt động đề xuất phù hợp với mục §1.4.7.1 *Chính sách Quản lý* NPS 2006."

- Hoạt động phát hiện tổ tăng cường
  Hợp phần dự án này sẽ chỉ gây ảnh hưởng nhỏ đến mức độ tiếng ồn trong vùng dự án. Tiếng ồn do việc sử dụng UTV và các phương tiện khác mang tính ngắn hạn và tạm thời và sẽ không làm tăng thêm đáng kể tiếng ồn trong môi trường xung quanh.

Tính chung, hai yếu tố này sẽ không gây ra nhiều hơn một tác động nhỏ đến mức độ tiếng ồn; vì vậy dự án đề xuất sẽ không gây ra tác động tiêu cực đến mức độ tiếng ồn.

### *13.2.5.4 Môi trường Sinh học*

Vùng phía Bắc của Vịnh Mexico có nhiều môi trường sống nuôi dưỡng nhiều hệ sinh thái đa dạng và hữu ích với cả đất ươm cây trồng và bãi thức ăn động vật cho nhiều chủng loài quan trọng cả về sinh thái và kinh tế (GCERTF 2011). Những môi trường sống và chủng loài này liên kết với nhau qua việc di chuyển các cá thể (liên kết về quần thể và gen) và sự trao đổi dinh dưỡng và vật chất hữu cơ (theo phương ngang từ gần bờ đến xa bờ, và theo phương dọc từ mặt nước cho đến đáy đại dương). Những môi trường sống này là nơi cư trú của 97% các loại cá và các loài thủy sinh có vỏ được đánh bắt trong khu vực trong giai đoạn sinh sản và những giai đoạn sống khác của chúng (NOAA 2010). Môi trường sống, tài nguyên và những liên kết sinh thái của chúng là một phần của môi trường sinh thái của vùng phía bắc Vịnh Mexico. Xem chương III của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III để biết thông tin chi tiết về môi trường sinh học của vùng. Môi trường sinh học của vùng được chia ra làm hai phần chính: tài nguyên sống vùng bờ biển và biển, và các loài được bảo vệ.

#### *13.2.5.4.1 Tài nguyên Sống vùng Bờ biển và Biển*

***Môi trường bị Ảnh hưởng***

*Động vật hoang dã*

Các loài động vật có vú thường được tìm thấy ở bờ biển Texas, bao gồm hươu đuôi trắng, chó sói đồng, linh miêu châu Mỹ, con lửng, thỏ rừng tai to đuôi trắng, chuột túi vàng, gấu trúc Mỹ, sóc đất, chuột nhảy, chuột và dơi. Có 385 loài chim được ghi trong PAIS. Nhiều loại chim trong số này được tìm thấy ở những địa điểm đề xuất của hợp phần dự án; dù vậy, không có khu làm tổ hoặc khu ăn cỏ hoặc ngủ đêm nào được biết tại những địa điểm đề xuất này, xem bản NPS EA và Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Chương 3 để biết thêm chi tiết.

*Thảm thực vật*

Các vùng dự án nằm trong Vịnh Mexico, đường bờ biển Taxa strong khu vực các cồn cát của Vịnh. Những vùng này được tạo thành bởi hai hàng cồn cát nằm cạnh bãi biển Vịnh và những bãi cát ướt rải tác trên cồn cát cao. Hai hàng cồn cát chủ yếu có các loại cây khổ sâm lá bạc (*Croton punctatus*), Cây bìm bìm biển (*Ipomoea pescaprae*), cây cúc tần (*Heterotheca subaxillaris*), cỏ ba lá đồng bằng (*Dale asp.*), cỏ phấn hương miền Tây (*Ambrosia psilostachya*), và cỏ hòa thảo biển (*Uniola paniculata*). Các bãi cát ướt chủ yếu có cây cúc tần, cỏ ba lá đồng bằng, cỏ hòa thảo biển, cỏ xanh bờ biển (*Schizachyrium scoparium*), cỏ phấn hương miền Tây (*Ambrosia psilostachya*), và một vài cây lá khổ sâm nhiệt đới (*Croton glandulosus* var. *lindheimeri*), xem bản NPS EA và Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Chương 3 để biết thêm chi tiết.

***Hậu quả đối với môi trường***

*Không hành động*

Theo giải pháp Không hành động sẽ không có tác động tăng thêm nào đối với các tài nguyên sống bờ biển và biển. Việc xây dựng cabin sẽ không xảy ra và các hoạt động tìm kiếm tổ sẽ được thực hiện như hiện nay, không có tác động nào mới sẽ xảy ra.

*Hành động đề xuất*

- Xây dựng ca-bin và bãi quây
  - Động vật hoang dã

    Tiếng ồn do xây dựng và phương tiện di chuyển đến công trường có thể làm phiền các loài chim di cư, nhưng những tác động tiêu cực này 1) mang tính tạm thời, chỉ kéo dài trong lúc xây dựng, và 2) không đáng kể, do môi trường sống phù hợp các loài chim di cư có thể được tìm thấy trên khắp khu vực này.

    Nếu dự án đề xuất này được tiến hành xa hơn, những loài động vật hoang dã nhỏ như chuột, bò sát, và loài lưỡng cư và môi trường sống của chúng có thể bị xáo trộn và phá hủy trong quá trình xây dựng ca-bin mới. Những vùng bị xáo trộn sẽ được trồng lại thực vật và phục hồi sau xây dựng, sau cùng sẽ dẫn đến một tác động tiêu cực nhỏ hoặc không đáng kể đối với động vật

hoang dã và môi trường sống của chúng ở vùng trực tiếp thi công. Trong khi xây dựng tiếng ồn cũng sẽ tăng lên, có thể làm ảnh hưởng đến các loài động vật hoang dã trong khu vực chung. Tiếng ồn do xây dựng gây ra sẽ là tạm thời, và điều kiện tiếng ồn vốn có sẽ được tái lập sau khi kết thúc xây dựng. Vì vậy, tiếng ồn tạm thời do xây dựng sẽ chỉ có ảnh hưởng tiêu cực nhỏ hoặc không đáng kể đối với các loài động vật hoang dã.

- Thảm thực vật

  Trong khu vực xây dựng, nơi đề xuất xây móng cho những ca-bin mới, thảm thực vật sẽ bị di chuyển, làm xáo trộn, và/hoặc thu hẹp lại. Bất kỳ xáo trộn nào, nếu phù hợp, sẽ bao gồm việc quây lại và phục hồi các cồn cát, trong đó bao gồm trồng lại những loại thực vật đã bị xáo trộn. Vì việc xây dựng đề xuất sẽ bao gồm xây dựng trên các cột nâng nhà, các xáo trộn đối với thực vật được tin là ở mức nhỏ hoặc không đáng kể. Thêm vào đó, một giám sát viên sẽ có mặt tại công trường để xác định bất kỳ loài thực vật hiếm được bảo tồn nào, ví dụ, cây rau sam biển hạt nhám (*Sesuvium trianthemoides*).

- Hoạt động phát hiện tổ tăng cường

  Yếu tố trong hợp phần dự án này chỉ có khả năng gây ảnh hưởng nhỏ đến động vật hoang dã và thảm thực vật ở vùng thực hiện hợp phần dự án. Nhân viên tuần tra sẽ không lái xe vào những vùng thực thật nhạy cảm hoặc đến gần những loài động vật nhạy cảm.

Tính chung, hai yếu tố này sẽ không gây ra nhiều hơn một tác động nhỏ đến tài nguyên đất, vì vậy hợp phần dự án đề xuất sẽ không gây ra tác động tiêu cực đến tài nguyên sống bờ biển và biển.

#### *13.2.5.4.2 Các loài được bảo vệ*

Các loài được bảo vệ và môi trường sống của chúng bao gồm những loài liệt kê trong EPA và môi trường sống trọng yếu được chỉ định, theo quy định của USFWS, NMFS hoặc cả hai. Các loài được bảo vệ và môi trường sống cũng bao gồm các loài động vật biển có vú được bảo vệ theo Đạo luật Bảo vệ Động vật biển có vú, môi trường sống chủ yếu của cá (EFH) được bảo vệ theo Đạo luật Bảo tồn và Quản lý Nghề cá Magnuson-Stevens, chim di cư bảo vệ theo Đạo luật Thỏa ước Chim di cư và đại bang được bảo vệ theo Đạo luật Bảo vệ Đại bàng Trọc đầu và Đại bàng Vàng. Hợp phần dự án bảo vệ tổ rùa Kemp's Ridley sẽ được thực hiện ở vùng nội địa cách đường bờ biển Vịnh (nghĩa là nước lớn) khoảng 200 feet, vì vậy không có động vật biển hoặc EFH theo mô tả trong Đạo luật Bảo tồn và Quản lý Nghề cá Magnuson-Stevens trong khu vực này. Chỉ những loài được bảo vệ (theo Đạo luật Bảo vệ Động vật Nguy cơ Tuyệt chủng và Đạo luật Thỏa ước Chim di cư) có khả năng bị tác động bởi hợp phần dự án đề xuất mới được thảo luận dưới đây.

***Môi trường bị ảnh hưởng***

*Các loài bị đe dọa và nguy cơ tuyệt chủng*

Rùa biển

Như đã mô tả trong phần 3.3.2.6 Bản chính thức ERP PEIS Giai đoạn III, có năm loài rùa biển được tìm thấy trong Vịnh Mexico, tất cả đều nằm trong danh sách của ESA. Cả năm loài này đều di cư nhiều với

phạm vi địa lý rộng lớn, bao gồm cả vùng bắc Vịnh Mexico và làm tổ tại những bờ biển nhiều cát với những điều kiện môi trường sống phù hợp. Trong Vùng vịnh Mexico, tổ của loài rùa Kemp's Ridley thường xuất hiện dọc khu vực bờ biển nam Texas và kéo dài xuống phía nam dọc theo bờ biển của Tamauipas, Mexico. Phần 13.2.1.2 của tài liệu này tóm tắt tình trạng của 5 loài rùa biển này tại Vịnh Mexico và thảo luận chi tiết hơn về năm loài rùa biển này cũng được trình bày trong Phụ lục A.5 của Bản chính thức ERP PEIS Giai đoạn III.

*Chim*

Sếu Mỹ, chim Sẻ biển, và Chim dẽ lưng nâu

Trong phạm vi của dự án, Sếu Mỹ *(Grus Americana)* trú đông tại cá đầm lầy ven biển ở Texas tại Aransas; trong khi loài Chim sẻ biển *(Charadrius melodus)* và Chim dẽ lưng nâu (*Calidris canutus rufa*) thì lại trú đông dọc khu vưc bãi biển của Vùng vịnh. Sếu Mỹ là loài được xếp danh mục có nguy cơ tuyệt chủng từ 1967 và hiện đang tồn tại trong tự nhiên tại 3 khu vực và được nuôi nhốt tại 12 khu trang trại. (http://ecos.fws.gov/speciesProfile/profile/speciesProfile?spcode=B003). Chỉ có một khu tự duy trì quần thể hoang dã, đó là Công viên quần thể hoang dã quốc gia Aransas-Wood Buffalo, nơi chim làm tổ trong Công viên quốc gia Wood Buffalo và các vùng lân cận thuộc Canada, và trú đông tại các đầm lầy ven biển tại Texas ở vùng Aransas. Tháng 7 năm 2010, tổng số quần thể hoang dã ước đạt 383 cá thể. Một lượng nhỏ cá thể nuôi nhốt, quần thể không di cư tai vùng trung tâm Florida, và một số ít, quần thể của các cá thể (từ năm 2001) di cư giữa Wilconsin và Florida. Môi trường sống chủ yếu của loài Sếu Mỹ được xác định năm 1978 và dọc theo Vịnh biển bao gồm vùng trú đông dưới đất tại Khu Trú ẩn động vật hoang dã quốc gia Aransas và vùng lân cận, bang Texas. Dưới đây là những môi trường tương đương PCEs cho môi trường sống mùa đông: những địa điểm cung cấp (1) thức ăn (côn trùng, tôm hùm, ếch nhái, cá nhỏ, và các động vật nhỏ khác, một số thực vật thủy sinh, và một số loài cây ngũ cốc tại những vùng đất trồng trọt giáp ranh) và những nguồn nước; (2) vùng trời trú đêm mở bao gồm cồn cát và các bãi sỏi, những khu vực sông hồ nước nông; (3) ít tương tác với con người vì " một người đi bộ có thể nhanh chóng làm sếu bay đi xa hơn một phần tư dặm" (USFWS 1978 a,b).

Vào ngày 10 tháng 1 năm 1986, loài Chim sẻ biển đã bị liệt vào danh sách có nguy cơ tuyệt chủng tại vùng đầu nguồn Great Lakes và là loài bị đe dọa tại những khu vực khác trong phạm vi của nó, bao gồm các tuyến đường di cư nằm ngoài khu vực đầu nguồn Hồ Lớn và những vùng đất trú đông (USFWS 1985). Chim sẻ biển là một loài chim biển di cư, chúng sinh sản từ vùng nam Nova Scotia đến Bắc Carolina và trú đông dọc theo vùng Vịnh biển từ Florida đến Mexico, dọc theo bờ biển Đại tây dương từ Florida đến vùng Bắc Carolina, thuộc khu vực Caribe. Chúng thường được tìm thấy trên các bãi biển nhiều cát, vùng ven hồ, các đụn cát, và thường là nơi cao hơn mực nước biển (USFWSS 1985).

Môi trường sống chủ yếu của Chim sẻ biển (các đơn vị TX 1-28) được tìm thấy dọc theo vùng bờ biển Texas nơi các cuộc điều tra phát hiện tổ có thể được thực hiện. Việc xây cabin hoặc bãi quây được đặt gần Môi trường Sống Chủ yếu Đơn vị TX-3: Đảo Padre, phân đơn vị 3.

Yếu tố cấu thành chính (PCEs) của môi trường sống cho loài Chim sẻ biển là: 1) các bãi triều phẳng với cát hay bãi bùn phẳng (hoặc cả hai) nơi không có hoặc có thảm thực vật thưa thớt. 2) Vùng cát, bùn hoặc thảm tảo phi thực vật lân cận hoặc thực vật thưa thớt nằm trên vùng thủy triều cũng rất quan

trọng, đặc biệt trong việc trú ẩn của loài Chim sẻ biển. Những khu vực này có thể có các mảnh vụn, vật trôi nổi hoặc phương tiện cứu hộ nhỏ (nằm cao hơn gần 50cm so với bề mặt) cung cấp nơi trú ấn trong những cơn gió lớn hoặc thời tiết lạnh. 3) Những hợp phần quan trọng của hệ sinh thái biển/đầm lầy bao gồm tảo lướt, thảm thực vật biển thưa thớt, các ruộng muối, các khu vực đá nhô hoặc chồm. 4) Các khu vực đá nhô chồm khá rộng lớn, các vùng phi thực vật, với rất ít hoặc không có công cụ cứu hộ, được hình thành và duy trì bởi hoạt động của các miệng núi lửa, sự dâng do bão và các đợt sóng mạnh khác.

Loài Chim dẽ lưng nâu được liệt vào danh sách cảnh báo năm 2014; tuy nhiên nơi cư trú chủ yếu của chúng chưa được đề cập hay xác định (USFWS 2014). Loài Chim dẽ lưng nâu là một loài chim biển di cư với tuyến di cư kèo dài từ Miền bắc Canada đến Nam Mỹ. Loài này sống trong khu vực trung tâm phía cao cực bắc thuộc Canada. Sự di cư xuống phía nam từ những nơi sinh sống phía cực bắc bắt đầu từ giữa tháng 7. Vùng vịnh bờ biển được coi như là vùng đất trú đông và là điểm dừng chân cho các cá thể di cư đến Nam Mỹ để trú đông. Loài Chim dẽ lưng nâu hiện được biết là thường trú đông tại 4 vùng bờ biển đăc trưng thuộc Tây Bán cầu; miền Đông Nam Hoa kỳ (chủ yếu là Florida và Georgia, với một số lượng ít hơn tại Nam Carolina); Vùng bờ biển Vịnh Mexico thuộc Texas, Maranhao thuộc phía bắc Brazil; và Tierra del Fuego (chủ yếu Bahia Lomas thuộc Chile và Bahia San Sebastian và Rio Grande thuộc Argentina với lượng cá thể nhỏ dần về phía bắc dọc theo bờ biển Patagonia). Những nơi cư trú của loài Chim dẽ lưng nâu đa dạng qua những vùng di cư khác nhau (USFWS 2014). Tại Hoa Kỳ, Chim dẽ lưng nâu được tìm thấy chủ yếu tại các khu vực cư trú cận triều, đặc biệt là gần các vịnh ven biển, cửa sông và các vịnh, hoặc dọc theo những bãi triều được tạo bởi gió[3]. Những nơi trú đông và môi trường sống di cư trong khu vực Hoa Kỳ được sử dụng để nghỉ ngơi và tìm thức ăn.

### Chim ưng Bắc Aplomado

Chim ưng vùng Bắc Aplomado (*Falco femoralis septentrionalis*) được liệt vào danh sách nguy cơ tuyệt chủng năm 1986. Loài chim ưng này được đưa trở lại khu thảo nguyên bờ biển dọc Vịnh Mexico trên vùng eo biển và bờ biển thấp thuộc Texas cũng như miền tây Texas. Loài này sinh sống từ Cameron đến Calhoun County vùng cực nam Vịnh bờ biển Texas; những cá thể chim ngoài khu vực này rất hiếm. Loài chim ưng bắc Aplomado là một trong ba phân loài của chim ưng Aplomado và là phân loài duy nhất của Hoa Kỳ. Không có khu cư trú chính thức nào được đề xuất hoặc xác định cho loài này.

### Chim di cư

Rất nhiều loài chim dành một phần hoặc cả đời cho việc di cư dọc theo Vịnh Mexico, cư trú ở nhiều môi trường sống trong những giai đoạn sống khác nhau. Những nhóm chủ yếu của các loài chim sống ở vùng bắc Vùng vịnh Mexico là chim nước và loài chim sống nhờ nước khác, chim biển, các loài có cánh, các loài chim nước thuộc địa, các loài chim đầm lầy, và loài chim tước. Những nhóm này được thảo luận tại chương 3 của Bản Chính thức PEIS Giai đoạn III.

Thêm nữa, các loài chim ven biển thường bị giới hạn theo đường bờ biển và đường nước trong đất liền ( ví dụ như bãi biển, đầm lầy, và các vùng đất ngập nước). Vịnh bờ biển chứa đựng một số nơi cư trú quan trọng nhất của chim biển tại khu vực Bắc Mỹ. Rất nhiều loài dừng chân nghỉ ngơi và kiếm thức ăn trong suốt thời gian bay di cư và trú đông tại các nơi cư trú gần biển dọc theo Bờ biển vùng Vịnh.

Bờ biển phía bắc Vịnh cung cấp nơi cư trú cho các loài chim thuộc địa hoặc các loài chim làm tổ trên bờ biển, là những loài sinh sản trên bãi biến, bãi bằng, đụn cát, các đường ngăn, bảo vệ đảo, và những nơi cư trú gần bờ tương tự. Các loài chim biển sinh sống dọc bờ biển Vịnh gồm có chim choi choi, chim săn hàu, chim biển lớn, chim mỏ cứng, và chim cà kheo. Dự án phát hiện và bảo vệ tổ rùa biển Kemp's ridley sẽ được thực hiện trong suốt mùa sinh sản của những loài này, trong giới hạn thời gian này trùng vớ mùa làm tổ của loài rùa biển Kemp's ridley.

***Hậu quả Đối với Môi trường***

*Không hành động*

Việc không hành động sẽ chỉ duy trì khung hoạt động phát hiện và bảo vệ tổ rùa biển Kemp's ridley như hiện tại, tuy nhiên sự hỗ trợ cho chương trình có thể thay đổi và mức độ nỗ lực có thể không được duy trì ổn định. Theo giải pháp Không hành động, những lợi ích về việc phục hồi loài rùa biển do những hành động được đề xuất mang lại sẽ không được diễn ra. Với những loài được bảo vệ khác, xây dựng những cabin sẽ không diễn ra và các hoạt động tìm kiếm tổ sẽ chỉ dừng lại giống như hiện tại, do vậy sẽ không có tác động mới nào xảy ra.

*Hành động được Đề xuất*

Những loài bị Đe dọa và có Nguy cơ Tuyệt chủng

Xem phần NPS EA, Phụ lục F, để xem phân tích chi tiết hơn của những tác động tiềm năng đối với những loài bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng từ việc xây dựng cabin.

- Xây dựng cabin và bãi quây (Các loài rùa biển và chim biển)
  Những cabin mới sẽ cung cấp rất nhiều lợi ích cho mỗi loại rùa biển có trong PAIS. Việc xây dựng lều và bãi quây được đặt ra từ ngày 19/01/2011, theo Quan điểm Sinh học được trình bày bởi Corpus Christi, Văn phòng Sở sinh thái Texas (Sở). Trong bản tư vấn, Sở được ủy quyền lấy mẫu rùa Kemp's ridley (3 trưởng thành và 3 tổ có trứng hoặc mới sinh), rùa quản đồng (1 trưởng thành và 1 tổ có trứng hoặc mới sinh), và ruà biển xanh (1 trưởng thành và 1 tổ có trứng hoặc mới sinh). Vào ngày 03/30/2015, Sở đưa ra một sự sửa đổi so với Quan điểm sinh học ngày 19/01/2011. Sự sửa đổi như sau: mở rộng thêm thời gian xây dựng cho dự án được đề xuất; xác xác nhận lại việc lấy mẫu của rùa Kemp's, rùa quản đồng và rùa biển xanh; xác nhận lại sự nhất trí rằng đồi mồi, rùa da, chim ưng bác Aplomado, và Chim sẻ biển gần như không bị ảnh hưởng xấu bởi việc xây dựng của dự án đề xuất; xác nhận lại việc không có nơi cư trú trọng yếu nào bị thay đổi theo hướng tiêu cực hoặc bị hủy hoại bởi việc xây dựng của dự án đề xuất bởi vì không có môi trường sống nào tồn tại; và nhất trí rằng dự án đề xuất có vẻ như không ảnh hưởng xấu đến loài Chim dẽ lưng nâu.

  Mặc dù các hoạt động xây dựng cabin và bãi quây được đề xuất không được xảy ra trực tiếp trong khu vực cư trú chủ yếu của loài Chim sẻ biển, CH Đơn vị TX-3 ở gần nơi việc xây dựng diễn ra. Các hành động của dự án sẽ được thực hiện để PCEs của khu vực đó sẽ không bị ảnh hưởng và Sở đồng ý rằng không có sự thay đổi bất lợi hoặc hủy hoại nào đến môi trường sống chính xảy ra.

Biện pháp bảo tồn loài rùa biển và loài Chim sẻ biển được nêu trong NPS EA, Quan điểm Sinh học, và tóm tắt lại dưới đây. Sự sửa đổi chỉ ra rằng biện pháp bảo tồn loài Chim sẻ biển sẽ tránh hoặc giảm thiểu tác động đến loài Chim dẽ lưng nâu. Bởi vì các yếu tố như cabin và bãi quây theo PAIS của hợp phần dự án được đề xuất có hiệu lực và đang hiện hành, sự tư vấn chỉ xảy ra nếu các hướng tái khởi động được nêu ra trong Quan điểm Sinh học xảy ra.

Các biện pháp giảm nhẹ (bảo tồn) cho việc xây dựng cabin được đề xuất để bù lại những ảnh hưởng tiêu cực là khá đơn giản, gồm những biện pháp nhằm chắc chắn rằng (1) giảm quãng đường di chuyển dọc bờ biển Vịnh, bằng biệc đặt một nhà du lịch di động hoặc dựng lều tại công trường, do vậy sẽ giảm được lượng cây số lái xe trên Vịnh bờ biển; (2) sử dụng những người giám sát bảo vệ rùa biển được đào tạo để dẫn đường cho bất kỳ xe tải lớn nào hoặc các phương tiện hạng nặng ngang qua Vùng vịnh bờ biển, (3) kiểm soát tiếng ồn và ánh sáng, các hoạt động xây dựng chỉ được thực hiện khoảng 30 phút trước bình minh và 30 phút sau trời tối; và (4) các vật liệu dự trữ phải được dọn dẹp liên tục, điều này cho phép các loài rùa biển làm tổ tự do không giới hạn tại Vùng vịnh bờ biển và vùng đầm lầy.

- Hoạt động phát hiện tổ tăng cường
  - Rùa biển: Yếu tố của hợp phần hành động đề xuất sẽ tạo ra ảnh hưởng từ nhỏ đến trung bình trong việc tạo tác động có lợi cho việc định cư cho loài rùa biển Kemp’s ridley, cũng như tất cả 5 loài rùa biển làm tổ ở khu Đường Bờ biển Quốc gia. Phần này của dự án sẽ bao gồm: Xử lý loài rùa biển, thu thập dữ liệu, và phóng sinh rùa biển Kemp’s ridley trưởng thành; tập hợp, vận chuyển, và ấp trứng loài rùa Kemp’s ridley; và thả các cá thể rủa biển Kemp’s ridley sơ sinh.

    Các công nhân sẽ làm theo những quy trình có sẵn và sẽ sử dụng quyền hạn hiện có để xử lý rùa biển trong hợp phần dự án này. Sự di chuyển và chăm sóc đối với trứng của rùa biển Kemp’s và các loài rùa biển khác và rùa sơ sinh được coi là “bắt” có mục đích theo ESA. Theo đó, chương trình hiện tại vừa được soát xét và được ủy quyền trong phần 10(a)(1)(A) của ESA thông qua Giấy phép với các mục đích, Tăng cường nhân giống hoặc sống sót. Dự án đề xuất sẽ tăng cường chương trình hiện tại bằng việc cung cấp thêm tăng cường nhân viên cho việc thực hiện đào tạo và các hoạt động giáo dục, cung cấp công cụ mới (bao gồm các phương tiện) và cung cấp thêm để thay thế những công cụ cũ hoặc không phù hợp và nguồn cung. Tăng thêm nhân viên, công cụ và nguồn cung cấp và cấp vốn cho Vườn thú Gladys Porter hứa hẹn sẽ tăng lượng tổ chim được tìm thấy, lượng trứng vận chuyển và nở con thành công. Vì sự tăng lên trong việc bắt và xử lý lượng trứng (ví dụ. tăng lượng “lấy mẫu”) là dự kiến do dự án đề xuất, chúng ta không dự đoán rằng mẫu được ủy quyền lấy của Chương trình hiện tại sẽ bị vượt quá. Tuy nhiên, nếu cần thiết, Phần 10(a)(1)(A) có thể cho phép được sửa đổi thông qua quy trình tiêu chuẩn USFWS để tăng lượng “lấy mẫu” được ủy quyền để cho phép việc xử lý và lấy lượng trứng và tổ tăng lên.

  - Sếu Mỹ, Chim sẻ biển và Chim dẽ lưng nâu: Sự tìm kiếm tổ rùa biển có thể diễn ra tại khu vực cư trú chủ yếu của loài Chim sẻ biển và Sếu Mỹ. Không có nơi cư trú chủ yếu nào được hình thành cho Chim dẽ lưng nâu. Trong điều kiện cho phép, “Tất cả các phương pháp và

hoạt động tìm kiếm và phân bổ lại tổ rùa biển phải được phối hợp và được thông qua bởi USFWS..” Nếu cần thiết, USFWS sẽ cung cấp những phương pháp loại trừ và giảm thiểu cho những nơi cư trú trọng yếu trong suốt quá trình phối hợp để đảm bảo không có nơi cu trú trọng yếu nào bị thay đổi hoặc hủy hoại tiêu cực bởi phần dự án đề xuất.

Loài Sếu Mỹ sẽ không xuất hiện trong suốt các hoạt động tìm kiếm tổ vì chúng không thường xuyên sử dụng bãi biển trước là nơi cư trú nơi mà cuộc điều tra sẽ diễn ra. Hơn nữa, Sếu Mỹ thường rời vùng Aransas NWR thời điểm tháng 7 và thường không có mặt tại Vùng vinh bờ biển trong suốt khoảng thời gian các hoạt động tìm kiếm tổ diễn ra. Chim dẽ lưng nâu và Chim sẻ biển cũng không xuất hiện trong suốt thời gian hoạt động của việc tìm kiếm tổ vì chúng thường di cư hoặc làm tổ đến vùng đất sinh sản của chúng trong khoảng tháng 4 đến giữa tháng 7. Nếu có xuất hiện, các cá thể của loài này sẽ đi kiếm ăn và nghỉ ngơi. Nếu bất kỳ cá thể Sếu Mỹ, Chim sẻ biển hay Dẻ lưng nâu vẫn xuất hiện tại khu vực này, nhân viên sẽ tránh chúng đến chừng nào chúng rời khỏi khu vực một cách tự nguyện. Nếu xảy ra, chỉ những ảnh hưởng không đáng kể xảy ra với những loài này trong lúc kiếm ăn hoặc nghỉ ngơi vì sự quấy rầy của các phương tiện trong lúc di chuyển trên bãi biển. Sự quấy rầy sẽ được giảm thiểu bởi vì những người tham gia trong chương trình tìm kiếm tổ rùa sẽ lái xe rất cẩn thận để tránh các loài chim, rùa biển, và các loài động vật hoang dã khác trên bờ biển.

Chim di cư

Ảnh hưởng của cả hai yếu tố trên của hợp phần dự án đề xuất, xây dựng cabin và bãi quây và các hoạt động tìm kiếm tổ được tập hợp lại ở đây để thuận tiện cho việc đọc vì những tác động tiềm năng về cơ bản giống nhau hoặc không áp dụng cho một trong các yếu tố.

Các hoạt động sẽ tuân thủ các quy trình tiêu chuẩn để tránh việc bắt các loài chim di cư. Vị trí của lều và bãi quây sẽ được đặt tại những khu vực lộn xộn trong công viên như là những khu vực làm tổ đã biết đến và khu vực kiếm ăn trọng điểm và những vùng cư trú sẽ được tránh. Vùng lân cận các loài chim kiếm mồi và cư trú sẽ làm trung gian những khu vực của riêng chúng (ví dụ. di chuyển đến những nơi cư trú phù hợp trong một hành vi ứng xử thường ngày) với tiếng ồn xây dựng và việ sử dụng những chiếc lều và bãi quây cho những hành động phục hồi của rùa biển. Những người tham gia trong chương trình tìm kiếm tổ lái xe cẩn thận để tránh các loài chim, rùa biển, và các loài động vật hoang dã khác trên bãi biển và không xâm phạm các cá thể chim làm tổ. Các loài chim kiếm mồi và cư trú sẽ tự xoay sở trong khu vực của riêng chúng (ví dụ. di chuyển đến những nơi cư trú phù hợp trong một hành vi ứng xử thường ngày) với con người và phương tiện xuất hiện. Ảnh hưởng cho các loài chim di cư sẽ chỉ mang tính tạm thời và nhỏ.

Tính chung, hợp phần dự án có thể gây tác động nhỏ, tạm thời đến một số loài được bảo vệ như Chim sẻ biển, và Chim dẽ lưng nâu. Phần dự án đề xuất sẽ nâng khả năng của nhân viên để phát hiện và sắp đặt lại tổ của rùa Kemp’s ridley, ủ và ấp trứng nở, và thả trở lại chúng tại Vùng vịnh Mexico. Điều này sẽ tăng khả năng phát triển đến trưởng thành và đóng góp phần vào khả năng di truyền trong những năm sinh sản trong tương lai. Lợi ích lâu dài ở mức trung bình có thể được chờ đợi vì có thế hệ tương lai của nguồn tài nguyên sinh vật biển (ví dụ. rùa biển) và sự tăng trưởng về số lượng sẽ xuất hiện nhờ vào việc

tăng tỉ lệ sống của cá thể vừa nở và tỉ lệ sinh sản thành công của những cá thể trưởng thành. Việc thực hiện dự án dựa trên sự nâng cấp của những chương trình có sẵn đã được thực hiện tốt tại Vùng vịnh Mexico.

Hợp phần dự án này được kỳ vọng sẽ không tác động tới các loài được bảo vệ khác như động vật biển có vú và động vật trên cạn có vú do con người sẽ làm việc trên bờ và chỉ xoay quanh loài rùa biển Kemp's Ridley; tuy nhiên, có thể có một số xáo trộn nhỏ với đời sống của các loài rùa khác, các loài chim làm tổ trên bờ biển hoặc môi trường sống chính của loài chim sẻ biển và chim dẽ lưng nâu.

Công tác tham khảo ý kiến và xin phép USFWS theo ESA đã được hoàn thành cho hợp phần dự án này. Những kiến nghị phù hợp đã được cân nhắc trong đề xuất dự án.

#### *13.2.5.5 Con người  và Kinh tế-Xã hội*

Ngoài ý nghĩa sinh thái của tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng của môi trường sống tại nơi đây, hệ sinh thái vùng Vịnh Mexico cũng có vai trò quan trọng về mặt văn hóa và kinh tế-xã hội đối với người dân vùng bờ Vịnh và Mỹ. Phần này trình bày các nội dung về tài nguyên văn hóa, công tác quản lý đất đai và biển, tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật, du lịch và giải trí, cơ sở hạ tầng, các quan ngại về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới dự án Khôi phục sớm.

##### *13.2.5.5.1 Tài nguyên văn hóa*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Như đã trình bày trong Chương 3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIBản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, tài nguyên văn hóa bao gồm các tài sản truyền thống, khảo cổ và được xây dựng. Tài nguyên này có thể gồm các tài sản lịch sử trong cộng đồng ven bờ hoặc tài nguyên xa bờ như tàu đắm, các địa điểm, công trình hoặc khu khảo cổ. Các địa điểm được đề xuất cho hai cabin tuần tra rùa biển mới đã được một nhà khảo cổ của NPS điều tra vào ngày 8/4/2010 và không phát hiện thấy có địa điểm khảo cổ nào ở vùng lân cận dự án. Bên cạnh đó, Bãi biển Quốc gia đã hỏi ý kiến văn phòng bảo tồn lịch sử bang (SHPO) của công viên, Ủy ban Lịch sử Texas (THC) để thống nhất với các phát hiện phủ nhận của công viên trong điều tra khảo cổ của NPS, có trình bày trong NPS EA (THC 2010 trích dẫn trong NPS 2011).

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Theo phương án Không hành động, sẽ không có tác động tiêu cực với các tài nguyên văn hóa trong khu vực dự án. Do sẽ không tiến hành xây dựng cabin và các hoạt động ảnh hưởng tới đất khác và hoạt động tìm kiếm tổ sẽ vẫn sẽ được tiến hành như hiện nay, vậy nên sẽ không có tác động mới.

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  NPS EA đã kết luận rằng dự kiến sẽ không có tác động tiêu cực với tài nguyên văn hóa từ nội dung này trong hợp phần hành động được đề xuất. NPS EA nêu rõ "Trong khi các khu vực của dự

án được đề xuất được kỳ vọng không có bất kỳ trầm tích khảo cổ nào, vẫn cần tiến hành các bước đi phù hợp để bảo vệ mọi tài nguyên khảo cổ vô tình phát hiện được trong khi xây dựng. Do dự án sẽ không tác động tới các địa điểm khảo cổ đã xác định, ảnh hưởng của dự án tới tài nguyên khảo cổ được xem như không đáng kể. Ngoài ra, những ảnh hưởng tiêu cực như vậy sẽ không gây ra bất kỳ tác động không chấp nhận được nào; các hành động được đề xuất nhất quán với §1.4.7.1 của *Chính sách Quản lý* năm 2006 của NPS."

Do các ảnh hưởng chỉ ở mức độ nhỏ hoặc không đáng kể và không gây ra bất kỳ tác động không chấp nhận được nào, vấn đề này không cần được phân tích thêm trong NPS EA. NPS EA có các quy định về các phát hiện vô tình và nêu rõ "Trong trường hợp hãn hữu khi phát hiện di cốt con người trong khi xây dựng, các quy định nêu trong Đạo luật hồi hương và bảo vệ mộ phần của các thổ dân da đỏ Mỹ (1990) sẽ phải được tuân thủ. Nếu trong khi xây dựng mà phát hiện ra tài nguyên văn hóa chưa được phát hiện trước đó thì cần phải dừng công việc ở nơi có phát hiện và Bãi biển Quốc gia sẽ phải hỏi ý kiến văn phòng bảo tồn lịch sử bang và Hội đồng Tư vấn Bảo tồn Lịch sử, nếu cần, theo §36 CFR 800.13, *Phát hiện sau thẩm định*."

Cục Công viên Quốc gia sẽ đảm bảo rằng tất cả nhà thầu và nhà thầu phụ đều được thông báo về các hình phạt đối với việc thu thập trái phép đồ tạo tác hoặc cố ý làm hỏng các tài liệu cổ sinh học, địa điểm khảo cổ hoặc công trình lịch sử. Nhà thầu và nhà thầu phụ cũng sẽ được hướng dẫn về những thủ tục cần tuân thủ trong trường hợp khi đang xây dựng mà phát hiện ra tài nguyên cổ sinh học hoặc khảo cổ chưa được xác định trước đó.

- Hoạt động tìm kiếm tổ tăng cường
  Do các hoạt động tìm kiếm tổ chỉ liên quan tới việc lái UTV và các loại phương tiện khác trong khu vực không hạn chế ra vào với những loại xe này, nội dung hoạt động tìm kiếm tổ của hợp phần hành động được đề xuất sẽ không có tác động tiêu cực tới tài nguyên văn hóa.

Kết hợp lại, hai nội dung này sẽ không có tác động tiêu cực tới tài nguyên văn hóa. Đạo luật bảo tồn lịch sử quốc gia 1966 (NHPA) quy định chính quyền liên bang có nghĩa vụ bảo vệ di sản và tài nguyên văn hóa của quốc gia. Việc thẩm định hoàn chỉnh dự án này theo Mục 106 của NHPA sẽ phải được hoàn thành trước khi triển khai hợp phần dự án được đề xuất này. Dự án này sẽ được triển khai theo đúng tất cả điều luật và quy định áp dụng liên quan tới việc bảo vệ các tài nguyên văn hóa và lịch sử.

#### *13.2.5.5.2 Quản lý đất đai và biển*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Nhiều khu vực đất và biển có thể được dành riêng cho các mục đích nghỉ ngơi du lịch chủ động và thụ động khác nhau. Đất có thể được quản lý nhằm mục đích bảo vệ, bảo tồn cuộc sống hoang dã và môi trường sống và/hoặc gìn giữ các giá trị cảnh quan, văn hóa và lịch sử. Công tác quản lý đất đai có thể được tiến hành ở cấp liên bang, bang hoặc địa phương bởi nhiều tổ chức tư nhân. Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIBản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, Hình 13-12, cung cấp một bản đồ diện tích đất công ở các bang ven biển vùng Vịnh Mexico, gồm cả bang Texas.

Theo Đạo luật quản lý khu vực ven biển năm 1972, trong chừng mực tối đa có thể, các hoạt động của liên bang phải nhất quán với các chương trình quản lý ven biển được liên bang phê chuẩn ở những bang nơi hoạt động đó sẽ ảnh hưởng tới việc sử dụng bờ biển hoặc tài nguyên ven biển. Ủy viên Liên bang đang đệ trình quyết định về tính nhất quán để bang xem xét trong quá trình thẩm định công khai tài liệu này.

### *Hậu quả môi trường*

*Không hành động*

Theo phương án Không hành động, các lợi ích đối với công tác quản lý sử dụng đất do hành động đề xuất mang lại sẽ không được hiện thực hóa. Phương án Không hành động sẽ có một ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp, ở mức độ nhỏ đến vừa phải, tới công tác điều hành công viên tại PAIS. Do sẽ vẫn sử dụng cabin tuần tra rùa biển hiện nay nên không cần mở rộng cơ sở để bố trí nơi ở qua đêm cho số nhân viên tăng thêm. Các tuần tra viên ở vùng hoang sơ sẽ tiếp tục làm việc bên ngoài cabin tuần tra hiện nay, nằm ở khoảng vị trí dặm 39 (Km 63) của công viên. Nơi này không có khả năng theo dõi tổ rùa biển một cách hiệu quả do có điểm bắt đầu và kết thúc của công tác khảo sát hàng ngày ở vị trí không tối ưu, kết quả là mất thời gian, tốn chi phí nhiên liệu và bảo dưỡng không cần thiết và tăng thải cacbon.

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Mục 6.4.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIInêu rõ những loại dự án này sẽ có tác động khác nhau tới công tác quản lý đất đai và biển tùy vào loại hình quản lý hoặc sở hữu đất đai áp dụng cho địa điểm dự án. Hầu hết trong số các dự án sẽ được triển khai này sẽ không có tác động tới công tác quản lý đất đai và biển do các dự án đó nói chung sẽ nhất quán với kế hoạch và định hướng quản lý điều chỉnh việc sử dụng khu vực đất và biển nơi sẽ diễn ra dự án.

  Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III cũng nêu rằng dự án được triển khai tại các công viên, khu trú ẩn hoang dã và khu vực quản lý động vật hoang dã cấp quốc gia, bang và địa phương có thể có tác động tiêu cực ngắn hạn ở mức nhỏ đến vừa phải tới công tác quản lý đất đai và biển. Những tác động này sẽ mang tính tạm thời và xảy ra nếu các hoạt động như tạo lập hoặc khôi phục đầm lầy, tái nuôi bãi, bố trí khống chế xói lở và bảo vệ đường bờ biển, hoặc các dự án yêu cầu thực hiện hoạt động xây dựng khác dẫn đến việc khép kín một phần hoăc toàn bộ khu vực này trong khi xây dựng. Các tác động có thể bao gồm gián đoạn hoạt động của công viên, tạm cho nhân viên của công viên nghỉ việc, phân công nhân viên làm các nhiệm vụ không thường gắn với công việc của họ, gián đoạn các chương trình diễn dịch và các tác động tương tự. Về dài hạn, những dự án được triển khai thuộc loại dự án “Khôi phục và Bảo vệ Rùa Biển” sẽ có tác động tích cực tới công tác quản lý đất đai và biển tại các công viên, khu trú ẩn hoang dã và khu vực quản lý động vật hoang dã do những hoạt động khôi phục này sẽ giúp ban quản lý và nhân viên của công viên hoàn thành nghĩa vụ của họ là bảo vệ những tài sản này vì lợi ích của môi trường và sự hưởng thụ của con người.

- Hoạt động tìm kiếm tổ tăng cường
  Nội dung này trong hợp phần dự án được đề xuất sẽ đem lại tác động có lợi tới công tác quản lý đất đai bằng cách giúp các nhà quản lý và nhân viên hoàn thành mục đích bảo vệ rùa biển.

Kết hợp lại, hai nội dung này sẽ không có tác động tiêu cực tới công tác quản lý đất đai mà sẽ tăng cường nó thông qua hoạt động bảo vệ rùa biển.

Cả việc xây dựng cabin và bãi quây cũng như các hoạt động tìm kiếm tổ đều sẽ diễn ra trong vùng ven biển của Texas. Theo Đạo luật quản lý khu vực ven biển năm 1972, trong chừng mực tối đa có thể, các hoạt động của liên bang phải nhất quán với các chương trình quản lý ven biển được liên bang phê chuẩn ở những bang nơi hoạt động đó sẽ ảnh hưởng tới việc sử dụng bờ biển hoặc tài nguyên ven biển. Ủy viên Liên bang đang đệ trình quyết định về tính nhất quán để bang xem xét trong quá trình thẩm định công khai tài liệu này.

#### *13.2.5.5.3 Tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

NPS EA nêu rõ "Theo *Chính sách Quản lý* năm 2006, sự hưởng thụ các tài nguyên và giá trị của công viên bởi con người là một phần trong mục đích cơ bản của tất cả cơ sở công viên" (NPS 2006). Cục Công viên Quốc gia cam kết tạo điều kiện phù hợp và có chất lượng cao để du khách có thể thưởng ngoạn công viên, và sẽ gìn giữ trong công viên một bầu không khí cởi mở, thu hút và dành cho mọi thành phần trong xã hội. Ngoài ra, Cục Công viên Quốc gia sẽ tạo điều kiện cho các hình thức hưởng thụ có một không hai và phù hợp với những tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bậc nhất được tìm thấy trong công viên. *Chính sách Quản lý* năm 2006 của NPS cũng nêu rõ ràng rằng thắng cảnh và tài nguyên cảnh vật là những tài sản được đánh giá cao gắn với những đặc trưng mà Cục Công viên Quốc gia nỗ lực bảo vệ (NPS 2006).

Trong NPS EA cũng có nêu "Hoạt động chính của du khách là giải trí trên bãi biển, gồm những hoạt động như dạo chơi trên bãi biển, câu cá, ngắm chim, thư giãn và lướt ván buồm; tuy nhiên, do rất khó trong việc tiếp cận nên chỉ một phần nhỏ trong số hơn 600.000 du khách hàng năm của Bãi biển Quốc gia có đến bãi biển hoang sơ của công viên, nằm dọc vùng Vịnh Mexico ở phía cực nam của công viên."

Tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật ở khu vực hợp phần dự án còn lại rất giống với tài nguyên trong PAIS.

Cabin tuần tra sẽ nằm gần các điểm mốc dặm 30 (Km 48) và dặm 50 (Km 80), đây là những khu vực thường có du khách đến bãi biển hoang sơ đảo trũng của chúng tôi. Cabin tuần tra rùa sẽ được bố trí thụt sau dãy cồn cát và du khách chỉ có thể thấy được khi băng qua trực tiếp phía trước công trình. Do dự án được đề xuất sẽ tái lập lại cảnh vật của khu vực ở hai nơi được đề xuất trên bãi biển nên chủ đề sử dụng và trải nghiệm bởi du khách đã được thực hiện phân tích thêm (NPS 2011).

### *Hậu quả môi trường*

*Không hành động*

Theo phương án Không hành động, sẽ không có thêm tác động nào tới tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật trong khu vực dự án. Do sẽ không tiến hành xây dựng cabin nên sẽ không có công trình nào nằm trên bãi biển. Hoạt động tìm kiếm tổ hiện nay không có tác động tới tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật do việc sử dụng UTV và các phương tiện khác trong khu vực diễn ra phổ biến.

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Mặc dù dự án này phù hợp với Loại Dự án "Khôi phục và Bảo vệ Rùa Biển" trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIBản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, tác động từ việc xây dựng cơ sở mới được trình bày rõ hơn theo phân loại dự án "Cải thiện sự tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên cho mục đích giải trí qua việc xây dựng hoặc tăng cường cơ sở hạ tầng", trong đó có mô tả tác động của hạ tầng xây dựng, ví dụ: "tăng cường hoặc xây dựng hạ tầng (ví dụ: cầu hạ thủy tàu, bến, lối đi lát ván, lối đi qua cồn cát, điểm cắm trại hoặc nơi tạm trú khác)."

  Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIInêu rõ loại dự án này "sẽ có tác động tiêu cực ngắn hạn ở mức nhỏ đến vừa phải do cảnh quan tạm thời trong giai đoạn xây dựng, sự hiện diện của xe ủi, xe xúc lật và các thiết bị vận chuyển lượng đất lớn khác cần thiết cho công tác nâng cấp hoặc cơ sở mới." Những tác động này sẽ làm thay đổi tầm nhìn một cách rõ rệt và thu hút sự chú ý trong ngắn hạn. Dù những thay đổi như vậy sẽ không chi phối phong cảnh, chúng có thể khiến các hoạt động hoặc trải nghiệm người dùng hiện tại bị giảm bớt. Trong dài hạn, việc bổ sung hạ tầng và cơ sở vào bối cảnh hiện nay sẽ tạo ra sự tương phản thị giác ở một mức độ nhất định. Ảnh hưởng tiêu cực dài hạn của những hạng mục tăng cường này sẽ dao động từ nhỏ đến vừa phải, tùy vào đặc trưng thẩm mỹ hiện hữu của cảnh quan xung quanh. Nếu việc bổ sung những hạng mục tăng cường cơ sở này vào bối cảnh hiện tại tạo ra sự tương phản thị giác ở một mức độ lớn, vậy thì tác động sẽ ở mức vừa phải bởi chúng sẽ "khiến các hoạt động hoặc trải nghiệm người dùng hiện tại bị giảm bớt."

  Cabin tuần tra sẽ nằm gần các điểm mốc dặm 30 (Km 48) và dặm 50 (Km 80), đây là những khu vực thường có du khách đến bãi biển hoang sơ đảo trũng của chúng tôi. Cabin tuần tra rùa sẽ được bố trí thụt sau dãy cồn cát và du khách chỉ có thể thấy được khi băng qua trực tiếp phía trước công trình. Dự án được đề xuất sẽ tái lập cảnh quan của khu vực ở hai địa điểm đề xuất trên bãi biển.

  NPS EA kết luận rằng sẽ có ảnh hưởng tiêu cực nhỏ, trực tiếp do những thay đổi về tầm nhìn. Tác động tới tầm nhìn này được kỳ vọng sẽ xảy ra trong dài hạn, suốt thời gian cabin có mặt.

- Hoạt động tìm kiếm tổ được tăng cường

Nội dung này của hợp phần dự án được đề xuất sẽ không có ảnh hưởng tới tầm nhìn hay tính thẩm mỹ của khu vực dự án do sẽ chỉ diễn ra công tác tuần tra tăng cường.

Kết hợp lại, tác động do những nội dung này của dự án đề xuất sẽ giống như nội dung xây dựng cabin và bãi quây.

#### *13.2.5.5.4 Du lịch và giải trí*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

Nhiều cơ hội du lịch và giải trí được tập trung ở hoặc quanh vùng phía bắc Vịnh Mexico nên phải phụ thuộc vào một hệ sinh thái vùng Vịnh sạch, có lợi cho sức khỏe. Theo nghĩa rộng, giải trí ngoài trời là bất kỳ hoạt động thư giãn nào được tiến hành ngoài trời nhằm mục đích giải trí hoặc thể thao, bao gồm các hoạt động từ cắm trại hoang dã cho đến xem trình diễn ngoài trời. Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIBản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, Mục 3.4, có mô tả các ví dụ về hoạt động hướng giải trí trong vùng, gồm có theo dõi đời sống hoang dã trên bờ và xa bờ, đi săn, hoạt động trên bãi biển và bờ biển, đi thuyền và câu cá giải trí.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Theo phương án Không hành động, sẽ không có tác động tới hoạt động du lịch và giải trí. Do không tiến hành xây dựng cabin và hoạt động tìm kiếm tổ sẽ vẫn sẽ được tiến hành như hiện nay nên sẽ không có tác động mới.

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Có thể xảy ra các tác động tiêu cực nhỏ, ngắn hạn tới hoạt động du lịch và giải trí trong giai đoạn xây dựng cabin. Các hoạt động xây dựng sẽ được lên lịch nhằm giảm thiểu tác động do xây dựng tới du khách. Du khách sẽ có thể tiếp cận những khu vực không có hoạt động xây dựng trong phạm vi có thể miễn là đảm bảo an toàn. Nhân viên và công nhân xây dựng sẽ phải đỗ xe của mình trên bãi biển, cách xa luồng giao thông đi đến bãi biển để đảm bảo có đủ lưu lượng và đường vào Bãi biển Quốc gia cho du khách.

- Hoạt động tìm kiếm tổ được tăng cường
  Nội dung này của hợp phần hành động được đề xuất sẽ không có tác động tới du lịch và giải trí do sẽ chỉ diễn ra hoạt động tuần tra tăng cường chứ không xây dựng hạ tầng mới trên bãi biển.

Kết hợp lại, những tác động này sẽ giống như trong trường hợp chỉ xây dựng cabin.

#### *13.2.5.5.5 Cơ sở hạ tầng*

***Môi trường bị ảnh hưởng***

Hành động đề xuất này sẽ khôi phục hai cabin ban đầu của chương trình rùa biển vốn bị phá hủy bởi Cơn bão Bret vào năm 1999 và đáp ứng nhu cầu nảy sinh sau sự thành công của Chương trình bảo vệ và khôi phục loài rùa (NPS EA Phụ lục F, trang 22).

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Theo phương án Không hành động, hai cabin tuần tra rùa biển mới và các bãi quây sẽ không được xây dựng. Cabin tuần tra rùa biển hiện nằm tại mốc dặm 39 (Km 63) của công viên sẽ tiếp tục cung cấp nơi ở qua đêm và chức năng hỗ trợ khác cho các kỹ thuật viên sinh học. Cabin hiện tại với sức chứa sáu người sẽ giữ nguyên hiện trạng và Ban Khoa học và Khôi phục Rùa biển PAIS sẽ không mở rộng hoạt động tuần tra ở khu vực hoang sơ của mình. Các cơ sở hoạt động sẽ không bị điều chuyển và hiệu suất cũng như mức độ an toàn của chương trình hồi phục rùa biển sẽ không được cải thiện. Sở Công viên Quốc gia sẽ đáp ứng các nhu cầu và điều kiện sau này của chương trình hồi phục rùa biển giống như hiện nay, không có hành động hay thay đổi đáng kể nào so với hướng hành động hiện tại (NPS EA Phụ lục F, trang 22).

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Hai cabin tuần tra rùa biển mới và các bãi quây sẽ được xây dựng để tăng cường hạ tầng cho hoạt động tìm kiếm và nâng cao tổ rùa biển, đồng thời mang đến lợi ích cho chương trình tìm kiếm tổ rùa biển của NPS.

- Hoạt động tìm kiếm tổ được tăng cường
  Sẽ không có tác động tới hạ tầng từ nội dung này của hợp phần hành động được đề xuất do sẽ chỉ có tăng cường tuần tra mà không xây dựng cơ sở hạ tầng mới.

Kết hợp lại, hai nội dung này sẽ không có tác động tiêu cực tới hạ tầng và có một hiệu ứng tích cực nhỏ qua việc xây dựng các cabin và bãi quây an toàn nằm ở vị trí chiến lược.

#### *13.2.5.5.6 Sức khỏe và an toàn cộng đồng*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Các vấn đề về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới công tác xây dựng dự án trong ngắn hạn và hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong dài hạn.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Như ban cố vấn của NPS đã xác định, việc tuần tra vùng biển hoang sơ để tìm rùa biển gây rủi ro cho tuần tra viên rùa biển. Tai nạn xảy ra khi lái xe ở vùng cát sâu và địa hình không bằng phẳng trên bãi biển

vùng Vịnh tại Bãi biển Quốc gia. Cái nóng và mỏi mệt là các yếu tố gắn liền với công việc vào những tháng hè ở miền nam Texas, bên cạnh đó là các vấn đề liên quan tới biên giới và hành động tội phạm cũng đều là những mối đe dọa đối với tuần tra viên rùa biển ở vùng hoang sơ. Theo phương án Không hành động, cabin tuần tra hiện nay sẽ tiếp tục cung cấp chỗ ở và nơi tránh nạn trước biến cố nguy hiểm; tuy nhiên, nơi này sẽ được cách ly với địa điểm hiện nay của cabin. Đồng thời, điều này có thể có một ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp, ở mức nhỏ đến vừa phải tới nhân viên và hoạt động.

*Hành động được đề xuất*

- Xây dựng cabin và bãi quây
  Dự án đề xuất sẽ được tiến hành theo tất cả quy định và pháp luật về nghề nghiệp áp dụng (OSHA) để đảm bảo sự an toàn của tất cả công nhân và bảo vệ các thành viên của cộng đồng. Các khu xây dựng sẽ được nhận biết và quây bằng băng thi công, hàng rào vải hoặc một vật liệu tương tự trước khi tiến hành hoạt động xây dựng. Rào quây sẽ xác định khu xây dựng và giới hạn hoạt động trong khu vực tối thiểu cần thiết cho hoạt động thi công. Tất cả biện pháp bảo hộ sẽ phải được trình bày rõ ràng trong tiêu chuẩn kỹ thuật thi công và công nhân sẽ được chỉ đạo tránh thực hiện hoạt động ngoài khu xây dựng được xác định bởi rào quây khu xây dựng.
- Hoạt động tìm kiếm tổ tăng cường
  Nội dung này của hợp phần dự án được đề xuất sẽ đảm bảo rằng các biện pháp an toàn được tuân thủ khi tiến hành tuần tra trên bãi biển và di chuyển tổ của loài rùa Kemp's ridley để ấp trứng. Hành động được đề xuất sẽ không tạo ra rác thải nguy hiểm. Trong trường hợp xả dầu hoặc thải chất có hại, sự việc sẽ được báo cáo lên Trung tâm Ứng phó Quốc gia (800-424-8802) và cơ quan bang có liên quan nếu cần. Các BMP theo yêu cầu của Cơ quan Quản lý An Toàn và Sức Khỏe Lao Động, bang và địa phương sẽ được cân nhắc trong tất cả hoạt động. Bắt buộc phải có thiết bị bảo hộ cá nhân để vận chuyển rùa biển đúng cách. Hợp phần dự án sẽ không ảnh hưởng tới sức khỏe và an toàn cộng đồng ở vùng Vịnh Mexico.

Kết hợp lại, hai nội dung này có thể có tác động tiêu cực nhỏ trong ngắn hạn tới an toàn công cộng trong giai đoạn xây dựng cabin. Tuy nhiên, các biện pháp an toàn sẽ được triển khai để bảo vệ công nhân và cộng đồng. Nhân viên sẽ được chỉ đạo tuân thủ các biện pháp an toàn phù hợp trong khi tuần tra trên bãi biển, đặc biệt là khi vận hành xe UTV. Trong dài hạn thì sẽ có tác động tích cực ở mức nhỏ đến vừa phải nhờ việc xây dựng cabin, thể hiện ở việc cung cấp chỗ ở và nơi trú ẩn an toàn cho tuần tra viên.

### 13.2.6 Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển và Phát triển Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển

Địa điểm, phạm vi, việc vận hành và bảo dưỡng, cũng như môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả môi trường đối với hợp phần dự án Tăng cường STSSN và Xây dựng Chương trình Ứng phó Khẩn cấp sẽ được trình bày trong các phần sau.

Có thể cần phải thực hiện công tác tham vấn và thẩm định môi trường theo Đạo luật các loài nguy cấp, Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens, Đạo luật bảo vệ động vật biển có vú , Đạo luật bảo vệ đại bàng trắng và vàng, Đạo luật về hiệp ước chim di cư, Đạo luật bảo tồn lịch sử quốc gia, và Đạo luật quản lý vùng ven biển đối với hợp phần dự án này.

#### *13.2.6.1 Địa điểm của hợp phần dự án*

Hợp phần dự án đề xuất sẽ được triển khai tại Vịnh Mexico trên đất liền và ở vùng nước ven biển gần bờ thuộc năm bang là Texas, Louisiana, Mississippi, Alabama và Florida.

#### *13.2.6.2 Phạm vi của hợp phần dự án*

Hợp phần dự án này sẽ bao gồm 1) Tăng cường STSSN ở Vịnh Mexico của NOAA vượt năng lực hiện nay trong 10 năm, 2) Tăng cường STSSN ở khu vực Texas của Ủy viên Texas vượt năng lực hiện nay trong 10 năm, và 3) Thành lập một Chương trình Ứng phó Khẩn cấp vì Rùa biển chính thức trong khu vực Vịnh Mexico của NOAA. Hợp phần dự án này có mục đích nhằm cải thiện năng lực ứng phó để nhanh chóng hồi phục các cá thể rùa biển đã chết và bị thương. Ba nội dung của hợp phần dự án này được trình bày dưới đây.

##### *13.2.6.2.1 Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển*

STSSN được thành lập chính thức vào năm 1980 để thu thập thông tin và lập tài liệu về các trường hợp rùa biển bị mắc cạn dọc bờ biển Vịnh Mexico và Đại Tây Dương của Mỹ. Rùa biển mắc cạn được định nghĩa là trường hợp con vật hoặc bị sóng đánh lên bờ hoặc được tìm thấy đang nổi, chết hoặc còn sống, và nếu còn sống thì thường ở trong tình trạng yếu. STSSN gồm các đối tác cấp liên bang, tiểu bang và tư nhân và được điều phối bởi NOAA. Mỗi bang có một điều phối viên STSSN phụ trách điều phối ứng phó với tình huống mắc cạn trong phạm vi bang của mình. Các cơ quan chủ quản của điều phối viên bang ở mỗi bang là NPS đối với STSSN Texas, Sở Hải vật và Động vật hoang dã Louisiana đối với STSSN Louisiana, NOAA đối với STSSN Mississippi, USFWS đối với STSSN Alabama, và Ủy ban Bảo tồn Cá và Động vật hoang dã Florida đối với STSSN Florida.

Các cá thể rùa mắc cạn được ghi chép trên mẫu mắc cạn STSSN chuẩn hóa. Tùy vào loài, kích cỡ, địa điểm và tình trạng xác chết, các cá thể rùa biển mắc cạn đã chết được giải phẫu tại chỗ, chôn trên bãi biển hoặc vận chuyển tới kho đông lạnh để giải phẫu và lấy mẫu sau. Các cá thể rùa mắc cạn còn sống được vận chuyển tới cơ sở khôi phục hoặc sắp xếp vào các hệ thống MASH trong các trường hợp ngủ đông hoặc sự cố ứng phó khẩn cấp.

***Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển toàn vùng Vịnh của NOAA***

NOAA sẽ triển khai tăng cường hạ tầng nhằm nâng cao năng lực ứng phó, tăng cường công tác điều phối, xử lý và báo cáo dữ liệu, và phổ biến dữ liệu kiện toàn để dụng trong các chương trình quản lý bảo tồn. Các bên tham gia công tác tăng cường STSSN toàn vùng Vịnh sẽ bao gồm NOAA và các điều phối viên STSSN cấp bang ở năm bang vùng Vịnh. Công tác tăng cường sẽ bố trí nhân viên của STSSN qua STSSN toàn vùng Vịnh để cải thiện năng lực ứng phó nhằm hồi phục các cá thể rùa biển đã chết hoặc bị thương và vận chuyển, phổ biến dữ liệu để cải thiện công tác quản lý bảo tồn. Dự án sẽ bao gồm vốn tài trợ cho các vị trí ở năm bang và ba vị trí mới do NOAA thuê nhằm tập trung vào công tác điều phối STSSN toàn vùng Vịnh. Mục đích của STSSN tăng cường là nhằm đảm bảo khả năng ứng phó nhanh hơn trước các biến cố mắc cạn bất thường, cho phép xác định và vận chuyển các nguồn gốc gây tử vong một cách nhanh chóng hơn và triển khai các giải pháp khi có thể. Ví dụ, nếu quan sát thấy số trường hợp mắc cạn hoặc mức độ mắc cạn gia tăng bất thường ở một khu vực cụ thể, đồng thời việc giải phẫu xác của

những con đã chết đó cho thấy khả năng tình trạng cưỡng ép lặn sâu hoặc tương tác với cá là nguyên nhân tử vong, khi đó thông tin sẽ được chia sẻ với GMT và các cơ quan hành pháp cấp liên bang và bang (tức là Cơ quan Hành pháp TPWD) để chỉ đạo tốt hơn trọng tâm của các nỗ lực tiếp cận, giáo dục và thực thi.

***Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển và Nỗ lực Khôi phụckhôi phục ở Texas***

DOI và Ủy viên Texas sẽ tăng cường hơn nữa STSSN trong phạm vi Texas bằng cách tài trợ cho các NGO, trường đại học và cơ sở khôi phục là đối tác STSSN nhằm mở rộng năng lực của mạng lưới. Các cá thể rùa biển bị mắc cạn ở Texas thường được phát hiện trong khi đi tìm trực tiếp và nhờ người dân trình báo. Do đa phần ven biển của Texas nằm ở vùng hẻo lánh, khó tiếp cận và thường phải cần xe bốn bánh hoặc thuyền tiếp cận để đón các cá thể rùa biển bị mắc cạn, vậy nên thời gian phản ứng với trường hợp rùa biển bị mắc cạn có thể rất lâu. Hợp phần được đề xuất này sẽ thay thế phần tài trợ bị mất và mở rộng năng lực của STSSN trong tìm kiếm và phục hồi các cá thể rùa bị thương và ngủ đông, mục đích là nâng cao số lượng cá thể rùa biển còn sống được trả lại vùng Vịnh, xem Hình 13-7. Vốn tài trợ sẽ được dùng cho nhân lực, thiết bị, phương tiện và nhu yếu phẩm. Các bên tham gia hỗ trợ đề xuất tăng cường STSSN và nỗ lực khôi phục ở Texas gồm có NOAA, DOI và TPWD, cũng như nhiều NGO, trường đại học và cơ sở khôi phục khác nhau. NPS đóng vai trò là điều phối viên bang Texas cho STSSN, đảm nhận các trách nhiệm ở cấp toàn bang và địa phương liên quan tới trường hợp rùa biển mắc cạn trên bờ biển Texas. Thành viên trong đội ngũ của NBS đến từ PAIS phụ trách đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các bên tham gia STSSN ở Texas và lưu giữ hồ sơ về các trường hợp rùa biển mắc cạn ở Texas.

#### *13.2.6.2.2 Xây dựng Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển*

Hợp phần dự án này sẽ cung cấp vốn cho NOAA để xây dựng và triển khai một Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển toàn diện ở vùng Vịnh Mexico nhằm tăng năng lực ứng phó của STSSN trong trường hợp khẩn cấp, mục tiêu là tăng tỷ lệ sống sót của rùa biển trong các biến cố khẩn cấp. Có một khoảng trống đáng kể về mức độ sẵn sàng ứng phó của STSSN trước các biến cố khẩn cấp, điều này tiềm ẩn khả năng làm chết và/hoặc bị thương số lượng cá thể rùa biển lớn. Hợp phần dự án này sẽ có trọng tâm chính là lập ra một kế hoạch chính thức và hạ tầng cần thiết (tức là nhu yếu phẩm và trang thiết bị) và một chương trình đào tạo thiết thực để cho phép ứng phó nhanh với các biến cố ngủ đông có khả năng làm chết hoặc bị thương số lượng cá thể rùa biển lớn. Những biến cố này đòi hỏi thực hiện công tác tìm kiếm và cứu hộ, phân loại, điều trị, tạm thời lưu giữ và cuối cùng là phóng thích rùa biển. Trọng tâm phụ đó là chương trình sẽ tăng cường năng lực ứng phó với các biến cố khẩn cấp khác như biến cố môi trường nguy hiểm, sự cố tràn dầu và bùng nổ lượng tảo có hại. Chương trình sẽ nỗ lực tăng năng lực ứng phó bằng cách giảm thời gian phản ứng và tăng khu vực tìm kiếm trong các biến cố khẩn cấp. Sẽ có năm hệ thống MASH và xe kéo được mua. Mỗi đơn vị chứa mười hai bình dung tích 500 gallon có khả năng lọc, bộ lọc UV, lều và trang thiết bị dựng lều. Hợp phần này cũng sẽ bao gồm việc sử dụng hợp đồng tàu hỗ trợ trong biến cố khẩn cấp.

### *13.2.6.3 Xây dựng và lắp đặt*

Hợp phần dự án không yêu cầu hay bao gồm công tác xây dựng cơ sở hạ tầng mới.

#### *13.2.6.4 Vận hành, bảo dưỡng và cho phép/ủy quyền*

Hợp phần dự án được đề xuất sẽ cải thiện hạ tầng của STSSN ở vùng Vịnh Mexico, ở tất cả năm bang. STSSN sẽ hoạt động trực thuộc cơ quan có thẩm quyền cấp phép hiện tại (được nêu ở phần dưới) theo các thủ tục đã đặt ra. Công tác Tăng cường STSSN sẽ diễn ra trong 10 năm. Hợp phần dự án sẽ liên quan tới viêc mua các hệ thống MASH và xe kéo, cũng như nhiều phương tiện cần bảo dưỡng. Trang thiết bị và phương tiện sẽ dược sử dụng xuyên suốt vùng Vịnh Mexico nhằm đạt được các mục đích của chương trình.

NMHS và USFWS có chung thẩm quyền cấp liên bang đối với công tác bảo tồn và hồi phục rùa biển. Theo Bản ghi nhớ Hợp tác năm 1977 giữa NMFS và USFWS liên quan tới các vai trò và trách nhiệm đối với công tác bảo tồn, bảo vệ và hồi phục rùa biển, USFWS có trách nhiệm chính tại các bãi biển nơi rùa làm tổ trong khi NMFS có trách nhiệm chính về môi trường thủy sinh. Công tác ứng phó và khôi phục trong trường hợp rùa biển mắc cạn thường diễn ra với trách nhiệm theo thẩm quyền chung giữa hai cơ quan này. NMFS có vai trò điều phối chính nhằm đảm bảo rằng dữ liệu được thu thập đầy đủ cho mục đích quản lý, theo dõi và nghiên cứu và nhằm tạo điều kiện sử dụng dữ liệu nhằm đáp ứng các mục tiêu hồi phục.

USFWS ủy quyền cho các cơ quan đời sống hoang dã bang của Texas, Louisiana, Mississippi và Florida tiến hành ứng phó trong trường hợp mắc cạn trên bờ. Sự ủy quyền này được nêu trong Mục 6 của Đạo luật các loài nguy cấp, thẩm quyền ủy nhiệm. Sau đó, những cơ quan này ủy quyền cho các nhân viên ứng phó mắc cạn, dưới quyền Điều phối viên bang, nhằm ứng phó và lập tài liệu cho các cá thể rùa bị mắc cạn. Ở Alabama, USFWS ban hành ESA Mục 10(a)(1)(A) trực tiếp cho phép nhân viên ứng phó mắc cạn. USFWS cũng luật hóa các quy định (được tìm thấy tại 50 C.F.R. §17.21 và 17.31) ủy quyền cho nhân viên của USFWS và NMFS ứng phó trong trường hợp mắc cạn trên bờ. NMFS đã luật hóa các quy định ủy quyền cho STSSN (cơ quan cấp liên bang và bang và đại lý của họ) hỗ trợ các cá thể rùa biển ốm, bị thương hoặc đã chết trong môi trường thủy sinh, được tìm thấy tại 50 C.F.R. §222.310 (đối với loài rùa nguy cấp) và 50 C.F.R. §223.206 (đối với loài rùa bị đe dọa).

STSSN hiện ứng phó và lập tài liệu cho các cá thể rùa biển ốm, bị thương hoặc đã chết được tìm thấy ở các khu vực ven biển thuộc thẩm quyền tài phán của Mỹ. Hợp phần dự án sẽ không làm thay đổi loại hoạt động mà STSSN đang tiến hành, nhưng nó sẽ cung cấp thêm tài nguyên để tăng cường năng lực của chương trình.

### 13.2.7 Môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả môi trường do Tăng cường Mạng lưới Mắc cạn và Cứu hộ Rùa biển và Phát triển Chương trình Ứng phó Khẩn cấp Rùa biển

Phân tích chương trình trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III coi một loạt tài nguyên là bộ phận của môi trường sinh học, tự nhiên và kinh tế-xã hội. Nếu phù hợp trong phân tích có phân hạng, đánh giá từng hợp phần dự án tập trung vào các tài nguyên cụ thể có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án được đề xuất. Để tránh thông tin thừa hoặc không cần thiết thì không cần phải đánh giá thêm những tài nguyên không kỳ vọng bị ảnh hưởng trong một hợp phần dự án nêu trước. Sau khi khảo sát sơ bộ, một số khu vực tài nguyên được xác định là không bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng không đáng kể bởi STSSN và các hành động Chương trình Ứng phó Khẩn cấp được đề xuất. Phần dưới đây sẽ không bàn thêm về

những tài nguyên này. Chỉ những khu vực tài nguyên có khả năng chịu tác động tiêu cực mới được đề cập chi tiết.

Những khu vực tài nguyên không được phân tích chi tiết tại đây đối với hợp phần dự án này bao gồm: địa chất và lớp nền, thủy văn và chất lượng nước, tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật, du lịch và giải trí, hạ tầng, kinh tế-xã hội và công bằng với môi trường, quản lý đất đai và biển và bảo vệ đường bờ biển. Những khu vực tài nguyên này không kỳ vọng sẽ bị ảnh hưởng bởi STSSN hay Chương trình Ứng phó Khẩn cấp bởi chúng không có liên kết hoặc có liên kết không đáng kể về mặt tự nhiên, và/hoặc chúng không có liên quan do tính chất của dự án (triển khai chương trình so với hoạt động liên quan tới xây dựng) và hai nội dung hành động của dự án.

#### *13.2.7.1 Môi trường vật lý*

Vịnh Mexico là kho chứa nước lớn thứ chín trên thế giới và bao gồm vùng gian triều, thềm lục địa, sườn lục địa và đồng bằng biển thẳm. Môi trường duyên hải gần bờ mở rộng từ vùng nước cửa sông hướng ra biển tới mép thềm lục địa của Vịnh Mexico, bao gồm đường bờ biển và thềm lục địa bên trong ở độ sâu từ 0 đến 600 feet. Phía bắc Vịnh Mexico được chi phối bởi nước đổ vào từ Lưu vực Sông Mississippi, nơi đây rút tới 41% lượng nước từ nước Mỹ liền kề và góp 90% lượng nước sạch vào vùng Vịnh (EPA 2011). Dòng nước sạch chảy vào vùng Vịnh cung cấp chất dinh dưỡng và tạo điều kiện thủy văn, hình thành nhiều loại hệ sinh thái với những đặc tính và môi trường sống có một không hai. Phần mô tả môi trường tự nhiên của Vịnh Mexico được chia thành địa chất và lớp nên, thủy văn và chất lượng nước, chất lượng không khí và thải khí nhà kính, cũng như đặc điểm tiếng ồn trong khu vực.

##### *13.2.7.1.1 Chất lượng không khí và thải khí nhà kính*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Khu vực dự án bao gồm toàn bộ vùng Vịnh Mexico, nơi có khí hậu cận nhiệt đới hải dương, như được mô tả trong Chương 3.2.3 Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIvà trong Chương 8-12 của cùng tài liệu.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại và không xây dựng chương trình Ứng phó Khẩn cấp. Phương án này sẽ không làm tăng hay giảm số lượng biến cố mắc cạn mà STSSN hiện nay sẽ phải ứng phó với.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIcó mô tả các tác động tới chất lượng không khí và thải khí nhà kính từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ loài rùa biển, bao gồm việc mở rộng mạng lưới cứu hộ rùa biển mắc cạn.

Nếu mở rộng STSSN và phát triển chương trình Ứng phó Khẩn cấp thì sẽ làm tăng khả năng của nhân viên trong việc ứng phó với các trường hợp rùa biển mắc cạn và/hoặc tình huống khẩn cấp trên biển hoặc đất liền. Việc tăng nhẹ mức sử dụng tàu và/hoặc phương tiện để ứng phó với các biến cố mắc cạn trên biển (như trường hợp ngủ đông) hoặc trên đất liền có thể sẽ thải một lượng nhỏ khí tại cục bộ do việc sử dụng tàu và/hoặc phương tiện. Kết quả của việc ứng phó với số lượng biến cố mắc cạn gia tăng có thể có hoặc không gây ra tác động nhỏ, cục bộ và tạm thời đến chất lượng của không khí. Mọi tác động sẽ chỉ xảy ra khi tàu và/hoặc phương tiện được sử dụng và tình trạng hiện nay sẽ giữ nguyên nếu không sử dụng chúng.

#### *13.2.7.1.2 Tiếng ồn*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Khu vực dự án bao gồm các môi trường ven bờ ở vùng Vịnh Mexico như được mô tả trong Chương 3.2.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn IIIBản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III. Những nguồn chính gây ra tiếng ồn môi trường (nền) ở khu vực dự án là các âm thanh tự nhiên như gió, tác động của sóng và đời sống hoang dã. Rất ít tiếng ồn môi trường là do con người hay các hoạt động của con người gây ra. Những tiếng ồn do con người gây ra gồm có tiếng ồn do tàu thương mại hoặc du lịch, tàu vận tải biển hoặc các cơ sở thương mại như dàn khoan dầu khí.

***Hậu quả môi trường***

Không hành động

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại và không xây dựng chương trình Ứng phó Khẩn cấp. Phương án này sẽ không làm tăng hay giảm số lượng biến cố mắc cạn mà STSSN hiện nay sẽ phải ứng phó với và sẽ không có ảnh hưởng tới tiếng ồn.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tiếng ồn từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ rùa biển. Mục 6.3.9.4 chủ yếu bàn về các tác động do hoạt động xây dựng gây ra. Hợp phần dự án này sẽ không bao gồm việc xây dựng bất kỳ loại cơ sở hay hạ tầng mới nào.

Nếu mở rộng STSSN và phát triển chương trình Ứng phó Khẩn cấp thì sẽ làm tăng khả năng của nhân viên trong việc ứng phó với các trường hợp rùa biển mắc cạn và/hoặc tình huống khẩn cấp trên biển hoặc đất liền. Có thể xảy ra tăng nhẹ mức sử dụng tàu và/hoặc phương tiện để ứng phó với các biến cố mắc cạn trên biển (như ngủ đông, tràn dầu, bùng nổ lượng tảo có hại) hoặc trên đất liền. Sự tăng không đáng kể về mức sử dụng tàu và phương tiện thì sẽ có tác động nhỏ, ngắn hạn tới tiếng ồn. Mọi tác động sẽ đều có tính chất nhỏ, cục bộ và tạm thời, và sẽ chỉ xảy ra khi tàu và/hoặc phương tiện được sử dụng và tình trạng hiện nay sẽ giữ nguyên nếu không sử dụng chúng.

### *13.2.7.2 Môi trường sinh học*

Phía bắc Vịnh Mexico chứa nhiều loại môi trường sống cho các hệ sinh thái đa dạng và phong phú với cả nền đất là nơi ươm trồng và cung cấp thức ăn cho nhiều loài có vai trò quan trọng về mặt sinh thái và kinh tế (GCERTF 2011). Những môi trường sống và loài này liên kết với nhau thông qua sự dịch chuyển của sinh vật (quần thể và tính kết nối gen) và trao đổi chất dinh dưỡng và vật chất hữu cơ (chiều ngang từ vùng ven bờ tới ngoài khơi và chiều dọc từ vùng nước mặt tới thềm đại dương). Những môi trường sống này là nơi trú ẩn cho 97% tổng số loài cá và động vật giáp xác thu hoạch được từ vùng trong thời kỳ đẻ trứng hoặc các giai đoạn khác trong vòng đời của chúng (NOAA 2010). Môi trường sống, tài nguyên và sự kết nối sinh thái của chúng đều là một phần trong môi trường sinh học của Vịnh Mexico. Môi trường sinh học được chia thành hai phần: tài nguyên sống ven bờ và biển và các loài được bảo vệ. Loài được bảo vệ và môi trường sống của chúng bao gồm các loài được ESA liệt kê và môi trường sống quan trọng được chỉ định, Động vật biển có vú, chim di cư và EFH.

#### *13.2.7.2.1 Tài nguyên sống ven bờ và biển*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Hợp phần dự án này sẽ được triển khai trên các khu vực ven biển bao gồm bãi biển và môi trường sống dọc đường bờ biển khác. Như được mô tả trong Chương 3.3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, Vịnh Mexico có tổng cộng hơn 15.000 loài động vật trên cạn và dưới biển và gồm có nhiều loài bị đe dọa và nguy cấp (NOAA 2011a). Nội dung mô tả chi tiết về các môi trường sống và cộng đồng sinh thái tìm thấy trên khắp Vịnh Mexico có thể được xem tại Chương 3.3.1 và 3.3.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại, tuy nhiên sự hỗ trợ tài chính dành cho chương trình có tính biến động cao và mức nỗ lực có thể không được duy trì. Phương án này sẽ không làm tăng hay giảm số lượng biến cố mắc cạn mà STSSN hiện nay sẽ phải ứng phó với và sẽ không có ảnh hưởng nào khác tới tài nguyên sống ven bờ và biển.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.6 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tài nguyên sống ven bờ và biển từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ quần thể rùa biển.

Hoạt động của con người và/hoặc việc sử dụng trang thiết bị, tàu hoặc phương tiện có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực nhỏ trong ngắn hạn tới môi trường sống trên bãi biển và sinh vật ven bờ.

#### *13.2.7.2.2 Loài được bảo vệ*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Loài được bảo vệ và môi trường sống của chúng bao gồm các loài được ESA liệt kê và môi trường sống quan trọng được chỉ định, hoặc do USFWS hoặc do NMFS điều chỉnh. Loài được bảo vệ và môi trường sống cũng bao gồm các loài Động vật biển có vú theo Đạo luật bảo vệ Động vật biển có vú, EFH được bảo vệ theo Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens, các loài chim di cư được bảo vệ theo Đạo luật về hiệp ước chim di cư, và các loài đại bàng được bảo vệ theo Đạo luật bảo vệ đại bàng trắng và vàng.

*Loài có nguy cơ tuyệt chủng*

Như được mô tả trong Mục 3.3.2.6 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, có năm loài rùa biển được tìm thấy trong Vịnh Mexico, tất cả đều được liệt kê trong ESA. Cả năm loài này đều là loài di cư với một lãnh thổ địa lý rộng, bao gồm phía bắc Vịnh Mexico và hoạt động làm tổ có thể diễn ra trên bất kỳ bãi biển nào với điều kiện phù hợp. Mục 13.2.1.2 tóm tắt trạng thái của năm loài rùa biển này ở Vịnh Mexico và phần trình bày chi tiết hơn về năm loài rùa biển này có thể được xem trong Phụ lục A.5 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

Hợp phần dự án được đề xuất sẽ bao gồm công tác vận chuyển rùa biển, thu thập dữ liệu bao gồm các số đo, gắn thẻ, vận chuyển, khôi phục và phóng thích các cá thể rùa biển bị mắc cạn còn sống, hoặc giải phẫu và lấy mẫu xác rùa biển bị mắc cạn đã chết. Nhân viên ứng phó sẽ tuân thủ các trình tự hiện nay về ứng phó với trường hợp rùa biển còn sống và đã chết, gồm có trình tự vận chuyển, thu thập và giải phẫu. STSSN hiện được cho phép vận chuyển các cá thể rùa biển yếu, bị thương và đã chết và sẽ tiếp tục sử dụng thẩm quyền này của họ để vận chuyển các cá thể rùa biển đối với hợp phần dự án này.

Mục 3.3.2.8 (chim) và 3.3.2.9 (Đời sống hoang dã trên cạn) của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các loài khác được bảo vệ theo ESA mà có thể xuất hiện trong khu vực của hợp phần dự án, bao gồm các loài động vật có vú trên cạn. Có thể xem kỹ hơn trong Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Môi trường sống thiết yếu cho cá*

NMFS đã xác định các môi trường sống EFH cho vùng Vịnh Mexico trong các Sửa đổi Kế hoạch Quản lý Nghề cá của mình. Môi trường sống trong khu vực hợp phần dự án này gồm có vùng nước ở Vịnh Mexico và chủ yếu bao gồm vùng đáy mềm và lớp nền cát phù hợp với lớp bồi tích dọc phía bắc Vịnh Mexico.

*Động vật biển có vú*

Động vật biển có vú được tìm thấy trong Vịnh Mexico bao gồm 21 loài động vật biển có vú (cá voi và cá heo) và lợn biển Tây Ấn. Sáu loài Động vật biển có vú ở vùng Vịnh được liệt kê vào nhóm bị đe dọa hoặc nguy cơ theo ESA, bao gồm lợn biển Tây Ấn, cá voi xanh, cá voi phương Bắc, cá voi lưng gù, cá voi sei và cá nhà táng.

Nội dung trình bày chi tiết hơn về Động vật biển có vú được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Đại bàng trắng và vàng*

Đại bàng trắng và vàng có thể tìm thức ăn trong địa điểm của hợp phần dự án. Nội dung trình bày chi tiết hơn về Đại bàng trắng và vàng được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Chim di cư*

Nhiều loài chim dành toàn bộ hoặc một phần vòng đời của chúng dọc vùng Vịnh Mexico bằng cách sống trong nhiều môi trường sống khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Những nhóm chim lớn cư trú ở phía bắc Vịnh Mexico gồm có chim nước và các loài sống phụ thuộc vào nước khác, hải âu, chim thịt, chim nước xâm lấn, chim sống ở đầm lầy và chim vành khuyên. Những nhóm này được trình bày trong Chương 3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III. Nội dung trình bày chi tiết hơn về Chim di cư được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

### *Hậu quả môi trường*

*Không hành động*

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại và không xây dựng chương trình Ứng phó Khẩn cấp. Phương án này sẽ không làm tăng hay giảm số lượng biến cố mắc cạn mà STSSN hiện nay sẽ phải ứng phó với và sẽ không có ảnh hưởng khác tới các loài được bảo vệ.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.6, 6.7.6.1 và 6.7.6.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tài nguyên sống ven bờ và biển từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ quần thể rùa biển.

Nếu mở rộng STSSN và phát triển chương trình Ứng phó Khẩn cấp thì sẽ làm tăng khả năng của nhân viên trong việc ứng phó với các trường hợp rùa biển mắc cạn và/hoặc tình huống khẩn cấp trên biển hoặc đất liền. Như được mô tả trong trong Mục 6.3.9.6, 6.7.6.1 và 6.7.9.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, các lợi ích lâu dài tới loài rùa biển bao gồm tăng thời gian phản ứng, bổ sung vốn tài trợ, đào tạo nhân viên ứng phó và cải thiện công tác ứng phó mắc cạn. Hợp phần dự án sẽ nhằm hỗ trợ các cá thể rùa biển bị mắc cạn nhưng sẽ không tác động trực tiếp tới bất kỳ đe dọa nào đối với loài rùa biển trong môi trường biển. Thời gian phản ứng nhanh hơn và cơ sở lưu chứa (ví dụ như hệ thống MASH) sẽ dẫn đến việc ứng phó nhanh hơn với mục đích nhằm giảm số cá thể rùa biển đã chết hoặc cho chết trong khi cung cấp dữ liệu bổ sung để cải thiện các quyết định quản lý sau này. Dữ liệu bổ sung thu thập được từ STSSN mở rộng và chương trình Ứng phó Khẩn cấp sẽ tạo điều kiện điều phối tốt hơn không chỉ xuyên suốt mạng lưới STSSN mà còn với các Nhóm Theo dõi Phối hợp của NOAA, Chương trình Người quan sát của NOAA và cơ quan hành pháp TPWD. Dự kiến ích lợi ngắn hạn ở mức vừa phải đối với loài rùa biển là tăng tỷ lệ sống sót của các cá thể rùa bị mắc cạn.

Có thể xảy ra những ảnh hưởng tiêu cực, trực tiếp, ở mức độ không đáng kể tới nhỏ với các loài chim di cư, đại bàng hoặc Động vật biển có vú do sự xáo động mà phương tiện gây ra khi lái xe trên bãi biển hoặc lái tàu trên nước; tuy nhiên, các biện pháp giảm thiểu đang áp dụng trong chương trình hiện nay như cung cấp thông tin cho công nhân về nhận thức chung và các biện pháp tránh tác động tới các loài bị ảnh hưởng và môi trường sống của chúng sẽ giảm thiểu bất kỳ tác động tiềm tàng nào. Ngoài ra, các hoạt động sẽ được tiến hành theo quy định của giấy phép và thẩm quyền hiện tại do USFWS và NMFS cấp. Ảnh hưởng tới những loài này sẽ mang tính chất tạm thời, cục bộ và nhỏ.

#### *13.2.7.3 Con người và Kinh tế-Xã hội*

Ngoài ý nghĩa sinh thái của tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng của môi trường sống tại nơi đây, hệ sinh thái vùng Vịnh Mexico cũng có vai trò quan trọng về mặt văn hóa và kinh tế-xã hội đối với người dân vùng bờ Vịnh và Mỹ. Phần này trình bày các nội dung về tài nguyên văn hóa, công tác quản lý đất đai và biển, và các quan ngại về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới dự án Khôi phục sớm.

##### *13.2.7.3.1 Tài nguyên văn hóa*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Như đã trình bày trong Chương 3.4.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, tài nguyên văn hóa bao gồm các tài sản truyền thống, khảo cổ và được xây dựng. Tài nguyên này có thể gồm các tài sản lịch sử trong cộng đồng ven bờ hoặc tài nguyên xa bờ như tàu đắm, các địa điểm, công trình, khu khảo cổ hoặc tài nguyên của Người Mỹ Bản địa được bảo vệ theo pháp luật và quy định của Mỹ. Tài nguyên đất đai nằm trong nhóm này do mức bảo hộ được chính quyền liên bang, bang và/hoặc địa phương trao cho. Sau đây là những vùng nằm trong khu vực dự án: Khu bảo tồn Động vật hoang dã Quốc gia, Công viên Quốc gia, Công viên Bang, Khu Quản lý Động vật hoang dã Bang, công viên Thành phố/Hạt, quỹ tín thác đất đai và/hoặc Tài nguyên biển được bảo vệ, Hệ thống Dự trữ Quốc gia Nghiên cứu Cửa sông, Khu Bảo tồn biển Quốc gia.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại và không xây dựng chương trình Ứng phó Khẩn cấp. Phương án này sẽ không làm tăng hay giảm số lượng biến cố mắc cạn mà STSSN hiện nay sẽ phải ứng phó với và sẽ không có ảnh hưởng khác tới các tài nguyên văn hóa được bảo vệ.

*Hành động được đề xuất*

Dự án này sẽ được triển khai theo đúng tất cả điều luật và quy định áp dụng liên quan tới việc bảo vệ các tài nguyên văn hóa và lịch sử. Nếu mở rộng STSSN và phát triển chương trình Ứng phó Khẩn cấp thì sẽ làm tăng khả năng của nhân viên cho việc ứng phó với các trường hợp rùa biển mắc cạn và/hoặc tình huống khẩn cấp trên biển hoặc đất liền. Có thể xảy ra tăng nhẹ mức sử dụng tàu và/hoặc phương tiện để ứng phó với các biến cố mắc cạn trên biển (như trường hợp ngủ đông) hoặc trên đất liền do việc triển khai hợp phần dự án được đề xuất. Hành động đề xuất được kỳ vọng sẽ tuân thủ tất cả quy định của liên bang, bang và địa phương liên quan tới việc triển khai các hoạt động trong hoặc gần các khu vực

nhạy cảm về văn hóa. Việc thẩm định dự án này theo Mục 106 của NHPA sẽ phải được hoàn thành trước khi triển khai dự án.

#### *13.2.7.3.2 Sức khỏe và an toàn cộng đồng*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Các vấn đề về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới hoạt động vận hành và bảo dưỡng lâu dài đối với phương tiện và trang thiết bị trong chương trình. Hợp phần dự án này không bao gồm công tác xây dựng.

Hợp phần dự án đề xuất sẽ được tiến hành theo tất cả quy định và pháp luật về an toàn nghề nghiệp áp dụng (OSHA) để đảm bảo sự an toàn của tất cả công nhân và bảo vệ các thành viên của cộng đồng. Các phương tiện được thi hành pháp luật và quy định để đảm bảo giảm thiểu những nguy hại về cơ học và vận hành trong chừng mực có thể.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án Không hành động sẽ giữ nguyên khung STSSN hiện tại và không xây dựng chương trình Ứng phó Khẩn cấp. Phương án này sẽ không có ảnh hưởng tới sức khỏe và an toàn cộng đồng.

*Hành động được đề xuất*

Hành động được đề xuất sẽ đảm bảo rằng các biện pháp an toàn phù hợp được tuân thủ khi ứng phó với trường hợp rùa biển mắc cạn. Hành động được đề xuất sẽ không tạo ra rác thải nguy hiểm. Trong trường hợp xả dầu hoặc thải chất có hại, sự việc sẽ được báo cáo lên Trung tâm Ứng phó Quốc gia (800-424-8802) và cơ quan bang có liên quan nếu cần. Các BMP theo yêu cầu của OSHA, bang và địa phương sẽ được cân nhắc trong tất cả hoạt động. Bắt buộc phải có thiết bị bảo hộ cá nhân để vận chuyển rùa biển đúng cách. Mọi tác động sẽ đều có tính chất nhỏ, cục bộ và tạm thời, và sẽ chỉ xảy ra khi tàu và/hoặc phương tiện được sử dụng.

### 13.2.8 Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico và Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas

Địa điểm, phạm vi, việc vận hành và bảo dưỡng, cũng như môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả môi trường đối với các hành động được đề xuất Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico và Thi hành  ở Texas sẽ được trình bày trong các phần sau. Do dự tính có sự lặp lại về môi trường bị ảnh hưởng và các hậu quả môi trường nên hai hợp phần dự án sau được kết hợp trong đánh giá môi trường này:

1. Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico
2. Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas

Hợp phần dự án Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico của NOAA sẽ gồm có tăng cường hai chương trình hiện nay của NOAA: chương trình GMT và Chương trình Người quan sát.

Có thể cần phải thực hiện công tác tham vấn và thẩm định theo Đạo luật các loài nguy cấp, Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens, Đạo luật bảo vệ Động vật biển có vú, Đạo luật bảo vệ đại bàng trắng và vàng, Đạo luật về hiệp ước chim di cư, Đạo luật bảo tồn lịch sử quốc gia, và Đạo luật quản lý vùng ven biển đối với những hợp phần dự án này.

#### *13.2.8.1 Địa điểm của hợp phần dự án*

Hợp phần dự án được đề xuất Giảm bắt nhầm trên tàu đánh bắt tôm ở Vịnh Mexico sẽ được triển khai trên khắp Vịnh Mexico ở cả vùng nước cấp bang và liên bang trong khu vực hoặc vùng có liên quan tới nghề đánh bắt tôm bằng lưới. Phần Vịnh Mexico thuộc Mỹ mở rộng từ mũi phía nam của Texas về phía đông tới Florida Keys, dọc theo đường bờ biển của năm bang bao gồm Texas, Louisiana, Mississippi, Alabama và Florida. Chương trình GMT tăng cường của NNOAA sẽ bao gồm các hoạt động ngoài biển gắn với công tác kiểm tra TED trên biển và cũng sẽ tiến hành các hoạt động trên đất liền mức tối thiểu, như tiến hành các hội thảo giáo dục ngư dân, sự kiện đào tạo và kiểm tra TED cạnh bến. Do không kỳ vọng có tác động môi trường nào từ các hoạt động trên đất liền này nên chúng không được đề cập trong phần hậu quả môi trường. Chương trình Người quan sát sẽ bao gồm các hoạt động trên biển gắn liền với việc tiến hành quan sát trên các con tàu đánh bắt tôm đang hoạt động. Người quan sát sẽ được bố trí trên các con tàu đánh bắt tôm được liên bang và bang cấp phép, được lựa chọn ngẫu nhiên, để theo dõi hoạt động bắt nhầm rùa biển.

Các hoạt động thuộc hợp phần Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas sẽ diễn ra ở vùng nước thuộc Bang Texas (xấp xỉ 367 dặm đường bờ biển xa tới 9 hải lý) và EEZ ngoài Texas trong vùng Vịnh Mexico.

#### *13.2.8.2 Phạm vi của hợp phần dự án*

Các phần sau mô tả phạm vi của từng hợp phần dự án.

##### *13.2.8.2.1 Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico*

Hợp phần dự án Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico sẽ tăng cường hai chương trình hiện nay của NOAA, GMT và Chương trình Người quan sát, được mô tả kỹ hơn ở bên dưới.

***Tăng cường Nhóm Theo dõi Thiết bị Tàu thủy ở Vịnh Mexico***

Hợp phần dự án này sẽ mở rộng chương trình GMT của NOAA trong khu vực Vịnh Mexico. Mục đích chính của chương trình GMT mở rộng được đề xuất là nhằm nâng cao năng lực giáo dục và tiếp cận cộng đồng đánh bắt tôm nhằm cải thiện sự tuân thủ các quy định TED liên bang hiện nay. GMT mở rộng nhằm mục đích mang đến lợi ích trực tiếp cho rùa biển bằng các giảm khả năng tử vong do bị bắt thông qua việc sử dụng nhiều hơn các TED được chế tạo, lắp đặt và bảo dưỡng thích hợp.

TED là một tấm lưới vừa với đụt lưới, có đỉnh hoặc đáy luồn qua khe hở có nắp che. Rùa biển và các loài vật khác như cá mập bắt gặp lưới TED khi chúng bơi qua lưới và có thể thoát ra bằng những khe hở gần đó. Những con vật nhỏ như tôm bơi qua các thanh của lưới và bị mắc kẹt trong đụt lưới. Khi được lắp đúng cách, TED được kỳ vọng có hiệu quả 97% trong việc phóng thích rùa biển khỏi lưới.

Chương trình GMT của NOAA diễn ra ngoài Trung tâm Khoa học Nghề cá Đông Nam, Phòng thí nghiệm Pascagoula, và hiện có một đội lưu động gồm hai người. Hợp phần dự án này sẽ bổ sung hai đội mới (mỗi đội gồm 2 người), tăng chương trình lên tổng cộng ba đội. Hai đội mới sẽ được triển khai trên khắp Vịnh Mexico. GMT sẽ cải thiện tính tuân thủ của TED bằng cách hợp tác chặt chẽ với các nhà sản xuất TED và cửa hàng bán lưới để hỗ trợ và đảm bảo rằng TED được chế tạo và lắp phù hợp theo tiêu chuẩn yêu cầu. GMT sẽ làm việc với ngành đánh bắt cá để nâng cao kiến thức và hiểu biết của họ về cách chế tạo, sử dụng và bảo dưỡng TED hiệu quả. Điều này sẽ đạt được bằng cách tổ chức các buổi hội thảo và kiểm tra TED cạnh bến và trên biển.

GMT cũng sẽ hợp tác chặt chẽ với Chương trình Người quan sát và STSSN để nhận biết những khu vực cụ thể có rủi ro bắt nhầm trong vùng Vịnh. Thông qua làm việc với các cơ quan nhà nước, Chương trình Người quan sát và STSSN, GMT sẽ nhắm đến những khu vực chưa được quan tâm đúng mức ở vùng Vịnh và những khu vực được xác định là tiềm ẩn rủi ro bắt nhầm rùa biển. Hợp phần dự án được thiết kế để nâng cao công tác điều phối với các cơ quan cấp Bang và Liên bang khác, ngành đánh bắt cá và các hiệp hội nghề cá (cấp Bang và Quốc gia). Các hành động được đề xuất sẽ cung cấp hỗ trợ và tài nguyên bổ sung cần thiết để tăng tính tuân thủ với các quy định về TED.

### *Tăng cường Chương trình Người quan sát Đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Đông Nam*

Hợp phần dự án này sẽ mở rộng năng lực Chương trình Người quan sát của NOAA để bố trí người quan sát đã qua đào tạo lên các tàu đánh bắt tôm ở vùng Vịnh Mexico nhằm theo dõi việc bắt nhầm rùa biển. Chương trình Người quan sát diễn ra ngoài NMFS, Trung tâm Khoa học Nghề cá Đông Nam, Phòng thí nghiệm Galveston. Mục đích chính của Chương trình Người quan sát được mở rộng đó là nâng cao khả năng thu thập dữ liệu về các trường hợp bắt nhầm rùa biển trong hoạt động đánh bắt tôm bằng lưới ở vùng Vịnh. Nguồn vốn tài trợ cho hợp phần dự án này sẽ bổ sung 300 ngày công quan sát trên biển hàng năm trong khoảng thời gian 10 năm. Phạm vi bổ sung này sẽ tập trung vào những thời điểm và khu vực cụ thể được xác định là ưu tiên theo dõi bắt nhầm rùa biển để giúp cho việc đặc trưng hóa và đánh giá thực trạng bắt nhầm. Thông tin về trường hợp rùa biển tương tác với các hoạt động đánh bắt sẽ giúp định vị, điều chỉnh và cải thiện công tác quản lý bảo tồn và khả năng hồi phục các cá thể rùa biển ở vùng Vịnh.

Chương trình Người quan sát của NOAA hiện đang quan sát xấp xỉ 2% số tàu đánh bắt tôm thương mại ở Vịnh Mexico và Đông Nam Tây Đại Dương phía Mỹ (xấp xỉ 1.500 ngày công trên biển mỗi năm), với chi phí hàng năm xấp xỉ 2 triệu USD (NMFS 2013, NMFS 2012). Thông tin bổ sung thu thập được thông qua việc mở rộng này cũng sẽ được sử dụng để thông báo tốt hơn cho các khu vực mục tiêu về những nỗ lực của GMT và STSSN nhằm cải thiện công tác quản lý bảo tồn và phục hồi loài rùa biển ở Vịnh Mexico. Mục đích cuối cùng của việc mở rộng công tác theo dõi Chương trình Người quan sát là nhằm giảm số lượng rùa Kemp's Ridley, rùa quản đồng và rùa biển xanh bị chết do bị bắt nhầm trong hoạt động đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Vịnh Mexico. Việc bố trí người quan sát sẽ được NOAA thẩm định để đảm bảo rằng việc quan sát diễn ra tại đúng thời điểm và/hoặc địa điểm nơi rùa biển có thể xuất hiện và tại nơi khả năng bắt nhầm là lớn nhất.

#### *13.2.8.2.2 Thi hành bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas*

Vốn cho hợp phần dự án Thi hành bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas sẽ được sử dụng để tăng cường hoạt động thi hành của TPWD đối với các thuyền cá vô tình bắt nhầm rùa biển trong khi hoạt động chủ yếu ở vùng nước thuộc Bang Texas (xấp xỉ 367 dặm dọc ven bờ ra xa đến 9 hải lý) và EEZ ngoài Texas trong vùng Vịnh Mexico trong thời gian 10 năm. Những hoạt động thi hành tăng cường này sẽ tập trung vào việc tuân thủ các quy định về TED trong mùa đánh bắt tôm ở vùng Vịnh (chủ yếu từ Tháng hai đến giữa Tháng năm) ngay trước khi Vịnh dừng hoạt động đánh bắt tôm vào Tháng năm. Hoạt động tuần tra sẽ tập trung vào khung thời gian này bởi đó là thời điểm bắt đầu mùa làm tổ và thời gian diễn ra hoạt động đánh bắt tôm sôi động. Những nỗ lực trước đây nhằm tăng cường hoạt động thi hành trong khoảng thời gian này đã có tác động tích cực tới tỷ lệ tuân thủ, giảm số trường hợp mắc cạn quan sát được vào khoảng thời gian này. Mục đích chính của hợp phần dự án này đó là nhằm giảm tỷ lệ rùa biển chết nhờ việc tuân thủ hơn với các quy định về TED do tăng cường hành động thi hành.

Hợp phần dự án sẽ bao gồm một loạt hoạt động tuần tra tập trung vào việc thi hành quy định về TED ở vùng Vịnh Mexico dọc toàn bộ bờ biển Texas, đảm bảo sự tuân thủ của các tàu đánh bắt tôm thương mại nước ngoài. Hoạt động tuần tra mục tiêu diễn ra chủ yếu trong thời điểm trong năm khi số trường hợp rùa biển mắc cạn thường ở mức cao nhất. Những đợt tuần tra này sẽ phải diễn ra với tần suất cao hơn tần suất tuần tra hiện nay ở vùng nước bang Texas thuộc Vịnh Mexico.

Tàu gắn liền với loại hoạt động thi hành vùng biển mở này là những loại tàu tuần tra tầm trung với đội tàu gồm ba Cung trưởng và tàu tuần tra tầm xa với đội tàu gồm bốn Cung trưởng. Có mười ba tàu tuần tra tầm trung và hai tàu tuần tra tầm xa dọc bờ biển. TPWD kỳ vọng sẽ cung cấp khoảng 200 giờ công trên tàu tuần tra tầm trung và 80 giờ công trên tàu tuần tra tầm xa để tăng cường việc thi hành TED. Số giờ công có thể được chuyển qua lại giữa hai loại tàu tùy vào thời tiết hoặc yêu cầu tuần tra.

### *13.2.8.3 Xây dựng và lắp đặt*

Không hoạt động nào trong hợp phần dự án Giảm bắt nhầm ở Vịnh Mexico và Thi hành ở Texas, gồm các hoạt động trên cạn đi kèm, yêu cầu hay gồm có bất kỳ hoạt động xây dựng nào.

### *13.2.8.4 Vận hành và bảo dưỡng*

Các phần sau mô tả việc vận hành và bảo dưỡng của từng hợp phần trong số hai hợp phần dự án trên.

#### *13.2.8.4.1 Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm sử dụng lưới rê ở Vịnh Mexico*

***Tăng cường Nhóm Theo dõi Thiết bị đánh bắt ở Vịnh Mexico***

Hợp phần dự án Tăng cường GMT của NOAA sẽ cung cấp vốn để mở rộng chương trình GMT hiện đang diễn ra trên khắp Vịnh Mexico. Hợp phần dự án được đề xuất sẽ đảm bảo năng lực lớn hơn để tiếp cận và giáo dục cộng đồng đánh bắt tôm nhằm cải thiện việc tuân thủ các quy định TED hiện hành của Liên bang. Công tác tăng cường sẽ diễn ra trong 10 năm. Các hoạt động tăng cường GMT sẽ bao gồm mua phương tiện và tàu cần bảo dưỡng định kỳ.

### *Tăng cường Chương trình Người quan sát Đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Đông Nam*

Hợp phần dự án này sẽ cung cấp vốn để mở rộng Chương trình Người quan sát hiện đang diễn ra trên khắp vùng Vịnh Mexico trong lĩnh vực hoạt động đánh bắt tôm. Việc tăng cường Chương trình Người quan sát sẽ bổ sung 300 ngày công quan sát hàng năm trong thời gian 10 năm. Không hoạt động tăng cường Chương trình Người quan sát nào yêu cầu hay bao gồm việc bảo dưỡng phương tiện hay các thiết bị khác.

Chương trình Người quan sát hiện đang diễn ra theo hồ sơ giấy phép nghiên cứu khoa học số 15552 (NMFS 2011a), được đánh giá trong một EA có tiêu đề "Đánh giá môi trường về giấy phép nghiên cứu khoa học cấp cho Trung tâm khoa học dịch vụ nghề cá biển quốc gia (Hồ sơ giấy phép số 15552) để tiến hành nghiên cứu loài rùa biển bị đe dọa và nguy cấp" (NMFS 2011b). Giấy phép do NMFS cấp cho phép người quan sát đánh giá tiến hành các hoạt động nghiên cứu về loài rùa biển trong danh sách của ESA bị bắt ngẫu nhiên trên các thuyền cá thương mại. Mục đích của nghiên cứu là nhằm ghi nhận việc tiếp nhận các cá thể rùa biển trong danh sách của ESA ở nhiều giai đoạn đời sống trên thuyền cá thương mại và nhằm nâng cao khả năng ước tính tỷ lệ bắt nhầm rùa biển để đặc trưng hóa những ảnh hưởng tới các nhóm quần thể rùa biển (NOAA 2011). Hoạt động nghiên cứu sẽ bao gồm vận chuyển các cá thể rùa biển để nhận biết, chụp ảnh, đo đạc, áp dụng gắn chip điện tử Passive Integrated Transponder (PIT), thu thập mẫu sinh thiết và gắn chip vào chi của rùa biển, các bộ phận cứu nạn và khả năng vận chuyển rùa chết hoặc bị thương tới nhân viên STSSN được phê duyệt. Dữ liệu do người quan sát thu thập sẽ cung cấp thông tin quý báu để xác định mục tiêu, điều chỉnh và cải thiện công tác quản lý bảo tồn và hồi phục rùa biển ở Vịnh Mexico.

### *13.2.8.4.2 Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas*

Hợp phần dự án Thi hành ở Texas sẽ cấp vốn để tăng cường các hoạt động thi hành bắt nhầm hiện nay do TPWD tiến hành. Hợp phần dự án sẽ bao gồm một loạt hoạt động tuần tra tập trung vào việc thi hành quy định về TED (Tuyên bố về Ngành đánh bắt tôm Toàn bang tại 31 TAC 58.160) ở vùng Vịnh Mexico dọc toàn bộ bờ biển Texas, đảm bảo sự tuân thủ của các tàu đánh bắt tôm thương mại nước ngoài. Những đợt tuần tra này sẽ phải diễn ra với tần suất cao hơn tần suất tuần tra hiện nay ở vùng nước bang Texas hay EEZ ngoài Texas thuộc Vịnh Mexico. Hoạt động mở rộng sẽ diễn ra trong 10 năm và sẽ cần bảo dưỡng tàu của TPWD. Môi trường bị ảnh hưởng và hậu quả môi trường do các hành động Giảm bắt nhầm trên tàu đánh bắt tôm ở Vịnh Mexico và Thi hành bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas

Phân tích chương trình trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III coi một loạt tài nguyên là bộ phận của môi trường sinh học, tự nhiên và kinh tế-xã hội. Nếu phù hợp trong phân tích có phân hạng, đánh giá từng hợp phần dự án tập trung vào các tài nguyên cụ thể có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án được đề xuất. Để tránh thông tin thừa hoặc không cần thiết thì không cần phải đánh giá thêm những tài nguyên không kỳ vọng bị ảnh hưởng trong một hợp phần dự án nêu trước. Sau khi khảo sát sơ bộ, một số khu vực tài nguyên được xác định là không bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng không đáng kể bởi các hành động Giảm bắt nhầm ở Vịnh Mexico và Thi hành ở Texas. Phần dưới đây sẽ không bàn thêm về những tài nguyên này. Chỉ những khu vực tài nguyên có khả năng chịu tác động tiêu cực mới được đề cập chi tiết.

Những khu vực tài nguyên không được phân tích chi tiết tại đây đối với hợp phần dự án này bao gồm: địa chất và lớp nền, thủy văn và chất lượng nước, kinh tế-xã hội và công bằng với môi trường, quản lý đất đai và biển, tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật, du lịch và giải trí, hạ tầng và bảo vệ đường bờ biển. Môi trường bị ảnh hưởng đối với hợp phần dự án này là các tài nguyên sinh học và tự nhiên ở các lưu vực sông của Vịnh Mexico. Cụ thể hơn, do hợp phần dự án được đề xuất sẽ liên quan tới công tác quan sát trên tàu đánh bắt tôm đang hoạt động, thu thập dữ liệu về các loài rùa biển bị bắt vô tình trên tàu đánh bắt tôm, và các hành động giáo dục và thi hành được tiến hành với các tàu đánh bắt tôm đang hoạt động. Vì mục đích của phân tích này, môi trường bị ảnh hưởng tập trung chủ yếu vào các tài nguyên sinh học trong những vũng nước này.

### 13.2.9 Môi trường bị ảnh hưởng và hậu quả môi trường của Giảm bắt nhầm do đánh bắt tôm bằng lưới rê ở Vịnh Mexico và Thi hành liên quan bắt nhầm trong nghề cá tăng cường ở Texas

#### *13.2.9.1 Môi trường vật lý*

Phần này chủ yếu bao gồm các nội dung về địa chất và lớp nền, thủy văn và chất lượng nước, chất lượng không khí, thải khí nhà kính và tiếng ồn; tuy nhiên, phần dưới đây chỉ mô tả về chất lượng không khí, thải khí nhà kính và tiếng ồn. Xem Chương 3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III để biết thông tin chi tiết về môi trường tự nhiên của vùng có liên quan trong những hợp phần dự án này.

##### *13.2.9.1.1 Chất lượng không khí và thải khí nhà kính*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Khu vực dự án bao gồm toàn bộ vùng Vịnh Mexico, nơi có khí hậu cận nhiệt đới hải dương, như được mô tả trong Chương 3.2.3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

Các hoạt động trong hợp phần dự án sẽ chủ yếu được tiến hành ở Vịnh Mexico trên tàu tuần tra và đánh cá của Texas ở những khu vực vùng Vịnh Mexico mà ngành đánh bắt tôm Mỹ thường sử dụng.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong Chương trình Người quan sát, GMT và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới chất lượng không khí và thải khí nhà kính từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ loài rùa biển, bao gồm việc mở rộng các chương trình giảm bắt nhầm.

Các hoạt động tăng cường của Chương trình Người quan sát, GMT và Thi hành ở Texas sẽ dẫn đến việc tăng nhẹ mức sử dụng tàu và có thể dẫn đến tình trạng thải khí cục bộ, nhỏ do sử dụng tàu. Kết quả của

hành động được đề xuất sẽ dẫn đến tác động nhỏ, cục bộ và tạm thời tới chất lượng không khí. Mọi tác động sẽ chỉ xảy ra khi tàu được sử dụng và tình trạng hiện nay sẽ giữ nguyên nếu không sử dụng chúng.

#### *13.2.9.1.2 Tiếng ồn*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Khu vực dự án bao gồm các môi trường biển ven bờ và ngoài khơi ở vùng Vịnh Mexico như được mô tả trong Chương 3.2.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III. Những nguồn chính gây ra tiếng ồn môi trường (nền) ở khu vực dự án là các âm thanh tự nhiên như gió, tác động của sóng và đời sống hoang dã. Rất ít tiếng ồn môi trường là do con người hay các hoạt động của con người gây ra. Những tiếng ồn do con người gây ra gồm có tiếng ồn do tàu thương mại hoặc du lịch, tàu vận tải biển hoặc các cơ sở thương mại như dàn khoan dầu khí. Ở khu vực ngoài khơi, những nguồn này phân tán rộng khắp các vùng địa lý.

Tiếng ồn từ hoạt động tàu có thể lan xuống dưới và lên trên bề mặt nước. Sẽ có thêm tiếng ồn được tạo ra từ việc sử dụng giới hạn phương tiện và tàu.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong GMT, Chương trình Người quan sát và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.4 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tiếng ồn từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ rùa biển. Mục 6.3.9.4 chủ yếu bàn về các tác động do hoạt động xây dựng gây ra. Hợp phần dự án này sẽ không bao gồm hoạt động xây dựng nào.

Việc triển khai các hợp phần dự án sẽ sinh ra tiếng ồn do hai phương tiện và tàu bỏ sung trong chương trình GMT và số giờ công trên thuyền bổ sung từ tàu thi hành TPWD. Những tác động này sẽ có tính chất nhỏ, cục bộ và ngắn hạn. Sau khi tàu hoàn thành nhiệm vụ của mình, tiếng ồn trở lại mức ồn môi trường. Vì thế, mọi tác động ngắn hay dài hạn đ-ều được xem là không đáng kể.

### *13.2.9.2 Môi trường sinh học*

Phía bắc Vịnh Mexico chứa nhiều loại môi trường sống cho các hệ sinh thái đa dạng và phong phú với cả nền đất là nơi ươm trồng và cung cấp thức ăn cho nhiều loài có vai trò quan trọng về mặt sinh thái và kinh tế (GCERTF 2011). Những môi trường sống và loài này liên kết với nhau thông qua sự dịch chuyển của sinh vật (quần thể và tính kết nối gen) và trao đổi chất dinh dưỡng và vật chất hữu cơ. Những môi trường sống này là nơi trú ẩn cho 97% tổng số loài cá và động vật giáp xác thu hoạch được từ vùng trong thời kỳ đẻ trứng hoặc các giai đoạn khác trong vòng đời của chúng (NOAA 2010). Môi trường sống, tài nguyên và sự kết nối sinh thái của chúng đều là một phần trong môi trường sinh học của Vịnh Mexico.

Môi trường sinh học được chia thành hai phần: tài nguyên sống ven bờ và biển và các loài được bảo vệ. Loài được bảo vệ và môi trường sống của chúng bao gồm các loài được ESA liệt kê và môi trường sống quan trọng được chỉ định, Động vật biển có vú, chim di cư và EFH.

#### *13.2.9.2.1 Tài nguyên sống ven bờ và biển*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Như được mô tả trong Chương 3.3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, Vịnh Mexico có hơn 15.000 loài động vật dưới biển và gồm có nhiều loài bị đe dọa và nguy cấp (NOAA 2011a). Nội dung mô tả chi tiết về các môi trường sống và cộng đồng sinh thái tìm thấy trên khắp Vịnh Mexico có thể được xem tại Chương 3.3.1 và 3.3.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III. Môi trường này bao gồm các quần thể đáy gần bờ, các nhóm động vật không xương sống cỡ nhỏ và lớn như loài nhuyễn thể, bọt bể, giun nhiều tơ, loài giáp xác cũng như động vật sống dưới đáy nước và hệ động vật mặt đáy. Nếu mô tả kỹ hơn ta có các loài như sò, các quần thể vi động vật ngoài khơi, tảo đuôi ngựa và cá chuồn (đáy, khoài khơi, nước đôi và nước ngọt).

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong GMT, Chương trình Người quan sát và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.6 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tài nguyên sống ven bờ và biển từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ quần thể rùa biển.

Hoạt động của con người và/hoặc việc sử dụng trang thiết bị, tàu hoặc phương tiện trên vùng ven biển có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực nhỏ trong ngắn hạn tới môi trường sống trên bãi biển và sinh vật ven bờ.

#### *13.2.9.2.2 Loài được bảo vệ*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Loài được bảo vệ và môi trường sống của chúng bao gồm các loài được ESA liệt kê và môi trường sống quan trọng được chỉ định, hoặc do USFWS hoặc do NMFS điều chỉnh. Loài được bảo vệ và môi trường sống cũng bao gồm các loài Động vật biển có vú theo Đạo luật bảo vệ Động vật biển có vú, EFH được bảo vệ theo Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens, các loài chim di cư được bảo vệ theo Đạo luật về hiệp ước chim di cư, và các loài đại bàng được bảo vệ theo Đạo luật bảo vệ đại bàng trắng và vàng.

*Loài nguy cấp*

Như được mô tả trong Mục 3.3.2.6 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, có năm loài rùa biển được tìm thấy trong Vịnh Mexico, tất cả đều được liệt kê trong ESA. Cả năm loài này đều là loài di cư với một lãnh thổ địa lý rộng, bao gồm phía bắc Vịnh Mexico và hoạt động làm tổ có thể diễn ra trên bất kỳ bãi biển nào với điều kiện phù hợp. Mục 13.2.1.2 tóm tắt trạng thái của năm loài rùa biển này ở Vịnh Mexico và phần trình bày chi tiết hơn về năm loài rùa biển này có thể được xem trong Phụ lục A.5 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

Mục 3.3.2.8 (chim) và 3.3.2.9 (Đời sống hoang dã trên cạn) của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các loài khác được bảo vệ theo ESA mà có thể xuất hiện trong khu vực của hợp phần dự án, bao gồm hệ động vật có vú trên cạn. Có thể xem kỹ hơn về các loài được bảo vệ và giai đoạn trong vòng đời của rùa biển trong Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Môi trường sống thiết yếu cho cá*

NMFS đã xác định các môi trường sống EFH cho vùng Vịnh Mexico trong các Sửa đổi Kế hoạch Quản lý Nghề cá của mình. Môi trường sống trong khu vực hợp phần dự án này gồm có vùng nước ở Vịnh Mexico và chủ yếu bao gồm (vùng đáy mềm và lớp nền cát) phù hợp với lớp bồi tích dọc phía bắc Vịnh Mexico.

*Động vật biển có vú*

Động vật biển có vú được tìm thấy trong Vịnh Mexico bao gồm 21 loài động vật biển có vú (cá voi và cá heo) và lợn biển Tây Ấn. Sáu loài Động vật biển có vú ở vùng Vịnh được liệt kê vào nhóm bị đe dọa hoặc nguy cơ theo ESA, bao gồm lợn biển Tây Ấn, cá voi xanh, cá voi phương Bắc, cá voi lưng gù, cá voi sei và cá nhà táng.

Nội dung trình bày chi tiết hơn về Động vật biển có vú được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Đại bàng trắng và vàng*

Đại bàng trắng và vàng có thể tìm thức ăn trong địa điểm của hợp phần dự án. Nội dung trình bày chi tiết hơn về Đại bàng trắng và vàng được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

*Chim di cư*

Nhiều loài chim dành toàn bộ hoặc một phần vòng đời của chúng dọc vùng Vịnh Mexico bằng cách sống trong nhiều môi trường sống ven biển khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Những nhóm chim lớn cư trú tại các khu vực ven biển ở phía bắc Vịnh Mexico gồm có chim nước và các loài sống phụ thuộc vào nước khác, hải âu, chim thịt, chim nước xâm lấn, chim sống ở đầm lầy và chim vành khuyên. Những nhóm này được trình bày trong Chương 3 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III. Nội dung trình bày chi tiết hơn về Chim di cư được bảo vệ có thể được xem ở Mục 3.3.2.7 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III.

### *Hậu quả môi trường*

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong GMT, Chương trình Người quan sát và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng.

*Hành động được đề xuất*

Mục 6.3.9.6, 6.7.6.1 và 6.7.6.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III có mô tả các tác động tới tài nguyên sống ven bờ và biển từ những dự án khôi phục sớm nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ quần thể rùa biển.

Hợp phần dự án được đề xuất sẽ bao gồm công tác vận chuyển rùa biển thông qua Chương trình Người quan sát của NOAA, thu thập dữ liệu, đo đạc và gắn thẻ chip. Nhân viên sẽ tuân thủ các trình tự hiện nay về ứng phó với trường hợp rùa biển còn sống và đã chết, gồm có vận chuyển và thu thập. Chương trình Người quan sát hiện được cho phép vận chuyển các cá thể rùa biển và sẽ tiếp tục sử dụng thẩm quyền này của họ để vận chuyển các cá thể rùa biển đối với hợp phần dự án này.

Việc tăng cường chương trình Người quan sát theo đề xuất sẽ được thực hiện như cách được cho phép trong giấy phép Chương trình Người quan sát (Giấy phép số 15552). Ảnh hưởng của hợp phần dự án được đề xuất tới từng cá thể rùa biển dự tính sẽ không khác với những ảnh hưởng đã được phân tích trong EA tháng 7/2011. Người quan sát sẽ chỉ được cho phép tiếp nhận số lượng rùa biển được cho phép trong giấy phép và ý kiến sinh học sau khi tham khảo ý kiến theo ESA Mục 7.

EA cho giấy phép Chương trình Người quan sát (Giấy phép số 15552) đánh giá ảnh hưởng của những hoạt động sau tới rùa biển: vận chuyển và cầm giữ; đo đạc, cân và chụp ảnh; gắn chip vào chi và gắn chip PIT, vẽ dấu lên mai; phóng thích và cứu sinh. Hợp phần dự án sẽ tăng số ngày công quan sát theo giấy phép Chương trình Người quan sát, nhưng sẽ không thay đổi bất kỳ hoạt động hay trình tự hiện hữu nào đối với Chương trình Người quan sát khi quan sát một cá thể rùa biển. Vì thế, phân tích được thực hiện trong EA để cấp Giấy phép số 15552 cũng áp dụng cho hợp phần dự án này.

Các hợp phần dự án GMT và Thi hành ở Texas sẽ có tác dụng cải thiện tính tuân thủ với các quy định của liên bang về TED. Kỳ vọng sẽ không có tác động trực tiếp tới các loài được bảo vệ do kết quả của hợp phần dự án này. Các hợp phần được thiết kế để cải thiện tỷ lệ tuân thủ nói chung của TED, điều này kỳ vọng sẽ có lợi cho từng cá thể rùa biển. Nếu lắp và sử dụng TED đúng cách thì việc phóng thích rùa biển khỏi lưới đánh bắt tôm sẽ đạt hiệu quả 97% (NMFS 2014). Những hợp phần dự án này sẽ làm tăng khả năng sống sót cho rùa biển.

Sẽ xảy ra những ảnh hưởng tiêu cực, trực tiếp, ở mức độ không đáng kể tới nhỏ với các loài chim di cư, đại bàng hoặc Động vật biển có vú do sự xáo động mà phương tiện gây ra khi lái xe trên bãi biển hoặc lái tàu trên nước; tuy nhiên, các biện pháp giảm thiểu đang áp dụng trong chương trình hiện nay như cung cấp thông tin cho công nhân về nhận thức chung và các biện pháp tránh tác động tới các loài bị ảnh

hưởng và môi trường sống của chúng sẽ giảm thiểu bất kỳ tác động tiềm tàng nào. Ảnh hưởng tới những loài này sẽ mang tính chất tạm thời, cục bộ và nhỏ.

#### *13.2.9.3 Con người và kinh tế-xã hội*

Ngoài ý nghĩa sinh thái của tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng của môi trường sống tại nơi đây, hệ sinh thái vùng Vịnh Mexico cũng có vai trò quan trọng về mặt văn hóa và kinh tế-xã hội đối với người dân vùng bờ Vịnh và Mỹ. Phần này trình bày các nội dung về tài nguyên văn hóa, công tác quản lý đất đai và biển, và các quan ngại về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới dự án Khôi phục sớm.

##### *13.2.9.3.1 Tài nguyên văn hóa*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Như đã trình bày trong Chương 3.4.2 của Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, tài nguyên văn hóa bao gồm các tài sản truyền thống, khảo cổ và được xây dựng. Tài nguyên này có thể gồm các tài sản lịch sử trong cộng đồng ven bờ hoặc tài nguyên xa bờ như tàu đắm, các địa điểm, công trình, khu khảo cổ hoặc tài nguyên của Người Mỹ Bản địa được bảo vệ theo pháp luật và quy định của Mỹ. Tài nguyên đất đai nằm trong nhóm này do mức bảo hộ được chính quyền liên bang, bang và/hoặc địa phương trao cho. Gồm có những khu vực sau: Khu bảo tồn Động vật hoang dã Quốc gia, Công viên Quốc gia, Công viên Bang, Khu Quản lý Động vật hoang dã Bang, công viên Thành phố/Hạt, quỹ tín thác đất đai và/hoặc Tài nguyên biển được bảo vệ, Hệ thống Dự trữ Quốc gia Nghiên cứu Cửa sông, Khu Bảo tồn biển Quốc gia.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong GMT, Chương trình Người quan sát và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng. Phương án này sẽ không có ảnh hưởng nào khác tới tài nguyên văn hóa.

*Hành động được đề xuất*

Dự tính không có tác động tới tài nguyên văn hóa do các hành động được đề xuất sẽ không tương tác với tài nguyên văn hóa. Dự án này sẽ được triển khai theo đúng tất cả điều luật và quy định áp dụng liên quan tới việc bảo vệ các tài nguyên văn hóa và lịch sử. Việc thẩm định dự án này theo Mục 106 của NHPA sẽ phải được hoàn thành trước khi triển khai dự án.

##### *13.2.9.3.2 Sức khỏe và an toàn cộng đồng*

***Tài nguyên bị ảnh hưởng***

Các vấn đề về sức khỏe và an toàn cộng đồng liên quan tới hoạt động vận hành và bảo dưỡng lâu dài đối với phương tiện và trang thiết bị trong chương trình.

Hợp phần dự án đề xuất sẽ được tiến hành theo tất cả quy định và pháp luật về an toàn nghề nghiệp áp dụng (OSHA) để đảm bảo sự an toàn của tất cả công nhân và bảo vệ các thành viên của cộng đồng. Các

phương tiện được thi hành pháp luật và quy định để đảm bảo giảm thiểu những nguy hại về cơ học và vận hành trong chừng mực có thể.

***Hậu quả môi trường***

*Không hành động*

Phương án không hành động sẽ duy trì mức nỗ lực hiện nay đối với các hoạt động trong GMT, Chương trình Người quan sát và Thi hành ở Texas trong vùng Vịnh Mexico và chương trình sẽ không được tăng cường hay mở rộng. Phương án này sẽ không có ảnh hưởng tới sức khỏe và an toàn cộng đồng.

*Hành động được đề xuất*

Hành động được đề xuất sẽ đảm bảo rằng các biện pháp an toàn phù hợp được tuân thủ. Hành động được đề xuất sẽ không tạo ra rác thải nguy hiểm. Trong trường hợp xả dầu hoặc thải chất có hại, sự việc sẽ được báo cáo lên Trung tâm Ứng phó Quốc gia (800-424-8802) và cơ quan bang có liên quan nếu cần. Các BMP theo yêu cầu của OSHA, bang và địa phương sẽ được cân nhắc trong tất cả hoạt động. Bắt buộc phải có thiết bị bảo hộ cá nhân để vận chuyển rùa biển đúng cách. Mọi tác động sẽ đều có tính chất nhỏ, cục bộ và tạm thời, và sẽ chỉ xảy ra khi tàu và/hoặc phương tiện được sử dụng.

### 13.2.10 Tổng tắt chung và các bước tiếp theo của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển

Dự án Khôi phục sớm Rùa biển được đề xuất liên quan tới một nhóm hành động nhằm khôi phục và bảo vệ loài rùa biển ở Vịnh Mexico. Dự án Khôi phục sớm Rùa biển gồm bốn hợp phần dự án: Tuy nhiên, EA gồm có ba phần do quan sát có nhiều điểm tương đồng giữa bốn hợp phần. Phân tích của NEPA về hậu quả môi trường của từng hợp phần trong dự án được đề xuất này cho thấy có các tác động nhỏ (hoặc không đáng kể) tới một số nhóm tài nguyên và dự tính không có tác động tiêu cực ở mức độ vừa phải hay lớn do kết quả từ bất kỳ hợp phần dự án nào kể trên. Khi xem xét các hậu quả môi trường xuyên suốt toàn bộ dự án Khôi phục sớm Rùa biển, phân tích cho thấy các tài nguyên sẽ không bị ảnh hưởng bởi hoạt động của dự án hoặc chịu tác động tiêu cực ở mức độ nhỏ và/hoặc tích cực ở mức độ nhỏ đến vừa phải.

Tác động tới môi trường tự nhiên từ việc triển khai dự án Khôi phục sớm Rùa biển sẽ bao gồm:

- Quá trình xây dựng cabin sẽ có tác động nhỏ, dài hạn tới địa chất và lớp nền.
- Kỳ vọng sẽ có tác động nhỏ tới thủy văn và tài nguyên nước, chất lượng không khí, thải khí nhà kính và tiếng ồn.

Tác động tới môi trường sinh học từ việc triển khai dự án Khôi phục sớm Rùa biển sẽ bao gồm:

- Có thể xảy ra một số tác động tiêu cực nhỏ, tạm thời tới tài nguyên biển và ven bờ chẳng hạn như thức ăn cho chim ven bờ như loài chim sẻ biển và chim dẽ lưng nâu.
- Kết luận là các loài được bảo vệ sẽ nhận được tác động có lợi, không tiêu cực, do STSSN tăng cường và chương trình ứng phó khẩn cấp sẽ cố gắng giúp đỡ các loài được bảo vệ thông qua nỗ lực cứu nạn, khôi phục và giảm bắt nhầm, qua đó giảm tỷ lệ chết ở loài rùa quản đồng, rùa biển xanh và rùa Kemp’s Ridley.

- Rùa biển Kemp's Ridley cũng hưởng lợi ích từ các hoạt động bảo vệ tổ diễn ra ở Mexico và Texas.
- Kỳ vọng sẽ có tác động có lợi trong dài hạn đối với các loài rùa quản đồng, rùa Kemp's Ridley và rùa biển xanh, ngoài ra cũng có thêm lợi ích cho các loài rùa biển lưng da và rùa biển lưỡi cong.

Tác động tới hoạt động sử dụng bởi con người việc triển khai dự án Khôi phục sớm Rùa biển sẽ bao gồm:

- Các nội dung Kinh tế-Xã hội và Luật Môi trường sẽ không bị tác động.
- Dự tính tài nguyên văn hóa sẽ không bị tác động.
- Công tác quản lý đất đai và biển và hạ tầng được xác định là không có tác động tiêu cực; tuy nhiên, sẽ có tác động tích cực tới những nội dung này tại PAIS qua việc cung cấp hạ tầng an toàn và cần thiết cho nhân viên tuần tra.
- Sẽ có các tác động nhỏ, ngắn hạn tới tính thẩm mỹ và tài nguyên cảnh vật, du lịch và giải trí do kết quả của việc xây dựng cabin mới.
- Có thể xảy ra các tác động tiêu cực nhỏ, ngắn hạn tới hoạt động du lịch và giải trí trong giai đoạn xây dựng cabin.
- Hạ tầng sẽ không bị tác động tiêu cực và hưởng lợi nhờ việc xây dựng các cabin và bãi quây an toàn ở vị trí chiến lược.
- Sức khỏe và an toàn cộng đồng có thể chịu tác động nhỏ trong ngắn hạn bởi việc xây dựng và khả năng tràn vật liệu nguy hiểm do gia tăng sử dụng tàu hàng hải; tuy nhiên, các quy trình an toàn sẽ giảm thiểu được những tác động đó.

Nhìn chung, kỳ vọng sẽ chỉ diễn ra những tác động tiêu cực ở mức nhỏ (hoặc không đáng kể) đối với một số tài nguyên trong khi hợp phần dự án này dự tính sẽ đem lại tác động có lợi tới loài rùa biển.

Ủy viên đã bắt đầu hoạt động điều phối và thẩm định theo Đạo luật các loài nguy cấp, Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens, Đạo luật về hiệp ước chim di cư, Đạo luật bảo vệ đại bàng trắng và vàng và Đạo luật quản lý vùng ven biển, Đạo luật bảo tồn lịch sử quốc gia, Mục 404 của Đạo luật nước sạch, Mục 10 của Đạo luật sông và cảng, cùng các quy chế cấp liên bang khác nếu áp dụng. Ủy viên triển khai sẽ áp dụng và phải triển khai biện pháp giảm thiểu cho từng dự án (bao gồm BMP) được xác định trong Kế hoạch Khôi phục sớm Giai đoạn cuối IV và nội dung tham vấn/giấy phép đã hoàn thành. Việc giám sát sẽ do các Ủy viên triển khai thực hiện. Nếu ảnh hưởng tới các loài được liệt kê và môi trường sống của chúng khác với ảnh hưởng đã được tham vấn, bao gồm những hậu quả ngoài dự tính đối với những loài này, Ủy viên sẽ tiến hành (nếu chưa kết luận có ảnh hưởng ngay từ đầu) hoặc tiến hành lại (đối với nội dung đã tham vấn) tham vấn với cơ quan điều tiết. Ủy viên sẽ tiến hành thẩm định nhằm đảm bảo không có ảnh hưởng ngoài dự tính đối với những loài được liệt kê trong và môi trường sống, và rằng BMP được triển khai và tiếp tục như đã định. Ủy viên sẽ xem xét nhận xét của người dân và thông tin liên quan tới những quan ngại môi trường do hành động được đề xuất hoặc những tác động của chúng. Quyết định cuối cùng về dự án này sẽ được trình bày trong Kế hoạch Khôi phục sớm Giai đoạn cuối IV.

### 13.2.11 Tác động tích lũy của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển

Như được đề cập trong Chương 4, quy định của CEQ NEPA yêu cầu đánh giá tác động tích lũy trong quá trình ra quyết định đối với các dự án, kế hoạch và chương trình cấp liên bang. Tác động tích lũy được định nghĩa là "tác động lên môi trường do kết quả của tác động gia tăng từ hành động khi được bổ sung vào các hành động quá khứ, hiện tại và tương lai trong phạm vi có thể đoán trước được một cách hợp lý, không phụ thuộc vào cơ quan (liên bang hay không liên bang) hay cá nhân thực hiện hành động đó" (40 C.F.R. §1508.7).

Dự án Khôi phục sớm Rùa biển được đề xuất thuộc vào loại dự án "Khôi phục và Bảo vệ loài Rùa biển" trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III và đáp ứng các tiêu chí đánh giá được lập ra bởi OPA và Thỏa thuận khung. Phân tích tác động tích lũy liên quan tới hành động được đề xuất trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III được tham khảo trong phân tích tác động tích lũy sau đối với Dự án Khôi phục sớm Rùa biển. Phân tích sau tập trung vào các ảnh hưởng tích lũy có thể do Dự án Khôi phục sớm Rùa biển được đề xuất đối với ảnh hưởng từ những hành động trước đây, đã được đánh giá trong phân tích tác động tích lũy trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III và ảnh hưởng của một số hành động quá khứ, hiện tại và tương lai trong phạm vi có thể đoán trước được một cách hợp lý chưa được phân tích trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III này.

#### *13.2.11.1 Thẩm định theo địa điểm và phân tích tác động tích lũy đối với tài nguyên có liên quan.*

Phần này mô tả các hành động quá khứ, hiện tại và tương lai trong phạm vi có thể đoán trước được một cách hợp lý chưa được đề cập trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, nhưng có liên quan đối với việc xác định tác động tích lũy mà Dự án Khôi phục sớm Rùa biển có thể có trên phạm vi liên quan tới hành động này. Bối cảnh và mức độ như định nghĩa trong Mục 13.2.2 được sử dụng để xác định xem có tồn tại tác động tích lũy đáng kể tiềm tàng từ dự án rùa biển không.

Các hành động quá khứ, hiện tại và tương lai trong phạm vi có thể đoán trước được một cách hợp lý khác liên quan tới hành động này, nhưng không được phân tích trong Bản chính thức ERP/PEIS Giai đoạn III, cũng được xác định. Hành động có thể liên quan tới phân tích tác động tích lũy trong dự án rùa biển được đề xuất tại đây được xác định là những hành động có phạm vi, thời điểm, tác động và/hoặc địa điểm tương tự. Địa điểm của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển được xác định là các bãi biển ven bờ của Texas và dọc bờ biển Tamaulipas, Mexico và các môi trường ven bờ, gần bờ và ngoài khơi của Vịnh Mexico tính từ Texas đến hết Bờ biển Vịnh Florida. Hành động ở cấp liên bang và bang, ngoài các dự án được đề xuất trong Giai đoạn IV và dự án phục hồi khác liên quan tới sự cố Tràn cũng được cân nhắc. Công tác tham vấn Mục 7 của ESA do NMFS và USFWS hoàn thành được đánh giá để xác định liệu có hành động nào tương tự nhau về phạm vi, thời điểm và tác động tới Dự án Khôi phục sớm Rùa biển không. Ngoài ra, giấy phép theo Mục 10 của ESA do NMFS cấp cũng được đánh giá về những tác động tương tự và các dự án trong Giai đoạn IV cũng vậy.

Cụ thể, đối với dự án Khôi phục sớm Rùa biển, những tài nguyên bị ảnh hưởng có liên quan được phân tích trong EA này gồm:

- Môi trường tự nhiên (Chất lượng không khí, Thải khí nhà kính và Tiếng ồn)

- Môi trường sinh học (Tài nguyên biển và Tài nguyên biển được bảo vệ)
- Hoạt động sử dụng bởi con người và Nội dung kinh tế-xã hội (Tài nguyên văn hóa, Quản lý đất đai và biển, Hạ tầng).

Các loại hoạt động sau được xác định là có tác động tiềm tàng tới những tài nguyên tương tự như hành động được đề xuất:

#### *13.2.11.1.1 Đánh bắt thương mại*

Dự án được đề xuất có một hợp phần về thu thập dữ liệu và nghiên cứu về rùa biển quan sát được khi vô tình bị bắt trên tàu đánh bắt tôm bằng lưới lê. Tàu đánh cá thương mại vẫn thường vô tình bắt được rùa biển trong hàng chục năm nay, tuy nhiên mức độ đánh bắt của tàu cá nói chung có thể thay đổi qua thời gian do chính sách bảo vệ rùa biển theo ESA, sự suy giảm số lượng, thay đổi tập quán đánh bắt cá, và việc quản lý đánh bắt rùa biển bởi ngành cá. Khi được điều tiết, việc bắt rùa biển trên tàu cá hoạt động trong vùng Vịnh Mexico dự tính sẽ còn tiếp tục trong tương lai gần. Nội dung tại đây trình bày tổng quan về những ảnh hưởng tới rùa biển bởi những tàu cá và chương trình này để đưa ra nội dung thảo luận toàn diện hơn liên quan tới các ảnh hưởng tích lũy.

Ảnh hưởng của hoạt động nghề cá tới tàu biển không chỉ giới hạn ở nghề cá như được nêu trong phần Hành động được đề xuất. Hoạt động của tàu đánh bắt cá trong vùng nước nơi có thể bắt gặp rùa biển gây ra nguy cơ đối với loài này do rủi ro đâm va với tàu di chuyển. Rùa biển cũng tương tác với dụng cụ đánh bắt cá như câu vàng, móc câu và dây câu và lưới cuốn do bị móc hoặc vướng vào lưới đánh bắt. Rùa móc vào lưới này có thể bị thương hoặc chết do bị móc, tùy vào việc chúng bị móc trong nội quan hay bên ngoài và móc có đâm sâu vào trong cơ quan của chúng hay không. Việc tương tác với lưới đánh bắt có thể có ảnh hưởng dài lâu tới khả năng bơi, kiếm ăn, di trú và sinh sản của rùa, mặc dù những ảnh hưởng này khó có thể theo dõi hay đo lường được.

Lưới hồ, bẫy, chụp, lưới vỉ và lưới đánh bắt tôm có thể quấn hoặc khiến rùa biển bị mắc kẹt. Rùa biển đặc biệt dễ bị tổn thương do bị mắc kẹt bởi hình dáng cơ thể và hành vi của chúng. Có nhiều trường hợp ghi nhận rùa biển bị mắc cạn hoặc bị quấn cho thấy vật dụng rác từ hoạt động đánh bắt cá có thể quấn quanh cổ, chân chèo hoặc thân của rùa biển và hạn chế nghiêm trọng khả năng bơi hoặc kiếm ăn của chúng.

Ở Vịnh Mexico, NMFS đã ban hành Ý kiến Sinh học cho phép bắt nhầm rùa biển theo ESA Mục 7 đối với những hoạt động đánh bắt cá sau:

- Đánh bắt cá sử dụng dây câu vàng tầng nổi
- Đánh bắt cá Mú dùng gàu ở Nam Đại Tây Dương
- Đánh bắt cá di cư trên biển tầng nổi bằng dây câu vàng
- Đánh bắt cá mập
- Đánh bắt tôm bằng lưới rê

#### *13.2.11.1.2 Giấy phép nghiên cứu*

NMFS chủ động cấp giấy phép nghiên cứu cho các nhà nghiên cứu về loài rùa biển ở những khu vực có thể trùng với khu vực hành động được đề xuất. Ảnh hưởng của những hoạt động nghiên cứu riêng lẻ này (ví dụ như khảo sát, hành trình bắt động vật thực địa) mang tính chất ngắn hạn, chỉ diễn ra trong vài giờ cho đến vài ngày sau khi nghiên cứu. Do dự án được đề xuất có khoảng thời gian 10 năm và các hoạt động trên phạm vi rộng, khó có thể xác định cụ thể quy mô trùng lặp về thời gian và không gian của tất cả hoạt động nghiên cứu được cho phép, hoặc xác định tần suất có thể gây xáo trộn đời sống của một quần thể cục bộ nào đó.

#### *13.2.11.1.3 Các hoạt động khác của con người*

Trước đây, một trong những yếu tố chính góp phần làm sụt giảm số lượng rùa biển đó là hoạt động khai thác trứng rùa và rùa biển cho mục đích thương mại. Ngày nay, rùa biển có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của con người, gồm có hoạt động đánh bắt cá giải trí (bắt nhầm do mắc kẹt và bị vướng vào lưới đánh bắt cá), giảm chất lượng môi trường sống và hoạt động du lịch, giải trí (sự quấy rối do hoạt động tiếp cận và sự có mặt của con người) trong khu vực hành động. Trong số những hoạt động này, việc bắt nhầm rùa biển và gây xáo trộn dẫn đến việc các nhóm cá thể chuyển nơi ở hoặc thay đổi hành vi như kiếm ăn hoặc sinh sản là những hoạt động có khả năng gây ảnh hưởng tích lũy tới loài rùa cao hơn là các hoạt động nghiên cứu được đề xuất.

Rùa biển cũng hưởng lợi từ hoạt động của con người do các cơ quan và tổ chức cấp liên bang, bang hoặc địa phương thực hiện, gồm có các nỗ lực quản lý, bảo tồn và phục hồi, theo dõi tổ, giáo dục và tiếp cận, các chương trình ứng phó trong trường hợp mắc cạn.

### *13.2.11.2 Tác động tích lũy tiềm tàng khi được đánh giá với các dự án đề xuất khác trong Giai đoạn IV*

Do tính chất của dự án được đề xuất này, dự tính dự án rùa biển được đề xuất sẽ không góp phần vào các tác động tiêu cực tiềm tàng tích lũy cùng với các dự án khác trong Giai đoạn IV. Dự án được đề xuất, Dự án câu vàng tầng nổi, là dự án có quan hệ mật thiết nhất với dự án rùa biển bởi hai dự án liên quan đến nhau trong các hoạt động đánh bắt cá trên Vịnh Mexico. Tuy nhiên, do hai hành động được đề xuất này ảnh hưởng tới các hoạt động đánh bắt cá khác nhau nên sẽ không có tác động tiêu cực tích lũy. Ngoài ra, do cả hai dự án được đề xuất đều nhằm mục đích khôi phục và bảo về tài nguyên biển, chúng cùng góp phần vào tác động tích cực tích lũy tới các tài nguyên được Ủy viên ủy thác trong môi trường vùng Vịnh Mexico.

### *13.2.11.3 Tổng hợp các tác động tích lũy của hành động được đề xuất*

Nhìn chung, tác động tích lũy của Dự án Khôi phục sớm Rùa biển được đề xuất khi xét cùng với các hành động quá khứ, hiện tại và tương lai trong phạm vi có thể đoán trước được một cách hợp lý sẽ đem lại tác động tích cực trong dài hạn, bởi công tác khôi phục sẽ góp phần phục hồi và bảo vệ loài rùa biển bị đe dọa và nguy cấp, trong khi giảm thiểu tác động kinh tế-xã hội tới cộng đồng.

## 13.3 Tài liệu Tham khảo


Brown, C., K. Andrews, J. Brenner, J.W. Tunnell, C. Canfeld, C. Dorsett, M. Driscoll và E. Johnson, S. Kaderka. 2011. Chiến lược khôi phục Vịnh Mexico (Báo cáo hợp tác NGO). Tổ chức Nature Conservancy. Arlington, Virginia. Trang 23

EPA. 2011. *Những điều cần biết về Vịnh Mexico.* Tải về từ trang web: http://www.epa.gov/gmpo/about/facts.html.

EPA. 2013. Thực trạng các yêu cầu của kế hoạch triển khai cấp bang đối với khu vực được chỉ định, khu vực Texas theo chất ô nhiễm. Truy cập ngày 7/10/2013. http://www.epa.gov/air/urbanair/sipstatus/reports/tx_areabypoll.html

Gladys Porter Zoo. 2013. Báo cáo năm 2013 về Dự án khôi phục quần thể của Mexico/Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ đối với loài rùa biển Kemp's ridley, *Lepidochelys kempii,* trên Bờ biển Tamaulipas, Mexico. Báo cáo soạn bởi Luis Jaime Pena.

Nhóm chuyên trách Khôi phục Hệ sinh thái Bờ biển vùng Vịnh (GCERTF). 2011. Chiến lược khôi phục hệ sinh thái vùng Vịnh Mexico. Tải về từ trang web: http://www.epa.gov/gulfcoasttaskforce/pdfs/GulfCoastReport_Full_12-04_508-1.pdf

NMFS. 2005. Đánh giá môi trường và phát hiện không có vấn đề về tác động môi trường đáng kể theo Đạo luật các loài nguy cấp Mục 10(a)(1)(A) Giấy phép chương trình theo quy định đối với các loài rùa biển được liệt kê. Ban hành quy định cuối cùng cho phép ứng phó với trường hợp cá thể rùa biển nguy cấp bị mắc cạn trong môi trường biển. (Cán bộ chịu trách nhiệm – James H. Lecky).

NMFS. 2011a. Giấy phép nghiên cứu khoa học số 15552 cấp cho Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Trung tâm Khoa học Nghề cá Đông Nam, về việc tiếp nhận các loài được bảo vệ (rùa biển) nhằm mục đích nghiên cứu. (Bên chịu trách nhiệm – Bonnie Ponwith).

NMFS. 2011b. Đánh giá môi trường về giấy phép nghiên cứu khoa học cấp cho Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Trung tâm Khoa học Nghề cá Đông Nam (Hồ sơ giấy phép số 15552) để tiến hành nghiên cứu loài rùa biển bị đe dọa và nguy cấp. (Cán bộ chịu trách nhiệm – James H. Lecky).

NMFS. 2013. Báo cáo Thường niên của Chương trình Người quan sát Quốc gia – Năm tài khóa 2012, NOAA Tech. Memo. NMFS F/SPO-127, trang 38.

NMFS. 2012. Báo cáo Thường niên của Chương trình Người quan sát Quốc gia – Năm tài khóa 2011, NOAA Tech. Memo. NMFS F/SPO-123, trang 36.

NMFS. 2014. Ý kiến sinh học về việc tiến hành lại công tác tham vấn theo Mục 7 Đạo luật các loài nguy cấp (ESA) về việc tiếp tục triển khai Quy định về bảo tồn rùa biển theo ESA và tiếp tục cho phép đánh bắt tôm ở Đông Nam nước Mỹ tại vùng biển liên bang theo Đạo luật quản lý và bảo tồn nghề cá Magnuson-Stevens (MSFMCA).

NMFS và USFWS. 1991. Kế hoạch khôi phục quần thể rùa biển xanh Đại Tây Dương *Chelonia mydas* ở Mỹ. Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia và Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã, Washington, D.C.

NMFS và USFWS. Kế hoạch khôi phục loài rùa lưng da ở vùng biển Caribe, Đại Tây Dương và Vịnh Mexico thuộc Mỹ năm 1992. Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Washington, D.C.

NMFS và USFWS. 1993. Kế hoạch khôi phục loài rùa biển lưỡi cong ở vùng biển Caribe, Đại Tây Dương và Vịnh Mexico thuộc Mỹ, St. Petersburg, Florida.

NMFS và USFWS. 1998. Kế hoạch khôi phục quần thể loài rùa olive ridley (*Lepidochelys olivacea*) ở Thái Bình Dương thuộc Mỹ. Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Silver Spring, Maryland.

NMFS và USFWS. 2007a. Đánh giá 5 năm về loài rùa biển xanh (*Chelonia mydas*): Tổng kết và Đánh giá, Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia và Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã, Silver Spring, MD.

NMFS và USFWS. 2007b. Đánh giá 5 năm về loài rùa biển lưỡi cong (*Eretmochelys imbricata*): Tổng kết và Đánh giá, Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia và Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã.

NMFS và USFWS. 2007c. Đánh giá 5 năm về loài rùa biển Kemp's Ridley (*Lepidochelys kempii*): Tổng kết và Đánh giá. Bộ Thương mại Hoa Kỳ, Cơ quan Nhà nước Quản lý Biển và Khí quyển, Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Văn phòng tài nguyên được bảo vệ.

NMFS và USFWS. 2008. Kế hoạch khôi phục đối với quần thể rùa quản đồng (*Caretta caretta*) ở Đại Tây Dương: Bản sửa đổi lần 2. Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia và Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã, Silver Spring, Maryland.

NMFS và USFWS, và SEMARNAT. 2011. Kế hoạch khôi phục hai nước đối với loài rùa biển Kemp's ridley (*Lepidochelys kempii*), bản sửa đổi lần hai. Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã, và SEMARNAT, Silver Spring, Maryland.

NMFS và USFWS. 2013. Đánh giá 5 năm về loài rùa biển lưng da (*Dermochelys coriacea*): Tổng kết và Đánh giá. NOAA, Cơ quan Cơ quan Dịch vụ Thủy sản biển Quốc gia, Văn phòng tài nguyên được bảo vệ và Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã, Vùng Đông Nam, Văn phòng Dịch vụ Sinh thái Jacksonville.

NOAA. 2010. *Môi trường sống thiết yếu cho cá: Ủy quyền bảo tồn môi trường sống của cá ở biển cho cơ quan liên bang.* Khu vực Vịnh Mexico. Ban Bảo tồn Môi trường sống, Văn phòng Khu vực Đông Nam. St. Petersburg, Florida. Sửa đổi Tháng 9.

NOAA. 2011a. Rùa quản đồng (*Caretta caretta*). Văn phòng Tài nguyên được bảo vệ. Trang web truy cập vào ngày 9/4/2015: http://www.nmfs.noaa.gov/pr/species/turtles/loggerhead.htm.

NOAA. 2011b. Loài bị đe dọa và nguy cấp; Xác định chín bộ phận quần thể rùa quản đồng khác nhau vào nhóm bị đe dọa hoặc nguy cấp. Tải về từ trang web: http://www.nmfs.noaa.gov/pr/pdfs/species/loggerhead_listing_finalrule_filed.pdf.

NPS. 2006. Chính sách quản lý năm 2006. Văn phòng Nội vụ, Cục Công viên Quốc gia, ISBN 0-16-076874-8. Văn phòng In ấn thuộc Chính phủ Hoa Kỳ, Washington, D.C.

Shaver, D.J. và C.W. Caillouet, Jr. 1998. Nhiều cá thể rùa Kemp's ridley hơn quay lại nam Texas để làm tổ. Thư của tờ tin tức Marine Turtle News 82:1-5

Shaver, D.J. 2005. Phân tích dự án đếm số cá thể và in ký hiệu lên rùa Kemp's ridley tại Bờ biển Quốc gia Đảo Padre, Texas, 1978-88 rồi ghi nhận các trường hợp rùa Kemp's ridley làm tổ và mắc cạn trên Bờ biển Texas. Chelonian Conserv. Biol. 4(4):846-859.

USFWS. 1970. Sổ đăng ký Liên bang Cuốn 35, số 233, Thứ 4 ngày 2/12/1970, trang 18319-18322.

USFWS. 1978 a. Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã Hoa Kỳ. 1978a. Động vật hoang dã và thực vật bị đe dọa và nguy cấp; xác định môi trường sống trọng yếu đối với loài sếu Mỹ. 15/5/1978. Sổ đăng ký Liên bang 43(94): 20938-20942.

USFWS. 1978 b. Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã Hoa Kỳ 1978b. Động vật hoang dã và thực vật bị đe dọa và nguy cấp; môi trường sống trọng yếu được đề xuất đối với loài sếu Mỹ. 17/8/1978 Sổ đăng ký Liên bang 43(160):36588-36590.

USFWS 1985. Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã Hoa Kỳ. 1985. Động vật hoang dã và thực vật bị đe dọa và nguy cấp; xác định tình trạng bị đe dọa và nguy cấp đối với loài chim sẻ biển. 11/12/1985. Sổ đăng ký Liên bang 50(238): 50720-50733

USFWS. 2014. Cơ quan Dịch vụ về Cá và động vật hoang dã Hoa Kỳ. Động vật hoang dã và thực vật bị đe dọa và nguy cấp năm 2014; Tình trạng loài bị đe dọa đối với chim dẽ lưng nâu Rufa; Quy định cuối cùng. 11/12/2014. Sổ đăng ký Liên bang 79(238): 73706-73748. http://www.gpo.gov/fdsys/pkg/FR-2014-12-11/pdf/2014-28338.pdf. Truy cập ngày 9/4/2015

Đại bàng đầu vàng